

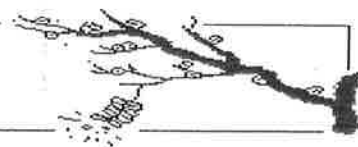


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

*Ban biên tập nguyệt san Thông Luận kính chúc quý độc giả
một năm Ất Hợi an khang và thịnh vượng*



Vấn đề trong tháng

Chính quyền cộng sản bắt giam và truy tố Hòa thượng Thích Quảng Độ

Như để đánh tan mọi thắc mắc sau những lời tuyên bố đầy thiện chí của các vị lãnh đạo đảng và nhà nước cộng sản - xóa bỏ hận thù, hòa hợp dân tộc, cùng hướng về tương lai, chấp nhận những ý kiến khác biệt, v.v... - tối 31-12-1994, công an đã đập vào Thanh Minh Thiền Viện khám xét và sau đó, từ ngày 4-1-1995 đã bắt giam Hòa thượng Thích Quảng Độ. Trong một thông cáo xác xược ngày 25-1-1995, chính quyền cộng sản tuyên bố sẽ đem Hòa thượng Quảng Độ ra xét xử như một thành phần bất hảo về tội phá rối trật tự an ninh. Một cách xác xược không kém, bản thông cáo còn cho biết chính quyền cộng sản đã bắt Hòa thượng Huyền Quang đi quản thúc tại một ngôi chùa khác theo lời yêu

cầu của tăng ni và quần chúng địa phương vì Hòa thượng làm phiền họ.

Lý do nào đã khiến chính quyền cộng sản một lần nữa ra tay thô bạo với Hòa thượng Quảng Độ?

Ngày 19-8-1994, đúng ngày kỷ niệm 49 năm Cách mạng tháng 8, Hòa thượng Quảng Độ đã gửi tới ông Đỗ Mười một giác thư kèm với một bản nhận định dài 44 trang đánh máy với 12 trang phụ lục đánh máy. Lá thư của Hòa thượng Quảng Độ là một chứng liệu nặng nề tố cáo bản chất cực kỳ ác độc và phi dân tộc của chế độ. Bản nhận định của Hòa thượng phơi bày tỉ mỉ những tội ác ghê gớm của đảng cộng sản đối với dân tộc Việt Nam và Phật Giáo Việt Nam, đặc biệt là vụ cải cách ruộng đất tại miền Bắc năm 1956 mà theo Hòa thượng Quảng Độ đã làm thiệt mạng 700.000 người, việc tàn sát các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và chính sách tiêu diệt Phật Giáo tại miền Bắc. Những điều này nhiều người đã tố giác, nhưng xuất phát từ một cao tăng như Quảng Độ chúng có một trọng lượng đặc biệt. Với tư cách một người trong cuộc, Hòa thượng Quảng Độ cũng đã phơi bày những sự thực thô bỉ trong âm mưu đàn dưng "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" của đảng cộng sản và tư cách của những người được đảng cộng sản đề cao như những khuôn mặt lãnh đạo tinh thần Phật Giáo.

Vào giữa lúc các văn kiện của Hòa thượng Quảng Độ được chuyển tay phổ biến rộng rãi và gây xúc động lớn thì ngày 12-10-1994, Hòa thượng Huyền Quang, người kế thừa Hòa thượng Đôn Hậu lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã ra văn thư với nội dung của một lời trần trối trao quyền lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cho Hòa thượng Quảng Độ. Những ai đã từng theo dõi Phật Giáo Việt Nam đều đã biết Hòa thượng Quảng Độ là nhân vật uy tín nhất của Phật Giáo Việt Nam từ sau 1975, nhưng với sự ủy nhiệm chính thức của Hòa thượng Huyền Quang, đột nhiên, những tài liệu do Hòa thượng Quảng Độ soạn thảo và cho lưu hành có một giá trị đặc biệt quan trọng, và nhân vật Quảng Độ cũng có một tầm vóc lớn hơn hẳn. Chính quyền cộng sản vốn sợ Quảng Độ từ lâu, họ đã quyết định triệt hạ Quảng Độ trước khi Hòa thượng trở thành người đào mồ chôn chế độ.

Trong số này

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------|
| 1. Vấn đề trong tháng | Thông Luận |
| 3. Chính trị quốc tế: | |
| Ngân hàng Thế Giới: xuất khẩu... | Huỳnh Hùng |
| 4. "Pháp quyền" cộng sản qua vụ... | Trần Thanh Hiệp |
| 6. Câu đối Tết Ất Hợi (1995) | Tú Xuân Hà Sĩ Phu |
| 7. Giới thiệu một cuộc bàn thảo... | Phạm Ngọc Lân |
| 8. Thư gửi Hà Sĩ Phu | Phan Đình Diệu |
| 9. Thư ngỏ | Bùi Minh Quốc |
| 12. Ước gì được thực hiện... | Tiêu Dao Bảo Cự |
| 14. Thư gửi Tiêu Dao Bảo Cự | Phan Đình Diệu |
| 15. Cuộc sống của Mao | Bùi Tín |
| 20. Tia sáng cuối đường hầm | Mai Chi |
| 21. Vai trò của trí thức... | Diệp Tường Bảo |
| 23. Đối thoại về vấn đề tôn giáo | Phạm Trọng Chánh |
| 27. Sơ lược về sáng tác văn học 1994 | Thụy Khuê |
| 28. Độc giả viết: Góp ý về dụng ngữ | Nguyễn Hữu Đức |
| 29. Tin tức thời sự | |
| 31. Tạp ghi | Nguyễn Gia Kiểng |
| 32. Chòi ngắm sóng | Nguyễn Hồi Thủ |

Lý do chính thức được chính quyền cộng sản đưa ra để bắt giam và truy tố Hòa thượng Quảng Độ là Hòa thượng đã tự tiện tổ chức cứu trợ đồng bào bị bạo lụt và như thế là "xâm phạm trật tự an ninh". Nếu tổ chức cứu trợ nạn nhân bạo lụt là phá rối trật tự trị an thì còn hoạt động nào là không "xâm phạm trật tự an ninh"? Nếu tổ chức cứu trợ mà cũng bị bắt thì những lời kêu gọi "hòa hợp dân tộc" của các ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt còn ý nghĩa gì? Lý do lố mông đố tự nó tố giác sự mất trí của đảng cộng sản và chỉ chứng minh một điều: Quảng Độ không có tội nào cả.

Sự lo sợ của đảng cộng sản và nhà nước cộng sản không phải là không có lý do. Họ sợ rằng vì những hoạt động từ thiện đó mà các tài liệu của Phật Giáo, và của Hòa thượng Quảng Độ, đến được một cách rộng rãi với đồng bào. Nhưng họ lại không ý thức được rằng dù có hay không có các hoạt động cứu trợ bạo lụt những thông điệp của Quảng Độ cũng sẽ được phổ biến rộng rãi, bởi vì đó là tiếng nói của sự thực và khi đã là tiếng nói của sự thực thì dù có xây tường kiên cố vậy bọc đến đâu nó vẫn vang ra ngoài.

Bắt giam và giải tòa Hòa thượng Quảng Độ, chính quyền cộng sản chỉ làm một hành động thô vụng mới, họ chỉ cố gắng cho cuộc đấu tranh đòi dân chủ của Phật Giáo và của nhân dân Việt Nam một sức bật mới. Vụ án Quảng Độ chắc chắn sẽ gây một chấn động lớn và sẽ chỉ là một hành động tự sát của chế độ. Nếu những người lãnh đạo cộng sản cố tình khiêu khích để gây công phần làm sụp đổ chế độ, họ cũng không thể làm hơn.

Nhưng câu hỏi day dứt đối với chúng ta là tại sao cuộc tranh đấu của Phật Giáo phát động từ hơn hai năm qua đã không đạt được kết quả mà mọi người mong đợi? Đã có những tầng ni và phật tử dùng cảm hy sinh cho đạo pháp và dân tộc, chính sách đàn áp của nhà nước cộng sản cũng đã thô bạo và xác xược gấp nhiều lần chính sách của chế độ Ngô Đình Diệm, mặc dầu vậy cuộc đấu tranh của Phật Giáo đã không đạt được khí thế và tầm vóc phải có. Tại sao?

Phải nhìn nhận là đã không có đoàn kết chặt chẽ trong các hệ phái Phật Giáo. Cũng phải nhìn nhận là đã không có sự liên đới đúng mức giữa các tôn giáo. Một thí dụ: Công Giáo cũng bị đàn áp thô bạo không kém Phật Giáo và cũng tranh đấu rất chặt vật đòi tự do tín ngưỡng, nhưng Công Giáo và Phật Giáo đã không liên đới được với nhau trong một quốc nạn chung. Những sự thực nhứt nhối đó cần được mổ xẻ.

Có thể là do một vài câu thiếu khôn khéo trong những bài phát biểu của Hòa thượng Huyền Quang, khi ông so sánh một cách vội vã trường hợp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với các hệ phái Phật Giáo khác và với Công Giáo. Cũng có thể là vì một số khuôn mặt cao cấp trước đây của chính Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - như các Hòa thượng Trí Tịnh, Thiện Siêu, Minh Châu - đã bị mua chuộc làm công cụ cho chế độ. Cũng có thể là Phật Giáo còn đang phải trả cái giá đắt của thời kỳ phân hóa trước đây khi Phật Giáo bị cả cộng sản, lẫn người Mỹ, lẫn chính quyền Việt Nam Cộng Hòa xâm nhập và lung đoạn. Nhưng cũng phải nói rằng từ trước tới nay, và ngay trong lúc này, các âm mưu chia rẽ tôn giáo vẫn còn tiếp tục và chưa bị lên án đúng mức. Nhân danh Phật tử, nhiều người - cố tình phá hoại? - đã không ngớt tung ra những tài liệu và sách báo mạ sát đạo Công Giáo. Để phản ứng, một số người Công Giáo cũng đã tung ra những tài liệu và sách báo khác, không phải chỉ để bênh vực cho đức tin của mình mà còn nhằm mục đích đánh phá các cấp

lãnh đạo Phật Giáo. Nếu chính quyền cộng sản muốn gây xung đột giữa các tôn giáo - mà chắc chắn là họ muốn - họ cũng không làm gì khác. Tất cả những sự kiện đó đã khiến cho cuộc tranh đấu dùng cảm của các tầng ni và phật tử chung quanh hai Hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ không đạt được mức độ đáng lẽ phải có.

Có thể nói mà không sợ sai lầm lắm là chính quyền cộng sản đã ra tay hung bạo bởi vì họ đánh giá hậu thuẫn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không đủ mạnh, và họ đã tập trung khống chế thô bạo Hòa thượng Quảng Độ trong gần hai mươi năm qua bởi vì họ hiểu rằng với đức độ và sự sáng suốt của Hòa thượng, Quảng Độ là người có thể thay đổi được tình thế. Quảng Độ là nạn nhân trực tiếp của chính quyền cộng sản, nhưng cũng là nạn nhân gián tiếp của những hành động vô trách nhiệm nhân danh tôn giáo.

Muốn cho cuộc tranh đấu vì dân tộc và đạo pháp của Phật Giáo thành công, cần nhìn lại vị trí của Phật Giáo trong dân tộc. Phật Giáo là tôn giáo đã có mặt trên đất nước ta ngay từ những ngày đầu lập quốc, đã thăng trầm theo vận nước, đã chia sẻ vui, buồn, vinh, nhục với dân tộc trong suốt dòng lịch sử, nhưng nói rằng Phật Giáo là tôn giáo của 80% dân chúng Việt Nam là sai. Không những sai mà còn có âm hưởng quốc giáo tai hại, nhất là trong bầu không khí phân hóa và ngò vực do quá khứ và các ý đồ chính trị để lại.

Nếu gọi Phật tử là những người qui y đầu Phật hoặc thường xuyên tụng lễ tại các chùa hay tâm niệm Phật pháp thì con số không cao lắm, còn nếu gọi Phật tử là những người qui trọng đạo Phật và cảm thấy bị xúc phạm khi Phật Giáo bị bách hại thì cũng không phải là 80%, mà là 100% nhân dân Việt Nam. Chính vì thế mà Phật Giáo có sức bật mãnh liệt mỗi khi lâm vào pháp nạn, nhưng lại không thể làm nền tảng cho tham vọng thành lập một đảng cầm quyền. Điều này cần được ý thức rõ rệt để hiểu rằng cuộc tranh đấu của Phật Giáo phải được coi là một phần của cuộc đấu tranh vì dân chủ, tự do và công lý của toàn dân Việt Nam, chứ không phải là cuộc đấu tranh của riêng Phật Giáo với một mục đích đưa một lực lượng Phật Giáo lên cầm quyền trong tương lai. Với tinh thần đó, cuộc đấu tranh của Phật Giáo sẽ không còn bị ngò vực và sẽ được sự tiếp tay nồng nhiệt của mọi người.

Hòa thượng Quảng Độ hiểu điều đó. Từ lâu Hòa Thượng vẫn là một cao tăng được mọi người ngưỡng mộ về sự thông thái cùng như về đức độ và sự sáng suốt của Hòa thượng. Hòa thượng xứng đáng với pháp danh Quảng Độ và xứng đáng được tôn vinh như là một biểu tượng cao quý của dân tộc.

Cuộc đấu tranh vì dân tộc và đạo pháp của Phật Giáo vừa đi vào một giai đoạn khẩn trương mới và cuộc vận động dân chủ cũng đi vào một giai đoạn quyết liệt mới. Nhưng thái độ mập mờ lưỡng lự không còn chấp nhận được nữa. Chỗ đứng ngày nay, trước chế độ bạo ngược này, của những con người có liêm sỉ chỉ có thể là chỗ đứng - công khai hay âm thầm - trong hàng ngũ đối lập, hay trong các nhà tù. Cũng như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát... Hòa thượng Quảng Độ đã và đang đem chính đời mình để làm chứng cho sự quảng đại, cho khát vọng dân chủ và tinh thần bất khuất của dân tộc.

Vụ án Quảng Độ sẽ phải là một vụ án Phan Bội Châu mới. Ủng hộ Quảng Độ là mệnh lệnh của lương tâm.

Thông Luận

Ngân Hàng Thế Giới: Xuất khẩu ô nhiễm và đồng lõa với độc tài?

Thập niên 40 là chứng nhân của nhiều biến cố quan trọng trên thế giới. Do đó thập niên 90 là thập niên của nhiều lễ kỷ niệm 50 năm. Trong năm 1994, người ta đã chứng kiến lễ kỷ niệm 50 cuộc đổ bộ của Đồng Minh lên Normandie, thiết lập đầu cầu cuộc giải phóng Châu Âu, đã được tổ chức một cách rầm rộ, với sự hiện diện của các tổng thống Mitterrand, Clinton...

Sau khi thắng trận, trước những đổ vỡ do chiến tranh gây ra, nhu cầu tái thiết thế giới vô cùng khẩn trương.

Ngân Hàng Thế Giới đã được thành lập vào tháng 7-1944, với tên là Ngân Hàng Quốc Tế Tái Thiết và Phát Triển, do Hội nghị về tiền tệ và tài chính của Liên Hiệp Quốc tại Bretton Woods, New Hampshire (Hoa Kỳ), với sự tham dự của 44 quốc gia. Nhưng thật ra, cơ quan này chỉ hoạt động thật sự vào tháng 12-1945, với sự ra đời của những Điều khoản của Thỏa ước (Articles of Agreement). Tính ra đến nay, Ngân Hàng Thế Giới đã tròn 50 tuổi.

Cùng cần thêm là cùng một lúc với sự ra đời của Ngân Hàng Thế Giới, hội nghị Bretton Woods đã thành lập Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế.

Hai tổ chức này trên danh nghĩa tùy thuộc Liên Hiệp Quốc, nhưng là những tổ chức độc lập và có những hoạt động có tính chất hỗ tương cùng hướng đến cứu cánh là phát triển một cách dài hạn nền thương mại quốc tế.

Ngân Hàng Thế Giới giúp các nước hội viên phát triển bằng cách làm dễ dàng các cuộc đầu tư vốn vào các chương trình sản xuất, khuyến khích các đầu tư ngoại quốc vào các nước đang cần vốn bằng cách bảo đảm và tham gia vào các đầu tư này, hay sắp xếp các tín dụng cho những chương trình sản xuất khi các nguồn vốn tư không hội đủ trong một thời hạn tương đối... Lord Keynes, đại diện cho Anh Quốc, hay Harry Dexter White, đại diện cho Hoa Kỳ, thoạt kỳ thủy mong muốn rằng Hội nghị Bretton Woods chấp nhận đề nghị được xem là khá táo bạo và đầy tham vọng là biến Ngân Hàng Thế Giới trở thành một Ngân Hàng Trung Ương, có khả năng giải quyết các khủng hoảng tài chính thế giới.

Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế tìm cách nâng cao mức độ công ăn việc làm, nâng cao lương bổng và mức sản xuất hầu tiến đến ổn định hối đoái và thiết lập một số vốn cho Quỹ đủ khả năng cung ứng cho đòi hỏi của các quốc gia hội viên. Để đạt các mục tiêu này, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế cố vấn các nước hội viên trên những vấn đề liên quan đến cán cân chi phí, kiểm soát hối đoái, chính sách tài chính...

Từ ngày hoạt động, Ngân Hàng Thế Giới đã phát động 6.000 dự án với ngân khoản 300 tỷ USD để trợ giúp các chương trình kiểm soát bảo lụt, giao thông vận tải, truyền thông, dân thủy nhập điền, hầm mỏ, nông nghiệp, lâm nghiệp, v.v...

Trong khi giúp đỡ các quốc gia kém mở mang, Ngân Hàng Thế Giới làm ăn như một xí nghiệp, nghĩa là lấy lợi nhuận làm mục tiêu (năm 1993, Ngân Hàng Thế Giới lời trên một tỷ USD), và luôn luôn tôn trọng điều lệ được xem như khuôn vàng thước ngọc là vốn của Ngân Hàng Thế Giới do 177 quốc gia đóng góp phải luôn luôn trên mức các tín dụng phát ra (vào khoảng 110 tỷ USD).

Mặc dầu có những mục tiêu cao cả và đã đạt nhiều thành quả tốt đẹp như trên, nhân ngày mừng 50 tuổi, Ngân Hàng Thế Giới đã không tránh khỏi nhiều chỉ trích, bị đặt lại vấn đề. Vào tháng 10-1994, tại phiên họp đại hội thường niên của Ngân Hàng Thế Giới tại Madrid, hơn một trăm tổ chức không chính phủ (NGO) đã đưa ra khẩu hiệu: "50 năm, đủ rồi!".

Trước hết, người ta chỉ trích rằng, từ lâu, Ngân Hàng Thế Giới đã quá đặt nặng vấn đề phát triển kinh tế, kỹ thuật hơn là các vấn đề phát triển xã hội, y tế, hay giáo dục, tuy rằng từ thập niên 80 đã có chuyển

hướng. Từ 1979, các chương trình, dự án về kỹ nghệ, giao thông, năng lượng, v.v... giảm xuống khoảng 5%, trong khi đó các chương trình, dự án về giáo dục, y tế, dinh dưỡng, v.v... tăng thêm cùng chỉ số. Nhưng theo các dự luận chỉ trích, khuynh hướng thay đổi này quá yếu, cần phải đặt nặng vấn đề xã hội hơn nữa.

Ngân Hàng Thế Giới cũng bị chỉ trích vì đã tiêu pha quá nhiều cho những tổn phí riêng. Khoảng 11.000 công chức quốc tế được đài thọ lương bổng một cách rất hậu hĩ. Lương tăng khoảng 6% một năm, trong khi lạm phát Hoa Kỳ chỉ vào khoảng 3%.

Ngân Hàng Thế Giới tài trợ các dự án vô ích, nhiều khi nguy hiểm. Chẳng hạn năm 1985 đã tài trợ chương trình xây dựng nhiều đập nước tại thung lũng Narmada, Ấn Độ. Trên một triệu người phải di tản, và là một mối nguy hại đe dọa trầm trọng cho môi sinh tại đây. Dưới áp lực của các phong trào bảo vệ môi sinh, chương trình này đã bị bãi bỏ vào năm 1993.

Những chỉ trích trên đây thật ra chỉ có tính cách thời sự vì chỉ đặt lại vài vấn đề chính sách hoặc quản trị. Có hai vấn đề quan trọng hơn có thể đặt lại đường lối của Ngân Hàng Thế Giới và đòi cho nó cái mũ "đế quốc và đồng lõa với độc tài".

Theo sự tiết lộ của một tài liệu mật cất giữ tại trụ sở của Ngân Hàng Thế Giới tại Washington D.C., Lawrence Summers, kinh tế gia của Ngân Hàng Thế Giới, từ 1990 đến 1993, trước khi trở thành thứ trưởng Tài Chính của Hoa Kỳ, cho rằng cần phải xuất khẩu các kỹ nghệ gây ô nhiễm sang các nước đang phát triển (một danh từ lịch sự để chỉ các nước chậm tiến). Lý luận của Lawrence Summers rất là đơn giản. Một người Âu Tây hoặc Bắc Mỹ vào lứa tuổi 40 kiếm được 20.000 USD một năm. Nếu họ có thể sống dễ sản xuất trong 25 năm nữa, giá trị của họ sẽ là 500.000 USD. Một người dân một xứ đang mở mang cùng vào lứa tuổi ấy, kiếm vào khoảng 360 USD một năm, họ chỉ sống thêm 15 năm nữa, giá trị của họ sẽ vào khoảng 5.400 USD. Vậy một con tính kinh tế cón con cung đủ chứng tỏ là cần phải chuyển các kỹ nghệ dơ từ Bắc bán cầu sang Nam bán cầu, bởi vì cuộc sống tại đây ít giá trị hơn. Ngoài ra, vẫn theo Lawrence Summers, các nước ít mở mang là các nước ít ô nhiễm, cần phải chia sẻ gánh nặng này với các nước phát triển. Một điều đáng ngạc nhiên là cái lý luận kinh tế này được một số các nhà lãnh đạo các nước kém mở mang, đặt vấn đề bảo vệ môi sinh vào hàng thứ yếu, cho là có lý. Trong khi đó, tại các nước mở mang, phong trào bảo vệ môi sinh đã trưởng thành, trở thành đảng phái chính trị, có phương tiện làm áp lực trên những nhà cầm quyền và các kỹ nghệ gây ô nhiễm. Để tháo chạy, họ sẵn sàng xuất khẩu các phế phẩm kỹ nghệ ô nhiễm qua những nước nhược tiểu với những đền bù xứng đáng bằng tiền bạc.

Vì vậy, Ngân Hàng Thế Giới đã bị tố cáo là một thứ đế quốc mới, chủ trương xuất khẩu ô nhiễm sang các nước chậm tiến.

Ngoài ra, theo tiêu chuẩn của Ngân Hàng Thế Giới, các điều kiện chính trị nội bộ của nước được giúp đỡ chỉ được xem xét nếu chúng có thể làm nguy hại đến các chương trình phát triển hoặc làm giảm thiểu khả năng hoàn trả các tín dụng. Các điều kiện khác như dân chủ, tự do, nhân quyền, những điều mà chính Hiến chương Liên Hiệp Quốc công nhận và khuyến cáo các quốc gia hội viên thực thi, đối với Ngân Hàng Thế Giới không phải là những điều kiện cần và đủ để hưởng viện trợ. Đường lối này đã là cốt lõi của những tố cáo cho rằng Ngân Hàng Thế Giới là đồng lõa với các chính thể độc tài.

Ngân Hàng Thế Giới đã chính thức phủ nhận chủ trương xuất khẩu ô nhiễm. Đến bao giờ Ngân Hàng Thế Giới thay đổi nội quy để không còn là đồng lõa với các chính thể độc tài?

Huyền Hùng

"Pháp quyền" cộng sản qua vụ bắt giam hai Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ

Trần Thanh Hiệp

Vẫn còn chuyện pháp quyền

Cho đến cuối những năm 80, các luật gia "hộ pháp" của Đảng cộng sản Việt Nam vẫn nói rằng "quá trình phát triển của Nhà nước và quá trình phát triển của Hiến pháp (xin hiểu là Nhà nước và Hiến pháp cộng sản) là một quá trình phát triển liên tục, nhất quán, từ thấp đến cao (...) đi lên chủ nghĩa xã hội". Nghĩa là đi từ "chuyên chính công nông" (Hiến pháp 1946) qua "dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản" (Hiến pháp 1959) đến đích thực "chuyên chính vô sản" (Hiến pháp 1980). Đầu thập niên 90, vì các chế độ cộng sản cả ở Liên Xô cũ lẫn ở Đông Âu sụp đổ, Đảng cộng sản Việt Nam phải "đổi mới", sửa lại Hiến pháp, xóa bỏ chuyên chính vô sản trên Hiến pháp nhưng vẫn giữ "chủ nghĩa xã hội" và độc quyền cai trị cho "Đảng". Nhưng đảng phải đưa ra khẩu hiệu "pháp quyền" có ý nói từ nay (Hiến pháp 1992) sẽ thượng tôn luật pháp như các nước dân chủ tự do tân tiến trên thế giới (Etat de droit ở Pháp, Rechtsstaat ở Đức, Rule of law ở Anh v.v...). Nhân dịp năm nay những người cộng sản kỷ niệm 65 năm thành lập "Đảng" của họ, bộ máy tuyên truyền của đảng lại ra sức đề cao "Đảng" và không quên quảng cáo cho "pháp quyền".

Nói là một chuyện, làm là một chuyện khác

Nói chung, dân chúng không tin là đã có thay đổi theo chiều hướng dân chủ thực sự. Điều mới lạ là ở ngoài nước, trong tinh thần thảo luận tự do, có một luồng dư luận đã cho rằng hiện nay Nhà nước ở Việt Nam là một Nhà nước có thiện chí "pháp quyền", nếu hiện giờ chưa có mức độ "pháp quyền" cần phải có thì trong tương lai chắc chắn sẽ có. Chủ ý của luồng dư luận này là muốn khuyến khích cộng sản đi dần vào con đường "pháp quyền". Thời sự đang làm cho dư luận này bị nghi ngờ là không chừng sẽ ủng hộ công.

Theo thiện ý kẻ viết bài này Nhà nước và Hiến pháp cộng sản hiện nay nằm trong lô gạch phát triển chuyên chính "liên tục, nhất quán" mà cộng sản đã theo đuổi từ 1945 đến nay và còn có ý định theo đuổi cho đến năm 2000! Hai vụ bắt giam hai Hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ đã chứng minh rằng ở Việt Nam hiện nay không có "pháp quyền" hiểu theo nghĩa của Phương Tây, chỉ có "pháp quyền" hiểu theo nghĩa cộng sản, nghĩa là Đảng muốn bắt ai thì bắt, muốn buộc tội như thế nào cũng được, bất kể luật pháp thành văn đã được ban hành và chính thức công bố.

Hòa thượng Thích Huyền Quang bị quản chế

Trong vụ Thích Huyền Quang, nhà cầm quyền cộng sản không nhìn nhận là đã bắt giữ hay bắt giam Hòa thượng. Theo bản tin ngày 25-1-95 của hãng thông tấn AFP, Bộ Ngoại giao Việt Nam cho biết rằng vì Hòa thượng Thích Huyền Quang hay "quá rầy" các sư trong chùa và dân chúng địa phương nên "những người này đã yêu cầu đưa Hòa thượng đi nơi khác để chấm dứt tình trạng đó". Hòa thượng vẫn "tiếp tục hành đạo tại chùa Quang Phước ở

Quảng Ngãi", theo thông cáo của Bộ Ngoại giao. Hãng AFP tiết lộ rằng Hòa thượng Thích Huyền Quang bị quản chế tại chùa Quang Phước ở một vùng hẻo lánh thuộc miền núi, có công an canh gác rất kỹ.

Khỏi cần nói, ai cũng thấy luận điệu này không đứng đắn và quá coi thường dư luận. Dưới đây sẽ nhận định về điểm này.

Hòa thượng Thích Quảng Độ bị bắt và sẽ được đem ra xét xử như một tội nhân thường

Trong vụ Thích Quảng Độ, cũng vẫn theo Bộ Ngoại giao, "công dân Thích Quảng Độ đã bị bắt vì đã gây ra những xáo trộn (troubles) trái với luật pháp Việt Nam (violant la loi vietnamienne) và sẽ bị xét xử theo luật (jugé conformément à la loi)". Thông cáo của Bộ này còn nói rõ thêm là Hòa thượng Thích Quảng Độ sẽ bị xét xử như một "người dân thường phạm tội" chứ không như một "phật tử".

Mức độ thiếu nghiêm chỉnh trong luận điệu này còn cao hơn rất nhiều trong luận điệu về việc bắt giam Hòa thượng Thích Huyền Quang!

Và tuy đã thiếu nghiêm chỉnh như vậy, Bộ Ngoại giao vẫn kết luận một cách trắng trợn rằng chính quyền không hề đàn áp Phật giáo. "Nước Việt Nam tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân có ghi trong Hiến pháp nên không có lý do gì phân biệt đối xử với các Phật tử" (dịch theo bản tin bằng tiếng Pháp của AFP, với mọi dè dặt).

Các quyền hiến định và pháp định của hai hòa thượng

Để thấy rõ nhà cầm quyền cộng sản đã hành xử "pháp quyền" của họ như thế nào, cần xét xem theo luật thành văn, thực định còn có hiệu lực, hai Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ có những quyền gì và được pháp luật bảo vệ ra sao?

Một mặt,

- điều 50 của Hiến pháp 1992 khẳng định là "các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế văn hóa và xã hội được tôn trọng (...) được quy định trong Hiến pháp và luật";

- điều 70 công nhận cho công dân "có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo (...) các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật (...) và trao cho pháp luật trách nhiệm "bảo hộ" "những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo";

- điều 71 quy định rằng "công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam người phải đúng pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức truy bức, nhục hình, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân";

- điều 72 nêu lên nguyên tắc suy đoán vô tội "không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật";

- điều 73 công nhận cho "công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở".

Mặt khác,

- điều 67 Bộ luật Tố tụng hình sự, có hiệu lực pháp luật từ ngày 1 tháng 1 năm 1989, sau đó được bổ sung và ban hành ngày 7 tháng 7 năm 1990 định rằng "Người ra lệnh bắt phải thông báo ngay cho gia đình người đã bị bắt, chính quyền xã, phường thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú hoặc làm việc biết. Nếu thông báo cản trở việc điều tra thì sau khi việc cản trở đó không còn nữa, người ra lệnh bắt phải thông báo ngay".

Sở dĩ phải thông báo vì không phải ai cũng có quyền bắt người và không thể bắt người một cách lén lút, mờ ám. Điều 62 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) đã liệt kê rõ những ai có quyền bắt và các điều kiện về hình thức bắt phải tôn trọng như lệnh bắt có đóng dấu chữ ký người ra lệnh, biên bản về việc bắt và cấm không được bắt người vào ban đêm v.v...

- Bộ luật này ngoài ra còn ấn định thời hạn tạm giữ, thể thức tạm giữ (những người bị bắt vì khẩn cấp hay quả tang) không quá ba ngày đêm, trong vòng 24 giờ phải báo cho Viện kiểm sát (các điều 68, 69), ấn định thời hạn, thể thức tạm giam không quá hai tháng đối với tội ít nghiêm trọng, không quá bốn tháng đối với tội nghiêm trọng, lệnh tạm bắt, tạm giam phải được sự phê chuẩn của Viện kiểm sát và trong mọi trường hợp phải thông báo cho gia đình người bị tạm giam và cho chính quyền phường, xã, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam cư trú hoặc làm việc biết (các điều 70, 71).

Sau hết, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (CUQTCQDSCT) mà Việt Nam là một nước tham gia, ngoài việc buộc nhà cầm quyền Việt Nam phải tôn trọng các nhân quyền, dân quyền của người dân trong đó có quyền "bất khả xâm phạm về thân thể" (điều 9,) đã cấm chỉ không được đụng tới quyền "tự do tư tưởng, tự do tôn giáo v.v..." là những nhân quyền cơ bản... (điều 18, CUQTCQDSCT), cấm chỉ không được giải thích sai lệch các điều khoản của Công ước để gián tiếp gạt bỏ văn bản quốc tế này.

Nói tóm lại, về mặt quy phạm (normes) cũng như văn bản (textes) hay thủ tục (procédure) cả luật quốc nội lẫn luật quốc tế đều bảo đảm cho hai Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, như bất cứ công dân nào khác, được quyền tự do hành đạo, tự do truyền đạo trên lãnh thổ Việt Nam mà không sợ bị truy bức, bắt giam, xúc phạm tới tính mạng, sức khỏe và danh dự, nhân phẩm.

Nhà cầm quyền cộng sản đã ngang nhiên xâm phạm thô bạo các quyền ấy

Những sự việc đã xảy ra trong hai vụ Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ đã cho thấy rõ là nhà cầm quyền Việt Nam đã vi phạm trầm trọng những điều họ có nghĩa vụ phải thi hành. Vi phạm từ hình thức đến nội dung, cả tinh thần lẫn văn tự.

Về nội dung, khách quan mà nói, nhà cầm quyền cộng sản đã xâm phạm thân thể hai hòa thượng, đã xúc phạm tới sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hai vị, đã can thiệp thô bạo vào quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của hai nhà lãnh đạo Phật giáo nói riêng và của Phật tử nói chung. Hành động như vậy, nhà cầm quyền cộng sản đã vi phạm các điều 50, 70, 71, 72, 73 của Hiến Pháp 1992, các điều 4, 9 và 18 của Công ước (CUQTCQDSCT). Và gộp lại, họ còn vi phạm điều 12 của Hiến pháp 1992 theo đó Nhà nước phải "nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật..."

Nhà cầm quyền cộng sản chỉ có thể tự biện minh nếu họ có lý do chính đáng để hành động một cách trái luật như vậy. Chính vì để biết ngay tức khắc và để về sau kiểm sát một cách khách quan xem họ có lý do chính đáng hay không mà luật pháp đã đặt ra những điều kiện hình thức rất khe khắt bắt buộc bất cứ ai dù có quyền "bắt người" cũng phải tôn trọng. Từ năm 1990, nhà cầm quyền cộng sản đã ban hành *Bộ luật Tố tụng hình sự* (BLTTHS) nghĩa là đã quy định các điều kiện về hình thức trong đó có các thủ tục bắt giữ, bắt giam người (xem các điều 62, 67, 68, 70, 71 v.v... BLTTHS).

Trong hai vụ bắt giam hai hòa thượng, nhà cầm quyền cộng sản đã bất chấp các thủ tục chính tự họ đã long trọng đặt ra. Họ bắt không ai biết vì bắt ban đêm (tuy cấm bắt như vậy), bắt không có thông báo đúng lúc v.v... Chỉ việc liếc qua mấy điều khoản đã dẫn của BLTTHS cũng thấy ngay được rằng nhà cầm quyền cộng sản khi bắt hai Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ đã dầy xéo lên luật do chính họ làm ra. Hơn thế nữa, trong vụ Huyền Quang, họ còn trắng trợn nói rằng họ "không bắt", chỉ "đưa đi một nơi khác" do sự khiếu nại của mấy nhà sư (?) trong chùa Phước Hội và dân chúng địa phương (?). Cách bắt này làm cho mọi người nhớ lại việc bắt ông Nguyễn Hộ trong đó nhà cầm quyền cộng sản đã áp dụng những văn bản vào những năm 50, hiển nhiên trái với Hiến pháp 1992 và BLTTHS. Đây là một cách lẩn tránh luật pháp nếu không phải là coi thường luật pháp.

Tưởng cũng nên nói thêm là trong các nước dân chủ pháp trị, sự tôn trọng hình thức cũng quan trọng không kém gì sự tôn trọng nội dung, nhất là trong những vụ bắt giam người. Nước Anh, từ 1215, năm ban hành Magna Carta (Đại Hiến Chương), đã đặt ra nguyên tắc "*Habeas corpus*" (bảo thân) theo đó đại ý là phải để cho nhìn thấy tận mắt thân thể người bị bắt. Nguyên tắc này trải qua hơn sáu thế kỷ vẫn được tôn trọng, ngay cả dưới thời quân chủ chuyên chế. Bởi vậy, tại các nước theo truyền thống luật pháp anglo-saxon, sự tôn trọng hình thức đã được thể hiện trong nguyên tắc "*Due process of law*" (tạm dịch là một thủ tục đúng đắn và công bằng tôn trọng các hình thức luật định). Tại Mỹ, nguyên tắc này có tính cách hiến định (các điều tu chính Hiến pháp thứ 4 và thứ 15). Nguyên tắc Habeas corpus ngày nay đã thành ra một nhân quyền phổ biến (điều 9 CUQTCQDSCT). Hiến pháp 1992 của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng nhìn nhận nguyên tắc này trong điều 71.

Nhưng nếu nó chỉ hiện hữu qua lời nói hay trên giấy tờ không thôi thì chẳng có gì bảo đảm là con người đã rời bỏ được những thú tính hung bạo của những thời nó còn man rợ !

Tác phong cai trị, cách áp dụng luật pháp của nhà cầm quyền Việt Nam qua hai vụ Huyền Quang và Quảng Độ thật đáng lo ngại. Quyền lực mà họ sử dụng không phải là quyền lực của pháp luật - "pháp quyền" - mà là quyền lực của sức mạnh trần trụi - bạo lực - muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói. Như bắt nhưng lại nói là không bắt, bắt vì có lời than phiền của người đồng đạo, của dân địa phương chớ không dựa trên cơ sở một tội danh luật định nào v.v... (vụ Huyền Quang), bắt một vị sư có tu học đạo hạnh không thể chối cãi, có chức vụ cấp cao trong giáo hội tại tu viện vị này trụ trì và nhân những hoạt động để hành đạo mà lại nói sẽ đem ra xét xử với tư cách một người phạm tội thường dân, không phải là một Phật tử (vụ Quảng Độ)... Tất cả những gì họ đã làm, từ lúc bắt hai hòa thượng cho đến khi Bộ Ngoại giao ra thông cáo, đã chứng tỏ rằng nhà cầm quyền cộng sản đã "*liên tục*,

nhất quán" chuyên chế, từ thấp cho đến cao.

Nhắc lại sơ lược ở đây hành động coi thường luật pháp của nhà cầm quyền cộng sản trong hai vụ Huyền Quang, Quảng Độ, không phải là làm công việc nhằm chán, đẩy những cánh cửa đã mở, của người tố cáo. Công việc tố cộng đã được tiến hành ít ra cũng đã nửa thế kỷ trên đất Việt Nam.

Các luật gia phải làm gì ?

Sở dĩ còn phải nhắc lại là tại vì còn những điều chưa làm. Người viết bài này chỉ xin đứng về mặt luật học để nêu lên một nhận định rất quan trọng đối với một luật gia. Quy phạm (normes), trật tự pháp lý (ordre juridique), công lý (justice) là những điều thiêng liêng có thể coi như lẽ sống của một luật gia. Chống lại việc làm phi luật, phi pháp của nhà cầm quyền là bổn phận, là nghĩa vụ xã hội của mọi luật gia ở trong nước cũng như ở ngoài nước.

Cách chống lại có thể không nhất thiết phải mang màu sắc chính trị. Luật học ngày nay đã có thêm cách nhìn, cách hiểu, cách làm mới về pháp luật để "nói luật" (dire le droit). Ở trong nước, chỉ cần đem khoa học pháp lý (science juridique) để định danh cho đúng các sự kiện ngõ hầu nhà cầm quyền không thể lừa dối dư luận, công khai phạm pháp mà không sợ phải chịu trách nhiệm. Điều cốt yếu là phải từ bỏ tinh thần giáo điều pháp lý là nọc độc đã giết chết khoa học pháp lý dưới các chế độ cộng sản, như đã thấy qua hơn 70 năm kinh nghiệm xã hội chủ nghĩa. Ở ngoài nước, trong những môi trường tự do khác hẳn với môi trường kim kẹp ở trong nước, các luật gia phải nhận lãnh sự đóng góp quan trọng hơn, hoàn bị hơn các luật gia ở trong nước, thay thế họ biểu lộ tinh thần vô úy, vô cầu để nói lên sự thật hiển nhiên là hiện nay ở Việt Nam không có "pháp quyền", tránh cho đồng bào không bị lường gạt về phẩm chất của "pháp quyền", đưa xã hội lên đời sống đích thực văn minh trong truyền thống văn hiến, như nhà cầm quyền cộng sản thường hay nói nhưng không hay làm. Thời đại đã mang lại cho họ những khám phá mới về luật học nhờ đó họ thoát ra khỏi sự giám hộ của siêu hình hay sự kim kẹp của giáo điều, kể cả giáo điều của khoa học. Sự giải phóng này giúp họ tiếp cận được với những chân lý luật học rồi từ đó với công lý. Nói cách khác, thời đại đã làm cho luật học, các luật gia không còn giáo điều, cuồng tín được nữa.

Giáo sư Georges Vedel, Khoa trưởng danh dự của Luật khoa Đại học đường Paris, một ngọn đỉnh của luật học nước Pháp, người thầy trong vòng gần 50 năm nay đã đào tạo cho nước pháp trị này mấy thế hệ luật gia mới, trong những ngày cuối đời, ông đã viết trên tạp chí lý thuyết luật học (Droits) một câu "nói luật" rất khó quên: "Nếu tôi chỉ hiểu được chút đỉnh luật là gì, trái lại, tôi hiểu rất rõ thế nào là một xã hội không có luật" (tạm dịch thoát câu viết của G. Vedel "Si je ne sais guère ce qu'est le droit, en revanche je sais bien ce que serait une société sans droit", Droits, No 11, 1990, p.71).

Câu nói - mộc mạc nhưng không kém sâu sắc - này của giáo sư G. Vedel được nhắc lại ở đây để tặng các luật gia Việt Nam ở trong cũng như ở ngoài nước.

Trần Thanh Hiệp

(*) Đọc thêm *Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo theo pháp chế cộng sản Việt Nam*, Trần Thanh Hiệp, Thông Luận số 50, tháng 6-1992

Câu đối Tết Ất Hợi (1995)

1. Câu đối dán chuông lợn:

Tin trò nạc mỡ nên "ăn cám"!

Nói chuyện tim gan để "đá bèo"!

2. Ngọc Hoàng xử tham nhũng (Tiểu lâm Việt Nam về Vua và Lợn):

* *LỢN Í* kiện nhà hàng: nó chọc tiết, nó bãm viên, sào sáo toàn những món thơm lừng
gấp gấp cứu nguy, thân LỢN... khổ!

* *VUA TRÔI* tuôn nước bọt: ta đau lòng, ta quận ruột, tham nhũng rất một phường thói hoắc,
thôi thôi đừng kể, đức VUA... thèm!

3. Câu đối bên quày thịt lợn:

Chợ Tết năm Lợn, có hai quày thịt lợn, ở cạnh nhau. Hai chủ nhân, một anh một ả, đều là tay sừng sỏ. Gã đàn ông ngoại ngữ tuần, mày râu nhẵn nhụi, nhân lúc vắng khách mới đưa con mắt liếc ngang, chẳng ngờ được cặp giò của cô nàng gọi húng, mới buông một vẻ đối rằng:

CHÂN GIÒEM VẮN NẤYNẤY, BA CHỈ XỎ TAINHUNG HẾT RUỘT!

Quả nhiên cô nàng đỏ mặt, phần vì chữ nghĩa hóc hiểm: chân giò, này, ba chỉ, sỏ, tai, ruột... đều là những thứ nằm sỏ sỏ trên bàn thịt lợn; phần vì người trong văn chương thấy mùi "sex" và ngậm bảo ả rằng tuy có vàng xỏ trên tai, đồ la trong túi; nhưng ả đã bán cái ruột để mua cái vỏ, nên ngoài vỏ thì cứ phảy phảy mà ruột bên trong thì rỗng tuyền ròi!

Nhưng ả đâu phải tay vừa, sau phút choáng váng liền chỉ thẳng vào cái lưới dẹo queo của gã mà cười ngất nghêu:

ĐẦU LƯỚI BẮC NHƯ BẠC NHẠC, BỐN CHÂN BÌ MỠ CHẴNG CÒN TIM!

Lưới, bạc nhạc, chân, bì, mỡ, tim cùng trong bình chũng thịt lợn; nhưng đối thế thì nào chửi vào mặt gã: thẳng "bì mỡ" béo phì kia, cái lưới không xương của mi nói xuôi cũng được, nói ngược cũng hay, thềm rỏ dãi ra, chữ tim óc nổi gì mà lên mặt đạo đức? Khó cho gã là đã bị ả hạ xuống cấp "bốn chân", lại đem cái "đầu lưới" vạn năng của gã để chọi với cặp "chân giò" này này của ả thì gã chỉ còn cách chui đầu xuống... lỗ nẻ mà chết!

Nhưng nói vậy thôi, gã vẫn sống ngon lành.

4. Triều đình Lợn (bắt chước "Triều đình Sư tử" của La Fontaine):

Thị trường non choẹt dăm anh "BỘT"!

Triều chính già cằng mấy cụ "XÈ"!

5. Tinh Lợn:

Chị đã XÈ rồi, nên CÁM CẢNH!

Em còn BỘT lắm, chỉ BÈO MÂY!

6. Câu đối dán cửa hàng thịt lợn:

Tiền bạc sinh từ hai mặt thớt!

Ốc tim quỵện ở một dao bầu!

hoặc:

Tiền bạc nổi trên hai mặt thớt!

Ốc tim quỵện dưới một dao bầu!

Tú Xuân Hà Sĩ Phu
Tết Ất Hợi

Một cuộc thảo luận hào hứng và ngộ nghĩnh về dân chủ vừa diễn ra trong nước.

Ngộ nghĩnh vì nó không được tổ chức chung quanh một bàn tròn hay trong một hội trường, cũng không phải là trao đổi ý kiến công khai trên mặt báo, mà là sự phổ biến quan điểm bằng con đường đang rất thịnh hành trong nước hiện nay, đó là con đường photocopy: bài viết ra được sao chụp rồi gửi cho bạn bè, bạn bè lại sao chụp gửi cho bạn bè khác, cứ thế từ từ số lượng được nhân lên, tuy chậm và "tiểu thủ công nghệ", nhưng vẫn có hiệu quả. Nói kiểu Bùi Minh Quốc, *"trong khi chờ đợi các quyền tự do bánh vẽ ghi trong hiến pháp trở thành bánh thật trong đời thường, chúng ta hãy tạm trò chuyện bằng thứ báo chí photocopy manh mún và chậm chạp này vậy"*.

Hào hứng vì nó xảy ra giữa những người cùng lên tiếng đòi hỏi dân chủ, mỗi người theo cách của mình, trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau, tuy các quan điểm có thể khác nhau. Bốn "tham luận viên" trong cuộc thảo luận này là Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự, những tên tuổi ít nhiều quen thuộc với độc giả hải ngoại.

Cuộc thảo luận bắt nguồn từ sự kiện Phan Đình Diệu là Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam khóa IV năm 1994. Hà Sĩ Phu khởi đầu bằng một "Thư gửi Giáo sư Phan Đình Diệu" (xem Thông Luận số 76, tháng 11-1994) và được Phan Đình Diệu trả lời. Bùi Minh Quốc, nhân theo dõi cuộc đối thoại công khai này, đã viết một "Thư ngỏ" gửi cả hai tham luận viên kia. Không thấy hồi âm của Phan Đình Diệu và Hà Sĩ Phu, nhưng tin tức cho biết Hà Sĩ Phu ở cùng xứ Đà Lạt với Bùi Minh Quốc nên đã hàn huyên trực tiếp với nhau, và Bùi Minh Quốc, nhân có dịp ra Hà Nội, đã trao đổi trực tiếp với Phan Đình Diệu. Cuối cùng Tiêu Dao Bảo Cự viết một bài nhan đề "Ước gì được thực hiện những quyền đã ghi trong hiến pháp (thư gửi ông Phan Đình Diệu)" và Phan Đình Diệu đã trả lời.

Có thể độc giả đã biết bốn nhân vật trên đây, nhưng chúng tôi cũng xin giới thiệu "sơ yếu lý lịch" trước khi đăng toàn bộ các thư nói trên.

Hà Sĩ Phu sinh năm 1940 tại Hà Bắc, được đào tạo trong khối xã hội chủ nghĩa, phó tiến sĩ Sinh học, trước công tác tại Viện Khoa học Việt Nam, nay đã về hưu non, ngụ tại số 4E, đường Bùi Thị Xuân Đà Lạt. Ông không được kết nạp vào đảng cộng sản Việt Nam vì bị chê là *"trí thức tiểu tư sản hay dao động nên cần phải thử thách, phấn đấu nhiều hơn nữa"* (xem bài của Nam Long đăng ở trang bìa sau tập "Đôi điều suy nghĩ của một công dân" của Hà Sĩ Phu, nxb Tin, Paris 1993,).

Bùi Minh Quốc sinh năm 1940 tại Hà Đông là một nhà thơ Miền Bắc, trong chiến tranh đã tình nguyện đi B, sau 1975 làm phó chủ tịch hội Văn nghệ Quảng Nam Đà Nẵng, tổng biên tập tạp chí Đất Quảng. Năm 1987, vào Đà Lạt làm chủ tịch hội Văn nghệ Lâm Đồng, tổng biên tập tạp chí Langbian. Sau ba số, tạp chí bị rút giấy phép vì nội dung cấp tiến, Bùi Minh Quốc cùng phó tổng biên tập Tiêu Dao Bảo Cự thực hiện một cuộc đấu tranh đòi tự do báo chí và vận động dân chủ trong một chuyến đi dọc miền Trung, với kết quả là bị khai trừ đảng sau 22 năm đảng hiến (xem Thông Luận số 68, tháng 2-1994, bài của Nam Long). Hiện về

hưu non, ngụ tại số 3, đường Nguyễn Thượng Hiền, Đà Lạt.

Tiêu Dao Bảo Cự sinh năm 1945 tại Huế, học Đại học Sư phạm Huế, tham gia tích cực các phong trào đấu tranh của sinh viên học sinh miền Trung, đặc biệt trong biến cố 1966, làm trưởng đoàn "sinh viên quyết tử", và bị bắt giam gần hết năm cuối đại học. Ra trường năm 1967, Bảo Cự đi dạy tại Ban Mê Thuột, sau đó chuyển về Bảo Lộc, nơi đây được móc nối hoạt động trí vận và bí mật kết nạp đảng cộng sản năm 1974. Từ 1975, làm công tác thanh niên và Mặt trận tại huyện Bảo Lộc, đến năm 1987 đổi lên Đà Lạt cùng với Bùi Minh Quốc xây dựng hội Văn nghệ Lâm Đồng, và cùng bị khai trừ đảng với Bùi Minh Quốc như đã nói trên (xem Thông Luận số 69, tháng 3-1994, bài của Lê Dã Dương). Hiện về hưu non, ngụ tại số 35/1, đường Nguyễn Đình Chiểu, Đà Lạt.

Phan Đình Diệu sinh năm 1937 tại Nghệ Tĩnh, bảo vệ luận án tiến sĩ toán học tại Liên Xô năm 1967. Từ 1977 đến 1985, phụ trách Trung tâm Tin học. Ông cũng giữ chức vụ phó viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam đến năm 1993 thì từ chức và quyết định ra khỏi Viện Khoa học vì thấy không thể làm việc với một viện trưởng "vô liêm sỉ". Phan Đình Diệu không là đảng viên đảng cộng sản (nhưng trái với Hà Sĩ Phu, ông có lúc được mời kết nạp nhưng từ chối, nói bao giờ có hai đảng cộng sản, có thể ông sẽ gia nhập một trong hai đảng đó), song ông được xếp vào loại trí thức được chế độ trọng dụng (xem Diễn Đàn số 20, tháng 6-1993 và số 25, tháng 12-1993, phần tòa soạn giới thiệu Phan Đình Diệu). Ông đã được cử làm đại biểu Quốc hội liên tiếp trong hai khóa 1974 và 1981, nhưng sự nghiệp dân cử của ông được chấm dứt sau khi Phan Đình Diệu phát biểu trong một cuộc họp tổ ở Quốc hội: "Ông Lê Duẩn cực kỳ vĩ đại, và sẽ vĩ đại hơn nữa nếu ông từ chức!". Hiện dạy toán tại Đại học tổng hợp Hà Nội.

Phan Đình Diệu đã được biết đến qua những bài phát biểu về dân chủ hóa đất nước được đăng tải trên một số báo chí hải ngoại. Trên mặt báo này cũng đã có bài giới thiệu ông (Thông Luận số 38, tháng 5-1991), khi ông viết bài *"Kiến nghị về một chương trình cấp bách"* tháng 3-1991 gửi các ủy viên bộ Chính trị, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, các báo, đài trong nước, nhưng không nơi nào phổ biến. Sau khi nhận định về tình hình khủng hoảng toàn diện của đất nước tại thời điểm 1991, ông đưa ra mục tiêu: *"một nền kinh tế thị trường phát triển và một chế độ chính trị dân chủ đoàn kết và hòa hợp dân tộc"*. Ông đề nghị, trong hai năm 1991-92, thực hiện bốn biện pháp cải cách tuần tự: Một là tiến hành một "Đại hội dân tộc" do Mặt trận Tổ quốc, được sự hỗ trợ của Đảng, hiệp thương với mọi lực lượng của dân tộc, các nhân sĩ, các trí thức trong nước và ngoài nước. Hai là thành lập một "chính phủ cải cách" gồm những người thực sự có năng lực và trí thức. Ba là thực hiện đầy đủ các quyền tự do dân chủ, đặc biệt là tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và báo chí, tự do hội họp và lập hội. Bốn là bầu cử Quốc hội thật sự tự do và công bằng vào năm 1992 hoặc đầu năm 1993.

Đi ngược dòng thời gian, vào lúc bắt đầu "đổi mới", Phan Đình Diệu đã đọc một bài tham luận tựa đề *"Góp ý kiến về đổi mới"* tại Hội nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào tháng 9-1986, được đăng trên báo Đoàn Kết (do Hội người Việt

Nam tại Pháp xuất bản) số tháng 2-1989, nghĩa là hơn hai năm sau. Phan Đình Diệu khẳng định "đổi mới cần có dân chủ", và tuy ông vẫn dùng cụm từ "dân chủ xã hội chủ nghĩa", ông cũng đã cho nó một nội dung rõ rệt: "dân chủ được thể hiện ở quyền tham gia tự do lựa chọn các cơ quan lãnh đạo, công khai giám sát, phê phán tranh luận và đánh giá quyết định của lãnh đạo đương nhiệm. Để thực hiện các quyền đó, cần được thực sự tự do ứng cử và bầu cử, tự do ngôn luận - đặc biệt là tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, v.v..." Tháng 6-1990, báo Đoàn Kết đăng bài phát biểu "Vấn đề dân chủ trong sự nghiệp đổi mới" của Phan Đình Diệu tại cuộc hội thảo "Vấn đề dân chủ ở nước ta - Thực trạng và kiến nghị" do Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức trong hai ngày 9 và 10-1-1990, trong đó ông nói "Hiện nay, đa nguyên đang còn là một điều cấm kỵ" nhưng ông khẳng định "dân chủ tất yếu phải đa nguyên".

Báo Diễn Đàn số 20 tháng 6-1993 đăng bản dịch một bài của nhà sử học Na Uy Stein Tønnesson phỏng vấn Phan Đình Diệu tựa đề "Ứng dụng toán học và dân chủ", trong đó ông tuyên bố "Điều cốt yếu không phải là có nhiều đảng, không phải là có một chế độ đa đảng, mà là có sự chọn lựa thật sự. Muốn chọn lựa thật sự, hai đảng có thể cũng đủ, với điều kiện là hai đảng ấy thực sự khác nhau". Diễn Đàn số 25 tháng 12-1993 đăng bài "Dân chủ và thực hiện dân chủ" trong đó Phan Đình Diệu đề nghị "đảng cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng xã hội - dân chủ" và xem đó là một vấn đề mấu chốt. Và gần đây nhất, Diễn Đàn số 35, tháng 11-1994, đăng bài phát biểu của Phan Đình Diệu tại hội nghị của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tháng 3-1993 (không phải bài phát biểu năm 1994), trong đó Phan Đình Diệu định nghĩa vai trò của Mặt trận, "phải là liên minh của những công dân tự do bình đẳng, của những tổ chức xã hội và chính trị tự do và bình đẳng". Ông cũng khẳng định: "Trong giai đoạn này, nếu thực hiện được vai trò ấy của mình thì Mặt trận vẫn còn cần thiết và sự tồn tại của nó mới thật sự có ý nghĩa. Sẽ không còn ý nghĩa nếu nó tồn tại như một bộ phận trong hệ thống hành chính, như 'cái đuôi của nhà nước", như một công cụ của sự lãnh đạo của Đảng".

Những ước mơ trên đây từ gần hai năm qua vẫn chưa thực hiện được, nhưng Phan Đình Diệu vẫn kiên trì. Từ năm 1986, ông đã đòi hỏi tại diễn đàn Mặt trận tự do ngôn luận, tự do lập hội, và cho đến nay, trong các bài phát biểu ông vẫn tiếp tục đòi các thứ tự do đó. Chỉ tiếc là trong những vụ Nhà nước vi phạm trắng trợn các quyền tự do này, như vụ Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ bị dẹp, vụ Nguyễn Đan Quế và Đoàn Viết Hoạt bị xử, vụ Dương Thu Hương bị bắt, vụ tổng biên tập một số báo bị cách chức, v.v... không thấy Phan Đình Diệu lên tiếng công khai phản đối trên các diễn đàn hải ngoại như những bài phát biểu trên đây.

Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự cũng đòi những quyền tự do căn bản, chỉ khác là không phát biểu trên diễn đàn Mặt trận, mà là diễn đàn "chui". Nhưng dù "chui" hay không, không có một bài nào của bốn "tham luận viên" này được cơ quan truyền thông của nhà nước phổ biến cả, vì thế chúng ta cần đăng tải rộng rãi những phát biểu đóng góp cho dân chủ, dù những tiếng nói từ trong nước đó có khác biệt nhau chăng nữa.

Đó cũng là điều đáng mừng, chứng tỏ đa nguyên đang lộ dạng.

Phạm Ngọc Lân

Thư gửi Hà Sĩ Phu

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1994

Kính gửi: Anh Hà Sĩ Phu,

Tôi đã nhận được thư anh gửi cho tôi, đề ngày 2-9-1994. Xin cảm ơn anh.

Trong thư, anh có cho biết là có những bạn, do đọc vài bài viết của tôi mà bị liên lụy. Những bài viết từ trước đến nay của tôi đều là những bài phát biểu công khai, trình bày những ý kiến đóng góp cá nhân của mình đối với một vài vấn đề của đất nước, không chứa đựng bất kỳ một bí mật quốc gia nào, và theo tôi biết chưa hề có một lệnh cấm nào đối với các bài viết đó, vì vậy nếu quả thực có bạn nào do đọc các bài viết đó mà bị buộc tội, thì rõ ràng việc buộc tội đó là sai pháp luật.

Tôi đồng ý với anh là, để đề cao phép nước, và cũng là để bảo vệ quyền hợp pháp của công dân, tránh những vi phạm tùy tiện của một số người lợi dụng danh nghĩa chính quyền, các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cần công bố rõ những sách báo, tài liệu nào là bị cấm, đọc chúng là phạm pháp, để mọi người đều được biết và thi hành. Những gì không bị cấm một cách rõ ràng bởi luật pháp, thì không thể xem là phạm tội.

Tôi cũng hiểu rằng công cuộc xây dựng đất nước tiến lên giàu mạnh và dân chủ sẽ còn nhiều khó khăn và trắc trở, đòi hỏi thiện chí và sự góp sức chung của tất cả mọi người. Tôi thành thực vui mừng về mỗi bước tiến, dù nhỏ, trên con đường đi tới đoàn kết và hòa hợp dân tộc để tạo thuận lợi cho sự góp sức chung đó. Chính vì thế, tôi hoan nghênh chủ trương "mở rộng đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở lấy mục tiêu chung dân giàu nước mạnh làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc", tuy tôi cũng biết rằng từ việc chấp nhận một nguyên tắc đến việc có chung một nhận thức về nguyên tắc đó và thực hiện nó trong thực tiễn sẽ còn không ít gian nan.

Tôi xin chia sẻ với anh về những trăn trở đối với nhiều hiện tượng như hối còn khá phổ biến hiện nay trong xã hội, và cả những lo nghĩ về những vấn đề chung của đất nước. Tôi cũng thường day dứt suy nghĩ, là một công dân yêu nước và một người công tác khoa học, mình cần và có thể làm gì để có thể đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển dân chủ và giàu mạnh của đất nước. Có lẽ, về vấn đề này, câu trả lời cũng tùy thuộc hoàn cảnh và suy nghĩ riêng của từng người. Về phần tôi, tôi vẫn cố gắng đóng góp những suy nghĩ độc lập của mình đối với những vấn đề chung của đất nước với tư cách là một công dân, đồng thời cùng cố làm việc tích cực để có những đóng góp cụ thể cho sự phát triển đất nước ngay trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Kính chúc anh mạnh khỏe. Xin gửi anh lời chào thân ái.

Phan Đình Diệu

Thư ngỏ

Gửi Giáo sư Tiến sĩ Phan Đình Diệu,
Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam khóa IV và
Phó tiến sĩ Hà Sĩ Phu, cán bộ Viện Khoa học Việt Nam đã nghỉ hưu

Dà Lạt, ngày 26 tháng 10 năm 1994

Kính gửi hai anh Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu

Tôi đã được đọc thư của hai anh trao đổi ý kiến với nhau, hẳn cũng là để mọi người cùng biết, cùng nghĩ, bởi hai anh đâu có bàn chuyện riêng, mà bàn chuyện quốc sự từ vĩ mô đến vi mô.

Tôi vốn là người đọc ngưỡng mộ hai anh bấy lâu, nhưng cũng còn chút may mắn chưa bị bắt, bị soát nhà hết tài liệu như thầy giáo Đỗ Tư Nghĩa. Tôi đọc không chỉ hai anh mà đọc cả văn kiện của Đảng lẫn Nguyễn Kiến Giang, Lữ Phương, Nguyễn Khắc Viện, Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Hộ, Bùi Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Trần Minh Thảo, Tiêu Dao Bảo Cự, Nguyễn Phong Hồ Hiếu, v.v... nói chung là các tác giả có quan điểm dị biệt hoặc đối lập với đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo cách nhìn của anh Hà Sĩ Phu thì tôi thuộc vào những chỗ "có nhân cách nhất, đáng kính trọng nhất". Tôi chưa dám tự nghĩ về mình như thế, tôi chỉ làm một việc rất đơn giản, rất bình thường là học tập các đồng chí đảng viên, gương mẫu thực hiện nguyên tắc do Đảng đề ra: "*Dân biết, dân bàn...*".

Vậy nên, khi thấy hai anh bàn chuyện quốc sự, tôi cũng mạo muội cầm bút góp bàn. Có gì đường đột giữa thời buổi giao lưu kinh tế, văn hóa tư tưởng mạnh mẽ này xin hai anh lượng thứ.

Đọc thư hai anh, ý nghĩ đầu tiên của tôi là: chuyện quốc sự hai anh đang bàn, phải chỉ được tiến hành trên báo chí, ít ra trên tờ báo của Mặt trận, thì cái ích lợi cho Dân cho Nước sẽ nhân lên gấp bội. Ước gì tôi đủ can đảm sống theo hiến pháp, nghĩa là tự mình thực hiện quyền "tự do báo chí" của công dân mà hiến pháp đã long trọng khẳng định, ắt tôi lập ra ngay một tờ báo tư (như các đảng viên cộng sản tiền bối đã làm dưới chế độ thuộc địa), và tờ báo của tôi nhất định phải trình làng trình nước bằng cuộc bàn thảo quốc sự rất bổ ích giữa hai anh.

Nhưng thôi, trong khi chờ đợi các quyền tự do bánh vẽ (xin mượn lại hai chữ bánh vẽ của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và Nhà thơ Chế Lan Viên) ghi trong hiến pháp trở thành bánh thật trong đời thường, chúng ta hãy tạm trò chuyện bằng thứ báo chí photocopy manh mún và chậm chạp này vậy.

Nói đến chuyện văn minh hóa, dân chủ hóa đất nước thì có bao nhiêu điều cần nói, nhưng theo tôi, điều tiên quyết là phải chấm dứt ngay việc áp đặt sự lựa chọn ý thức hệ của một bộ phận, một thiểu số lên toàn dân tộc. Dùng một quốc hội do Đảng (thực chất là do một số ít người cầm quyền trong Đảng) sắp xếp dàn dựng để đưa sự lãnh đạo của Đảng theo chủ nghĩa Mác Lênin vào điều 4 hiến pháp, đặt tên nước là Cộng Hòa Xã Hội chủ nghĩa khi chủ

nghĩa xã hội là cái chưa biết bao giờ mới có, thì có chút nào là văn minh, là dân chủ? Ngay cả những người lãnh đạo Đảng, đã mấy ai nắm vững chủ nghĩa của Đảng (nếu nắm vững, với giả định là chủ nghĩa đúng hoàn toàn, thì đâu ra nông nổi hiện nay), và hầu như chẳng ai có thể trình bày chủ nghĩa xã hội hình dong tướng mạo nó ra làm sao, vậy mà lại bắt cả dân tộc đổ bao xương máu, tài sản, công sức mồ hôi nước mắt lao theo nó, thì đó đích thị là hành vi ngu dân đại quy mô, xúc phạm dân tộc một cách ngang ngược, chứ văn minh nổi gì, dân chủ nổi gì?

Việc mời các vị Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Phước Đại, Phan Đình Diệu tham gia Mặt trận tổ quốc thì hẳn rằng không phải để các vị này cùng Mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác Lênin. Trong khi vẫn giữ điều 4 hiến pháp, giữ tên nước xã hội chủ nghĩa, trong khi bắt giam đồng chí cựu công nhân Ba Sơn lão thành cách mạng Nguyễn Hộ chỉ vì ông khẳng khái tuyên bố từ bỏ cái chủ nghĩa ông hằng hiến cả 56 năm đời mình tận tụy theo đuổi mà không đem lại tự do hạnh phúc cho dân, trong khi bắt giam thầy giáo Đỗ Tư Nghĩa chỉ vì đã đọc Phan Đình Diệu, Bùi Tín rồi quy tội "tàng trữ tài liệu chống chủ nghĩa xã hội", mà lại mời các ông bà Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Phước Đại - những người vốn chống chủ nghĩa xã hội có tầm cỡ, mời giáo sư tiến sĩ Phan Đình Diệu - người đã tuyên bố quan điểm dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Mác Lênin, tiến tới nền dân chủ lương đảng, vào cơ quan tối cao của Mặt trận, thì đó là văn minh dân chủ, hay chỉ là bày thêm bàn tiệc bánh vẽ "Đại đoàn kết hòa hợp dân tộc"? (Lại xin mượn hình ảnh bàn tiệc bánh vẽ trong Di cảo thơ của Nhà thơ Chế Lan Viên).

Anh Hà Sĩ Phu bảo rằng sự trái ngược giữa cái cảnh có vẻ thoáng đảng ở cấp vi mô với cảnh công sắt siết tay ở cấp vi mô cứ như một câu đố thách thức sự hiểu biết của người dân. Tôi có hỏi chuyện mấy anh bạn, cùng vốn là đảng viên từng được Đảng giao làm công tác mặt trận. Các anh ấy bảo chả có gì khó hiểu cả đâu, vẫn là bài bản quen thuộc trong công tác mặt trận thôi, mở trên thất dưới, thoáng đảng bề ngoài, siết chặt bên trong.

Tôi nhớ Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh hồi còn đương nhiệm khi gặp cử tri với tư cách đại biểu quốc hội đã giải thích bút danh N.V.L. của ông có nghĩa là Nói và Làm, nói và làm phải đi đôi, người cầm quyền phải làm điều mình nói. Tôi cũng nhớ vị chủ tịch tiền nhiệm của Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam (UBTU.MTTQ.VN) Nguyễn Hữu Thọ từng nêu rõ: "*Nhân dân ai cũng thích cái bánh thật chứ chẳng ai thích cái bánh vẽ*", "*nhiệm vụ quan trọng nhất của Mặt trận là xây dựng nền dân chủ*", "*dân chủ là cái phải đấu tranh để giành lấy chứ không ngồi chờ ai ban phát cho*". Tôi nghĩ, theo tinh thần ấy thì công cuộc dân chủ hóa ở Việt Nam ta phải bắt đầu từ việc nhân dân tự mình đoàn kết thành mặt trận đứng lên đòi người cầm quyền làm những điều họ nói, chưa đòi gì cao xa, hãy trước hết đòi họ trả lại ngay cho dân những quyền công dân đã ghi trong hiến pháp. Mà đi đầu trong cuộc đòi hỏi này tất phải là các vị trong Đoàn chủ tịch UB TU.MTTQ.VN. Đây đơn giản chỉ là một cuộc đòi nợ, món nợ mà Đảng cộng sản Việt Nam nợ nhân dân Việt Nam khi cách mạng tháng 8-1945 thành công, mới trả được chút ít trong năm 1946, nhưng rồi hoàn nợ mãi đến nay. Xin nói

thêm cho rành rọt, món nợ ấy Đảng nợ dân, nhưng không phải tất cả đảng viên đều mắc nợ. Đảng hiện có hai triệu đảng viên, hầu hết là đảng viên thường, hầu hết trong sáng lương thiện, chả lẽ suốt đời tận tụy hy sinh quên mình vì dân vì nước, nay không tiền, không quyền lại nhẫn tâm trốn nợ nhân dân? Không, kẻ mắc nợ dân là thiếu số đảng viên có chức có quyền, trong đó một số ít nhờ chức quyền mà có tiền, cực kỳ lắm tiền, đang chi phối mọi công việc của Đảng, của đất nước - chức, quyền, tiền ấy đã kết họ lại thành một giai tầng mới, giai tầng tài phiệt đỏ. Họ đâu còn một chút nào gọi là phẩm chất cộng sản. Chủ nghĩa Mác Lênin, chủ nghĩa xã hội chỉ là cái bình phong tiện lợi nhất che giấu sự hoành hành của một thứ chủ nghĩa cá nhân tẻ nhạt nhất không ai kiểm soát nổi, họ niu giữ chủ nghĩa là vì thế chú họ tin gì vào chủ nghĩa. (Nhưng quan sát thực tế của tôi và sự đúc kết lý luận trong các bài viết của hai anh cùng một số tác giả khác đã cho tôi xác tín điều đó.) Việc trả lại cho dân các quyền tự do dân chủ là sự đe dọa dữ dội đối với chiếc ghế và túi tiền của họ. Sự thống trị độc tôn độc tài của họ dưới danh nghĩa Đảng kéo dài hết nhiệm kỳ này qua nhiệm kỳ khác, đa số đảng viên đều biết rõ đấy nhưng lúng túng chẳng biết gỡ cách sao để "chỉnh đốn Đảng", cứu vãn uy tín của Đảng. Toàn bộ tình trạng đó là hòn đá tảng chặn kín con đường dân chủ hóa. Thế lực tài phiệt đỏ đang mưu toan trốn nợ càng lâu càng tốt các quyền tự do của dân để "ổn định" ngôi vị càng lâu càng tốt - một kiểu "câu giờ" để làm giàu theo công thức "dùng chuyên chính vô sản để tích lũy tư bản" - như anh Hà Sĩ Phu đã vạch rõ - một kiểu tích lũy có tốc độ cao gấp bội lần kiểu tích lũy cổ điển. Giữa họ với đa số đảng viên và toàn thể nhân dân chẳng còn gì chung về lợi ích, trái lại số tài sản mà họ đã và đang hối hả tích lũy chính là xương máu, mồ hôi, nước mắt của đa số đảng viên và toàn thể nhân dân. Dĩ nhiên đa số đảng viên cũng liên đới một phần trách nhiệm trước món nợ đối với dân, chùng nào họ chưa dứt khoát rũ bỏ cái cảnh tự đem sinh mệnh tinh thần của mình ghép thành lô-cốt cho thiếu số tài phiệt đỏ núp trong đó có thủ để tiếp tục đục khoét vợ vét, chùng nào họ chưa dám kiên quyết vượt qua những nguyên tắc (bấy lâu thường trói buộc họ, còn những phần tử thực quyền chi phối trong Đảng thì luôn tùy tiện vứt bỏ nguyên tắc) tách ra đứng hẳn về phía nhân dân để đòi nợ cho dân và cho chính mình.

Mọi người đều biết và anh Phan Đình Diệu hẳn càng rõ hơn tính chất cây cảnh bao lâu nay của Mặt trận. Căn bệnh kinh niên nói một đảng làm một nẻo của những người cầm quyền khiến tôi không dứt được mối nghi ngờ về tính chất cây cảnh ấy cho dù vừa rồi thấy có thêm sự tham gia của bà cựu Nghị sĩ Thượng viện Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Phước Đại và sự tham gia tiếp tục của giáo sư tiến sĩ Phan Đình Diệu. Tôi cứ trộm nghĩ anh Phan Đình Diệu khi chấp nhận ngồi tiếp trên chiếc ghế hiện nay trong Mặt trận là chấp nhận một vị thế khá éo le. Với cương vị này hoặc có thể sẽ làm được mọi việc để góp phần giảm nhẹ và đi tới triệt tiêu tính chất cây cảnh của Mặt trận, hoặc có thể chỉ làm tà tà để rồi mặc cho chính mình "hòa hợp" thành một cành nhánh trong cây cảnh ấy. Nhưng tôi tin rằng Phan Đình Diệu mà tôi cùng bao người khác rất đổi tin tưởng và kỳ vọng sẽ không bao giờ là cành nhánh của cây cảnh. Tôi trông đợi anh Phan Đình Diệu sẽ sớm có đóng góp mới không chỉ với tư cách một công dân, một nhà chuyên môn, mà với tư cách một ủy viên Đoàn chủ tịch UBTTQ.VN có thực quyền. Tôi coi sự có mặt của anh Phan Đình Diệu tại đoàn chủ tịch UBTTQ.VN là sự có mặt

của một bộ phận trí thức Việt Nam, trong đó không ít người là đảng viên cộng sản, chủ trương đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, muốn dân tộc thoát khỏi sự ràng buộc của ý thức hệ cộng sản lỗi thời để tiến tới trong ổn định một nền dân chủ lưỡng đảng hoặc đa đảng.

Thưa anh Phan Đình Diệu và anh Hà Sĩ Phu.

Tôi trộm nghĩ, độc lập, tự do, hạnh phúc là khát vọng lâu đời của dân tộc Việt Nam ta cùng mọi dân tộc trên thế giới. Vì độc lập, tự do, hạnh phúc, dân tộc ta đã vùng lên làm Cách mạng tháng 8-1945, lập nên nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhưng lịch sử éo le và khắc nghiệt đã buộc dân tộc ta không còn cách nào khác là đứng lên cầm súng chống lại chiến tranh xâm lược cực kỳ tàn bạo của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để giành độc lập cho một đất nước Việt Nam thống nhất toàn vẹn. Và cũng chính lịch sử éo le và khắc nghiệt đã nhào trộn khát vọng độc lập tự do hạnh phúc với sự lựa chọn ý thức hệ. Biết bao máu Việt Nam đã tự nguyện hiến dâng cho độc lập tự do hạnh phúc và biết bao máu Việt Nam đã đổ ra oan uổng vì nạn phân biệt kỳ thị ý thức hệ. Hận thù cũ chưa xóa được đã chất thêm hận thù mới, cũng vì phân biệt kỳ thị ý thức hệ. Dân tộc đáng lẽ mạnh lên biết bao sau ngày thống nhất lại yếu hẳn đi, rơi vào nghèo nàn lạc hậu, hiện ra nhếch nhác trước nhân loại, vì sự áp đặt bạo hành ý thức hệ. Từ chỗ được nhân loại coi là lương tâm của thời đại, dân tộc ta mau chóng rơi vào cảnh bị người ta coi khinh. Dân tộc ta đã đổ máu quá nhiều, đốn đau tử nhục quá nhiều vì những vết thương thù hận. Rõ ràng hòa giải, hòa hợp dân tộc là một yêu cầu bức xúc, một cuộc phục hưng tinh thần của toàn dân Việt Nam. Thực hiện được hòa giải hòa hợp dân tộc sẽ tạo ra động lực vô cùng to lớn cho đất nước phát triển, và chỉ có dân chủ tự do mới đảm bảo vững chắc cho hòa giải hòa hợp dân tộc, đảm bảo cho một sự phát triển lành mạnh, mới có văn minh. Điều đó có lẽ không ai không thấy, vấn đề còn lại là làm thế nào cho sự hòa giải hòa hợp thành hiện thực chứ không phải là những khẩu hiệu suông tung ra như một trò xiếc chính trị.

Xuất phát điểm của hòa giải hòa hợp phải là sự thực tâm, thực tâm từ mọi phía. Thực tâm phải thể hiện bằng việc làm, việc làm nhất quán, đồng bộ, minh bạch.

Việc làm có tính chất sơ khởi là phải gạt bỏ ngay mọi rào cản hành chính cùng mọi thứ rào cản hữu hình và vô hình đối với một nhu cầu sơ đẳng và bình thường của con người là nhu cầu giao lưu tư tưởng, phải để cho mọi ý kiến, quan điểm khác nhau đều được nói lên một cách bình đẳng, trực tiếp, công khai, bình tĩnh lắng nghe lẫn nhau dù ý kiến người này có thể làm chói tai, nóng mặt người kia. Để tỏ rõ thực tâm của mình, đi bước trước trong việc làm này phải là những người cầm quyền đang nắm giữ toàn bộ báo chí cùng mọi thứ diễn đàn trên đất nước, từ trung ương đến địa phương. (Báo chí của người Việt ở nước ngoài hầu hết đều bị qui là "chống cộng", "phản động" và bị ngăn cấm triệt để còn hơn ngăn cấm hàng lậu. Ngay cả khái niệm "phản động", "chống cộng" cũng cần xem lại. Nếu xét về lập trường tư tưởng hiện nay thì hai anh cũng bị xếp vào loại chống cộng, tôi cũng vậy, dù tôi đã thành tâm dâng hiến 22 năm đẹp nhất của đời mình cho ý thức hệ cộng sản. Và còn bao người khác nữa, từ hàng ngũ cộng sản mà ra).

Cho nên khi anh Phan Đình Diệu tại Đại hội Mặt trận đề xướng mọi hình thức "diễn đàn", tất nhiên đó chỉ có thể là DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ, thì anh đã nói lên một nguyện vọng, một đòi hỏi bức xúc của đông đảo người Việt Nam, kể cả rất nhiều đảng viên Cộng sản.

Rất mong anh, với cương vị hiện thời của mình trong Mặt trận, sớm xúc tiến DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ. Diễn đàn này không cần xin phép, vì phép ấy đã được cấp ngay trong lời tuyên bố của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa 9 ngày 20 tháng 10 năm 1994.

"Chính phủ hoan nghênh mọi sáng kiến góp vào các chính sách xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (không có các chữ "xã hội chủ nghĩa" như trước đây - BMQ nhấn mạnh), tôn trọng các ý kiến khác nhau, vì đó là biểu hiện của một xã hội phát triển, là điều đáng mừng. Đã vì đoàn kết hòa hợp dân tộc nhất thiết phải lắng nghe ý kiến của nhau để tiếp cận lẽ phải. Hãy lấy mục tiêu chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh (không có mục tiêu "xã hội chủ nghĩa" như trước đây - BMQ nhấn mạnh) làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau, miễn là những điểm khác nhau ấy không trái với lợi ích chung". Vị Thủ tướng chính phủ đã long trọng tuyên bố thế, thật đáng phấn khởi, hẳn chúng ta có thể yên tâm mà làm DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ, phải không hai anh?

Tôi nghĩ cái điểm khác nhau nổi cộm nhất, quan hệ nhất đến vận mệnh dân tộc, cũng là điểm cần lắng nghe lẫn nhau nhất, cần tìm cách chấp nhận nhau nhất, là xung quanh vấn đề đảng và chủ nghĩa Mác Lênin, chủ nghĩa xã hội đối với lợi ích dân tộc, vấn đề chế độ chính trị độc đảng, lưỡng đảng hay đa đảng, đảng nào dân chủ hơn, có lợi cho dân tộc hơn. Về vấn đề này, không chỉ cần sự lắng nghe lẫn nhau, chấp nhận lẫn nhau giữa những người cộng sản cầm quyền hiện nay với những người quốc gia, những người có quá trình chống cộng (như các ông bà Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Phước Đại) mà cả với không ít người cộng sản đã từ bỏ chủ nghĩa Mác Lênin, chủ nghĩa xã hội vì thấy nó có hại cho dân tộc khi bước vào xây dựng và phát triển, vì thấy tiếp tục duy trì sự áp đặt chủ nghĩa ấy đối với toàn dân tộc là một trở lực cho việc giải quyết căn bản vấn đề hòa giải hòa hợp dân tộc, thực hiện dân chủ (như ông Nguyễn Hộ và nhiều cựu đảng viên cộng sản khác).

Xin mạn phép gợi ý với anh Phan Đình Diệu một cách làm DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ có hiệu quả rộng rãi và ít tốn kém:

- DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ thực hiện ở mọi nơi mọi lúc cho mọi người, một bài ca Diên Hồng mọi người Việt Nam đều có thể hát chứ không riêng các vị trong Ủy ban Mặt trận các cấp độc quyền hát xuân thu nhị kỳ. Với DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ, tạo một bầu khí, một nền nếp mọi người Việt Nam tự do nói lên điều mình nghĩ về mọi vấn đề, bàn luận mọi vấn đề, trừ các bí mật quốc gia (bí mật quốc gia thôi, chứ không phải bí mật của Đảng).

- Tổ chức DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ theo phương thức dân tự làm, tự quản, tự chịu trách nhiệm hoặc theo phương thức Mặt trận và Nhân dân (thường dân) cùng làm.

Tôi tin rằng nếu làm theo cách này, những ai tham gia DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ không những sẽ tự nguyện chịu mọi phí tổn mà còn hăng hái quyền góp thêm tài chính cho việc tổ chức diễn đàn.

Nhưng nói gì thì nói, diễn đàn có hiệu quả nhất, đỡ tốn kém nhất, vẫn là một tờ báo. Ở nước ta hiện nay, toàn bộ báo chí đều do những người cầm quyền trong Đảng chi phối đến từng câu, chữ, các tổng biên tập hằng tuần hằng tháng đều phải dự giao ban ở ban tuyên huấn để nhận sự chỉ đạo và uốn nắn sít sao. (Anh Phan Đình Diệu hẳn chưa quên vụ mất chức của tổng biên tập tờ "Giáo dục và thời đại" chỉ vì đăng mấy dòng cáo lỗi bạn đọc về việc không được đăng bài của Lê Quang Vịnh phê phán Phan Đình Diệu và bài của Phan Đình Diệu). Vậy muốn thực hiện cái điều Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã tuyên bố: "... Vì đoàn kết và hòa hợp dân tộc, NHẤT THIẾT phải lắng nghe ý kiến của nhau để tiếp cận lẽ phải" thì tôi nghĩ NHẤT THIẾT phải có một tờ báo nói lên những tiếng nói khác nhau và khác với tiếng nói của Đảng, đứng ngoài giàn hợp xướng báo chí do Đảng chỉ huy. Phải có các tiếng nói khác nhau như thế cất lên công khai bằng một tờ báo độc lập thì mới có cái mà lắng nghe chứ, còn những tiếng nói khác nhau chỉ cất lên ở xô bếp, ở quán cóc vỉa hè thì làm sao mà "lắng nghe", lại vướng nạn "khẩu thiệt vô bằng" càng thêm rắc rối. Đảng đã có hàng trăm tờ báo, chỉ xin để một chỗ cho một tờ báo loại này thôi, có thể đặt tên là tờ "DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ" hoặc tờ "HÒA HỢP DÂN TỘC" chẳng hạn. Tờ báo này phải do các cá nhân công dân góp sức góp của lại làm, chỉ lấy "đại nghĩa dân tộc làm trọng" (lời Tổng bí thư Đỗ Mười), không chịu sự chi phối của đảng phái nào, tổng biên tập không phải dự giao ban ở đâu cả, chỉ "giao ban" với bạn đọc (nếu bạn đọc tẩy chay) và với cơ quan pháp luật (nếu phạm pháp). Hệ thống báo chí do Đảng kiểm soát rõ ràng áp đảo về số lượng, lại thêm sức mạnh lý lẽ của Đảng nửa thì sự áp đảo là tuyệt đối. Còn ngần ngại gì mà không thể để cho một tờ báo ngoài hệ thống của mình ra đời? Nhất thiết chỉ có sự xuất hiện hợp pháp của một tờ báo như thế, tôi mới hơi tin rằng có sự thực tâm "vì đoàn kết và hòa hợp dân tộc, nhất thiết phải lắng nghe ý kiến của nhau để tiếp cận lẽ phải".

Dù sao, khi vị Ủy viên Đoàn chủ tịch UBTU.MTTQ.VN có quan điểm từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, tiến tới nền dân chủ lưỡng đảng, đã đề xướng diễn đàn dân chủ, và vị đứng đầu chính phủ đã long trọng tuyên bố "nhất thiết phải lắng nghe ý kiến của nhau để tiếp cận lẽ phải", tuy chỉ mới trên lời nói, tôi cũng cảm thấy chút hy vọng.

Phần còn lại là việc làm.

Người cầm quyền dám làm những điều mình nói.

Người dân dám làm những điều người cầm quyền nói.

Phải vậy không hai anh Phan Đình Diệu và Hà Sĩ Phu?

Mong nhận được ý kiến trao đổi của hai anh, chỉ bảo cho những điều còn chưa sáng tỏ.

Gửi hai anh lời chào hy vọng và tin tưởng.

Bùi Minh Quốc

3, Nguyễn Thượng Hiền, Đà Lạt

Ước gì được thực hiện những quyền đã ghi trong hiến pháp

(Thư gửi ông Phan Đình Diệu)

Tôi là Tiêu Dao Bảo Cự. Vừa rồi tôi được đọc mấy lá thư trao đổi của ông Phan Đình Diệu và hai ông Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc bàn về vấn đề dân chủ hóa đất nước, xuất phát từ lá thư của Hà Sĩ Phu (ngày 2-9-1994). Lá thư của Hà Sĩ Phu được viết nhân sự kiện ông Phan Đình Diệu được "bầu" hay đưa vào Đoàn chủ tịch Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam khóa IV vừa qua và từ tinh thần bài tham luận của ông trong đại hội IV Mặt Trận.

Tôi nghĩ rằng đây không chỉ là những lá thư có tính cách riêng tư mà là sự trao đổi rộng rãi trong tinh thần cùng quan tâm đến những vấn đề chung của đất nước. Và lại, truyền thống của dân tộc ta là "quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách". Lá thư này của tôi cũng được viết để hưởng ứng bài phát biểu trên của ông, trong đó ông kêu gọi tổ chức các diễn đàn dân chủ "dưới hình thức các hội thảo, các cuộc gặp gỡ trao đổi và một cách thường xuyên bằng hình thức các cơ quan ngôn luận, báo chí...". Trong khi chờ đợi khả năng thực thi của những hình thức trao đổi rộng rãi và thường xuyên như ông đề xuất, tôi thấy việc trao đổi với nhau bằng thư từ cũng là hình thức bình thường tối thiểu và hữu ích.

Trước hết, tôi bày tỏ sự cảm phục đối với tài năng, kiến thức và sự đóng góp của ông cũng như giới trí thức trong các lãnh vực chuyên môn để phục vụ xã hội và xây dựng đất nước, đặc biệt trong việc nhận định và đề xuất những giải pháp lớn cho tình hình đất nước, trong đó ông và một số ít người khác đã có những ý kiến sắc sảo, thẳng thắn đôi khi đi ngược lại quan điểm và các nghị quyết của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tôi cho rằng giá trị đích thực của người trí thức không thể tách rời nhận thức, thái độ, hành động và nhân cách của họ. Nhân dân và lịch sử của một đất nước mong chờ nhưng cũng đòi hỏi nhiều ở tầng lớp trí thức, đặc biệt trong những hoàn cảnh lịch sử khó khăn và phức tạp. Như ông Phan Đình Diệu đã từng chứng tỏ, ngoài lãnh vực chuyên môn, người trí thức cần có nhận thức đúng về tình hình chính trị, xã hội và những giải pháp đưa đất nước ra khỏi khó khăn và tiếp tục phát triển vì điều này chi phối mạnh mẽ đến mọi lãnh vực. Lịch sử khoa học đã chứng minh rằng nếu không có nhận thức này, đôi khi làm tốt trong lãnh vực chuyên môn lại không có tính cách phục vụ mà góp phần cho tội ác, củng cố các chế độ độc tài bạo ngược chống lại nhân dân. Thái độ đúng là sống trung thành với nhận thức của mình, không vì bất cứ lý do gì như địa vị, quyền lợi, sự sợ hãi, cầu an, thỏa hiệp... làm lung lạc, chao đảo, thậm chí đi ngược lại nhận thức. Thực tiễn đã chứng tỏ, đối với trí thức, từ nhận thức đến thái độ thường vẫn có một khoảng cách. Từ thái độ đến hành động lại là một khoảng cách khác đòi hỏi cao hơn. Hành động đúng là trong khả năng và điều kiện của mình, làm hết sức để biến nhận thức thành thực tiễn. Tất cả những điều trên đây làm nên nhân cách cao quý

và thể hiện vai trò của người trí thức trong lịch sử tiến hóa của từng quốc gia và cả nhân loại.

Có lẽ hơn bao giờ hết, trong giai đoạn này của đất nước, trong thời đại phát triển như vũ bão của toàn nhân loại mà động lực là trí tuệ chứ không phải bắp thịt và song song với sự phát triển đó là sự sa đọa về mặt tinh thần cũng như tội ác, đau khổ đủ loại đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu, vai trò của trí thức lại càng cần thiết. Tuy nhiên thực tế của tình hình lại cho thấy trí thức Việt Nam chưa đóng được vai trò đáng lý họ phải có.

Trong đoạn kết cuốn tiểu thuyết "Nửa đời nhìn lại" của tôi, tôi có một vài suy niệm về vai trò của người nghệ sĩ, trí thức, và đặt câu hỏi: "*Tại sao bộ phận tiên tiến nhất của một dân tộc lại tự mình đứng trong thế yếu?*" Trong bài tựa viết cho cuốn sách này, Đặng Tiến nhắc lại câu hỏi đó và bình luận: "*Tôi không biết nghệ sĩ và trí thức Việt Nam có tiên tiến hay không, nhưng chắc chắn chưa bao giờ họ chọn được chỗ đứng - dù ở thế mạnh hay thế yếu. Họ giống như người phụ nữ thời xưa, quyền thế đặt đầu thì ngồi đấy. Tài giỏi như Nguyễn Du mà suốt đời làm quan đành phải im hơi lặng tiếng. Công cán như Nguyễn Trãi rồi cũng bị tru di vì một đôi lời nói thẳng. Trước những tấm gương ấy, trí thức của chúng ta đã có truyền thống thuần phục lâu đời. Dĩ nhiên là vẫn có những tiếng nói lẻ loi, từ Chu Văn An, Nguyễn Trường Tộ đến Dương Thu Hương, Hoàng Minh Chính nhưng những tiếng nói đó không làm thành dư luận. Vì từ lâu, người trí thức chỉ là những cá nhân, không tạo được một tầng lớp có lực lượng, có quần chúng, có hậu thuẫn. Trong cuộc đấu tranh cho dân chủ hiện nay, người trí thức đáng lẽ phải là ngọn gió tiên phong. Nhưng có thật thế không? Hay ngược lại, trí thức trong thâm tâm cũng sợ dân chủ, vì được dân chủ thì mất quyền lợi riêng tư, những đặc quyền, đặc miễn bất thành văn đã tích lũy từ thời này sang thời khác?*"

Nhận định này có thể làm một số người bất bình nhưng lại là một vấn nạn không dễ gì giải đáp trong thực tiễn.

Chung quanh việc dân chủ hóa đất nước có rất nhiều vấn đề cần bàn nhưng ở đây tôi chỉ xin trao đổi về một vấn đề: việc thực hiện diễn đàn dân chủ trong bài tham luận của ông Phan Đình Diệu tại Đại Hội Mặt Trận.

Hiến pháp hiện nay ghi rõ người dân có đủ mọi quyền tự do. Chưa nói đến việc hiến pháp này đã phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng của toàn dân hay chưa, nhưng ngay nhiều quyền được ghi bằng giấy trắng mực đen trong hiến pháp cũng chưa được thực hiện. Một thí dụ là luật báo chí và xuất bản được quốc hội thông qua cấm báo chí tư nhân. Cấm báo chí tư nhân nghĩa là không có tự do báo chí.

Trong câu chuyện bạn bè, tôi được nghe Hoàng Phủ Ngọc Tường đặt vấn đề và mơ ước về một "không gian đối thoại".

Trong lá thư của Bùi Minh Quốc gửi Phan Đình Diệu, Bùi Minh Quốc "ước gì" được thực hiện những quyền đã ghi trong hiến pháp và đề nghị Nhà nước cho tổ chức một tờ báo đối lập lấy tên là "Diễn Đàn Dân Chủ".

Tại sao chỉ có vậy? Tại sao chỉ dám ước mơ? Tại sao người dân và trí thức có quyền lại không dám thực hiện quyền của mình?

Nhà nước vẫn tuyên truyền hiến pháp là bộ luật cao nhất của quốc gia. Vậy luật nào ngược lại hiến pháp là vi hiến, không có giá trị, không cần chấp hành. Ban hành và chấp hành các luật này đều là vi hiến. Quốc hội nào thông qua luật vi hiến cũng cần xét lại tư cách của quốc hội đó.

Trước năm 1975, ở miền Nam, tạp chí Đối Diện bị chính quyền Sài Gòn đóng cửa, Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan, những trí thức yêu nước khuynh tả, đã căn cứ vào điều 11 hiệp định Paris, trong đó thừa nhận quyền tự do báo chí, coi như giấy phép xuất bản để tiếp tục ra báo. Năm 1988, ông Nguyễn Hộ và Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ TP HCM, căn cứ vào hiến pháp, đã tự động ra tờ báo "Truyền thống kháng chiến" không cần giấy phép của Bộ Thông Tin và lên án chế độ tự do báo chí hiện nay còn bóp nghẹt tự do báo chí hơn thời Pháp thuộc.

Đó là những người trí thức yêu nước chân chính, dùng cảm và thực sự biết tôn trọng luật pháp. Còn những trí thức yêu nước hiện nay tại sao không thực hiện những quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận của mình như đã được ghi rõ ràng trong hiến pháp của một nước "độc lập, tự do, hạnh phúc"? Dù Việt Nam hiện nay đang ở trong chế độ độc đảng nhưng cũng không phải vì thế mà Đảng độc quyền yêu nước. Đảng vẫn luôn luôn nói đến việc "lấy dân làm gốc", "gắn bó máu thịt với nhân dân", "đoàn kết hòa hợp dân tộc", "chấp nhận cả những sự khác nhau không trái lại với lợi ích chung của tổ quốc...".

Qua bài phát biểu của ông Phan Đình Diệu, tôi hy vọng ông có thể làm được nhiều việc, trong đó có việc tổ chức các diễn đàn dân chủ và tờ báo "Diễn Đàn Dân Chủ" như Bùi Minh Quốc đề nghị. Chắc chắn đông đảo trí thức sẽ ủng hộ và cộng tác với ông trong công việc này. Đối với nhiều người cảm quyền hiện nay, lời nói không đi đôi với việc làm, thực hiện trái với nghị quyết là việc bình thường nhưng tôi không muốn điều đó lại có thể xảy ra ở Phan Đình Diệu.

Tôi tự hỏi không biết ông Phan Đình Diệu đã suy nghĩ và tính toán gì khi chấp nhận tiếp tục đứng vào Đoàn Chủ tịch Mặt Trận nhưng tôi thừa nhận những ý kiến trong bài tham luận của ông tại Đại Hội Mặt Trận thật là đúng đắn và tâm huyết. Vấn đề là ông sẽ làm được những gì so với những điều ông phát biểu.

Ai nghiên cứu lịch sử và xem xét vấn đề một cách khách quan cũng phải nhìn nhận các "Mặt Trận" từ 1930 đến nay (Mặt Trận Dân Tộc Phản Đế Đông Dương, Mặt Trận Việt Minh, Mặt Trận Liên Việt, Mặt Trận Dân tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, Liên Minh các Lực Lượng Dân Tộc, Dân Chủ và Hòa Bình, Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam) đều chỉ là những hình thức tập hợp quần chúng để đấu tranh cho mục tiêu từng thời kỳ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây cũng là tổng kết của Đảng về công tác Mặt Trận. Mặt Trận chỉ là danh

nghĩa, chiêu bài và những người lãnh đạo Mặt Trận không hề có thực quyền như đáng lý họ phải có theo danh xưng. Dù đã sáng tạo ra nhiều cách nói hoa mỹ để thu phục nhân tâm, Đảng cũng chính thức thừa nhận: "*Đảng là thành viên của Mặt Trận nhưng là thành viên lãnh đạo*".

Trong giai đoạn hiện nay, điều lệ của Mặt Trận được đảng cho phép ghi: "*Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam là liên minh chính trị rộng lớn, là tổ chức liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng, các cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của các giới đồng bào*".

Đây là một nội dung nghe rất kêu nhưng rỗng tuếch. Thực tế hiện nay không có Mặt Trận mà chỉ có Ủy Ban Mặt Trận các cấp gồm những người do Đảng lựa chọn, đứng đầu là các nhân vật hạng ba, hạng tư của Đảng, thường là những người đã về hưu. Nhiệm vụ chính của Mặt Trận là tuyên truyền cho đường lối chính sách của Đảng, thực hiện một số việc cụ thể mà các tổ chức đảng, chính quyền không tiện trực tiếp làm như công tác tôn giáo, dân tộc, trí thức, người Hoa, phụ lão... Đặc biệt Mặt Trận có một nhiệm vụ được coi là quan trọng trong các kỳ bầu cử là hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử, một công việc cực kỳ phản dân chủ, xâm phạm trắng trợn và thô bạo quyền tự do ứng cử của người dân. Nhiệm vụ này do Đảng chỉ đạo chặt chẽ, Mặt Trận chỉ làm cái loa phát ngôn. Thực chất hội nghị hiệp thương của Mặt Trận chỉ gồm một nhóm người do Đảng cho phép triệu tập, không đại diện cho ai, nhưng lại có quyền giới thiệu người ra ứng cử và điều này đã quyết định trước gần như hoàn toàn kết quả cuộc bầu cử gọi là dân chủ. Ngoài nhiệm vụ bung xung quan trọng và đáng buồn này, những nhiệm vụ to lớn khác của Mặt Trận ghi trong điều lệ, chương trình hoạt động chỉ là trò chơi chữ hay nói để mà chơi.

Trong Đại Hội III của Mặt Trận, có người nêu vấn đề "đổi trọng" của Mặt Trận đối với Đảng và Nhà Nước. Ý kiến đó đã bị phê phán nặng nề. Trong chuyến đi đòi tự do dân chủ của đoàn văn nghệ Langbian năm 1988, khi Bùi Minh Quốc và tôi gặp chủ tịch Mặt Trận Nguyễn Hữu Thọ ở trụ sở UB TUMT tại Hà Nội, ông Nguyễn Hữu Thọ ủng hộ quan điểm của chúng tôi và khẳng định: "*Không phải ngồi chờ ban phát mà phải đấu tranh để giành dân chủ*". Sau đó, tờ báo Đại Đoàn Kết do ông Nguyễn Hữu Thọ đích thân đứng ra làm chủ nhiệm có khởi sắc được vài số nhưng cũng không có lấy một dòng về cuộc đấu tranh của chúng tôi dù chúng tôi đã cung cấp đầy đủ tư liệu. Chẳng bao lâu, tờ báo này của Mặt Trận lại vào khuôn phép như cũ. Những đề xuất của ông Nguyễn Hữu Thọ và UB TUMT về những vấn đề dân chủ liên quan đến các luật quốc hội sắp thông qua đều bị bác bỏ.

Bộ máy của UBMT các cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận chỉ tương đương với một số, ban, phòng nhỏ nhất của chính quyền, kinh phí hoàn toàn lệ thuộc vào Ủy Ban Nhân Dân cùng cấp. Mỗi lần muốn tổ chức hoạt động gì, Mặt Trận phải năn nỉ các đồng chí chính quyền hết nước miếng để xin kinh phí. Chiếc xe của cơ quan Mặt Trận cũng là xe cũ do các đồng chí chính quyền chuyển qua sau khi họ đã mua xe đời mới.

Đến cấp xã, phường, Mặt Trận chỉ còn là một ông già làm công tác phụ lão, chuyên lo quan tài cho các cụ qua đời là chính.

Biết bao cán bộ Mặt Trận các cấp những năm qua đã than thở về vai trò "cây cảnh", "trang trí", "ngồi chơi soi nước", "bánh xe thứ năm", "cục thịt thừa", và "đưa mặt ra chịu trận" của Mặt Trận.

Vậy thì nói gì đến "liên minh chính trị rộng rãi của mọi tổ chức, đoàn thể, các giai cấp, các tầng lớp xã hội". May ra Mặt Trận còn có chút hành diện khi trong các cuộc lễ long trọng, bao giờ cũng có đại diện của Mặt Trận bên cạnh đại diện Đảng, chính quyền và được người ta thưa gửi đàng hoàng.

Tôi nói những điều này không phải do vô đoán hay để bôi bác Mặt Trận. Trước đây, tôi đã từng là đảng viên Cộng Sản trong 15 năm và hầu hết thời gian đó, tôi làm công tác Mặt Trận và đoàn thể.

Nhận định như thế không phải để đòi hỏi Đảng và Nhà Nước đề cao và tạo điều kiện hơn nữa cho các cơ quan Mặt Trận. Mặt Trận đích thực là liên hiệp các tổ chức chính trị một cách tự nguyện và bình đẳng thì không cần gì đến kinh phí nhà nước và cũng không chấp nhận ai lãnh đạo. Còn Mặt Trận hiện nay thực chất chỉ là cơ quan Mặt Trận, một cơ quan có tính cách thừa hành của Đảng và Nhà Nước.

Trong thực tiễn đó, với những người trí thức cấp tiến hàng đầu như ông Phan Đình Diệu ở cương vị lãnh đạo của Mặt Trận, tôi nghĩ điều quan trọng ông có thể làm là góp phần chuyển hóa cái giả thành thật, "lông giả thành chân", "biến nghị quyết thành thực tiễn". Đó là một tác động mạnh mẽ lên quá trình dân chủ hóa, đồng thời cũng là giúp cho Đảng bớt giả hình, thực sự trở về với nhân dân. Nếu tôi không làm, ông Phan Đình Diệu đã là ủy viên TUMT kể từ Đại Hội Mặt Trận Thống Nhất Việt Nam năm 1977 và đã từng là ủy viên Đoàn chủ tịch MT không phải chỉ một nhiệm kỳ. Nếu ông có dùng khí, cái "sĩ khí" đích thực đáng quý trọng trong truyền thống phương Đông, ông có thể làm được cái gì đó, ít ra trong khuôn khổ của hiến pháp và điều lệ Mặt Trận quy định, làm cái gì có hiệu quả to lớn hơn so với những phát biểu cá nhân cấp tiến và sắc sảo của ông trước đây. Nếu ông không làm được gì, nhất định ông sẽ bị vô hiệu hóa và trở thành cây cảnh trang trí. Tiếc thay trong lá thư ông trả lời Hà Sĩ Phu, ông lại không đề cập đến những vấn đề hệ trọng và nóng bỏng mà Hà Sĩ Phu nêu ra, đặc biệt liên quan đến vai trò ủy viên Đoàn chủ tịch MT của ông. Theo tôi, đó là một dấu hiệu đáng buồn.

Tôi đã từng kính trọng ông vì nhận thức sắc bén, thái độ thẳng thắn, dũng cảm của ông nên tôi nghĩ đối với một người như thế, tôi cũng phải phát biểu hết sức thẳng thắn và trung thực mới là kính trọng.

Chính vì thế và cùng chính vì còn đôi chút tin tưởng đối với giới trí thức Việt Nam mà ông là một đại diện, tôi mạo muội viết thư này cho ông và mong được ông cũng như giới trí thức chỉ giáo thêm.

Đà Lạt 2-12-94

Tiêu Dao Bảo Cự

35/1 Nguyễn Đình Chiểu, Đà Lạt

Thư gửi Tiêu Dao Bảo Cự

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 1994

Kính gửi: Ông Tiêu Dao Bảo Cự

Tôi đã nhận được thư ông đề ngày 2-12-1994, và chân thành cảm ơn ông đã cho tôi biết các quan điểm của ông về nhiều vấn đề của đất nước hiện nay.

Trong thư ông có chất vấn tôi về vai trò "Ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc" mà tôi đã nhận tham gia, đồng thời xem là "một dấu hiệu đáng buồn" vì tôi đã không đề cập đến vấn đề đó trong thư tôi trả lời ông Hà Sĩ Phu. Tôi nhớ rằng trong thư gửi tôi, ông Phu không nêu câu hỏi đó, tuy nhiên, với tinh thần quý trọng đối với ông Phu, trong thư trả lời tôi đã nói rõ thái độ của mình: *Là một công dân yêu nước và một người công tác khoa học, tôi cũng thường day dứt suy nghĩ là mình cần và có thể làm gì để có thể đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển dân chủ và giàu mạnh của đất nước. Về phần tôi, tôi vẫn cố gắng đóng góp những suy nghĩ độc lập của mình đối với những vấn đề chung của đất nước với tư cách là một công dân, đồng thời cũng cố làm việc tích cực để có những đóng góp cụ thể cho sự phát triển đất nước ngay trong lĩnh vực chuyên môn của mình.* Với thái độ chung đó, tôi đã và tiếp tục nhận tham gia công tác Mặt trận là vì, tuy tôi biết vai trò của Mặt trận còn có nhiều hạn chế, Mặt trận vẫn là một tổ chức và một diễn đàn mà ở đó mình có thể trình bày một cách thẳng thắn những ý kiến đóng góp của mình về các vấn đề của đất nước, có thể trao đổi ý kiến một cách bình đẳng, và có thể đề xuất các kiến nghị cần thiết. Tôi có làm được chút gì theo hướng đó hay không, hay như ông cảnh báo "nếu ông không làm được gì, nhất định ông sẽ bị vô hiệu hóa và trở thành cây cảnh trang trí", điều đó xin tùy công luận phán xét.

Xuất phát từ tình hình cụ thể hiện nay, trên con đường phấn đấu cho một đất nước dân chủ và giàu mạnh, như tôi suy nghĩ, mỗi người có thể lựa chọn một cách làm thích hợp với chính kiến và khả năng của mình. Tôi tôn trọng sự lựa chọn của ông Tiêu Dao Bảo Cự, nhưng tôi chắc rằng với tinh thần tôn trọng đa nguyên, ông Tiêu Dao Bảo Cự cũng không yêu cầu tôi lựa chọn theo cách của ông. Tôi thường hối hả thấy vốn thời gian của mình rất hạn hẹp, nên phải tính toán để sử dụng sao cho có ích nhất. Vì vậy mà tôi đã và đang dành phần thì giờ nhiều nhất cho công việc trong lĩnh vực chuyên môn của mình, và tôi tin tưởng rằng công việc đó có thể có những đóng góp hữu ích cho sự phát triển đất nước, không sa vào điều mà ông có nhay ý ngừa trước là "đôi khi làm tốt trong lĩnh vực chuyên môn lại không có tính cách phục vụ mà góp phần cho tội ác, củng cố các chế độ độc tài bạo ngược chống lại nhân dân". Trong việc đóng góp ý kiến về những vấn đề chung của đất nước cũng như trong công tác chuyên môn, điều tôi mong muốn là có thể mang lại đôi chút đóng góp hữu ích, chứ tôi không hề có tham vọng trở thành "anh hùng", hay để chúng tỏ một thứ "sĩ khí", dùng khí nào đó của mình. Ước muốn tha thiết nhất của tôi chỉ là, như tôi đã viết trong bài phát biểu ở Hội nghị UBTV Mặt trận Tổ quốc năm 1986, *được đóng góp phần giọt nước nhỏ bé của mình vào trong hơn 60 triệu giọt nước khác của dân tộc để hoàn thành dòng thác "đổi mới" của đất nước ta hiện nay.*

Xin gửi ông lời chào trân trọng.

Phan Đình Diệu

Cuộc sống của Mao

Bùi Tín

(tiếp theo Thông Luận số 78)

Mao không có bạn, chỉ có bộ hạ thề thốt trung thành với mình ở ngoài ruộng. Mao luôn dò hỏi mọi kẻ thân cận về người khác, từ đó xúi bẩy mọi người tố cáo, kẻ tội lẫn nhau, và cuối cùng Mao buộc mọi người xung tội với mình, rồi bày ra trò tha tội để buộc chặt người khác phải thề thốt trung thành với mình, nếu không sẽ bị trị tội phân loạn.

Mao có một người phục vụ chuyện cạo râu cho mình, tên là Vương Huy, theo Mao từ thời Vạn Lý Trường Chinh, được xưng quanh gọi là Vương Râu Dài. Trong cuộc chỉnh huấn năm 1942, Vương bị tố cáo có âm mưu làm phản. Những người chỉ đạo cuộc chỉnh huấn bắt Vương phải thức liền mấy ngày đêm, cứ chợp mắt liền bị đánh thức, tra hỏi, nếu thú nhận tội lỗi thì mới được nhắm mắt. Vương mỗi mệ, bài hoải không còn tự chủ được nữa, thần kinh rã rời. Thế là cuối cùng Vương phải gặt đầu nhận tội "có ý định cắt cổ lãnh tụ bằng con dao cạo của mình". Và khi gặp Mao, Vương liền quỳ rạp xuống chân Mao khóc lóc thề thảm về tội lỗi kinh khủng của mình, van xin lãnh tụ tha tội chết. Mao liền làm ra vẻ cao đạo, tha thứ cho "tên sát nhân" và vẫn sử dụng Vương cắt tóc, cạo râu cho mình trong bốn mươi năm liền. Vương cẩn thận phục vụ hết mình, không làm da mặt Mao bị xước hoặc chảy máu một lần nào, vì luôn ám ảnh bởi cái tội tày trời đã thú nhận mà không hề có thật. Thâm tâm Mao là kẻ gây ra chuyện này cũng không tin. Có lần Mao nói với bác sĩ Li: "Vương khai rằng khi quân Quốc Dân Đảng đến, hắn sẽ giết ta. Nhưng nếu quân Quốc Dân Đảng đến thật thì chúng nó giết ta chứ cần gì đến bàn tay của Vương!". Đây là trò dối trá, bắt buộc phải nói dối của các chiến dịch chỉnh huấn!

Nghệ thuật "bịp"

Mùa hè 1956, Mao đi nghỉ ở Quảng Châu. Từ đó Mao nảy ra ý định bơi ở tại ba con sông lớn ở Quảng Châu, Trường Sa và Vũ Hán. Những người lo việc bảo vệ Mao rất lo vì sông to, gió lớn, có thể gặp tai nạn bất thường. Nhất là ở Vũ Hán, con sông Dương Tử ở đây rất rộng, nước chảy xiết, dân quanh vùng cũng rất ít người dám bơi tại đây. Hai cận vệ được cử đi Vũ Hán điều tra tại chỗ trở về đều cho rằng bơi ở sông Dương Tử rất nguy hiểm. Han Qing-yu (Hán Thanh Vũ) báo cáo điều ấy với Mao liền bị Mao đập bàn, quát: "Nói láo! Các người không đến tận nơi. Cứ đồng tình, trong đó có Tao Zhu (Đào Chú), bí thư tỉnh ủy Quảng Đông, Wang Ren-zhong (Vương Nhiệm Trọng), bí thư tỉnh ủy Hà Bắc, và Yang Shang-kun (Dương Thượng Côn) ở Văn Phòng Trung Ương Đảng.

Sau khi bơi ở Quảng Châu và ở Trường Sa, Mao quyết định đến Vũ Hán để bơi ở sông Dương Tử. Chiếc tàu Đông Phương Hồng đón Mao và đoàn tùy tùng, xung quanh có tám tàu nhỏ đầy lính, nhân viên an ninh và cấp cứu. Bốn xuống máy tuần tiểu ở vòng ngoài. Đến gần giữa sông: Mao xuống nước, theo sau là các người lãnh đạo của địa phương cùng 40 cận vệ bao quanh. Một tai biến xảy đến, Chen Zai-dao (Trần Thái Đào), thượng tướng tư

lệnh Quân khu Vũ Hán, bơi xuôi một đoạn đột nhiên bơi ngược trở về chiếc tàu liền bị sóng dữ chặn lại và uống no một bụng nước, được cứu lên tàu khi sắp chìm ngìm! Mao cùng tất cả mọi người bơi theo đều xuôi theo dòng nước chảy xiết. Chỉ cần giữ cho cơ thể nổi là có thể được đưa đi nhanh hơn cả bơi trong nước lặng của vận động viên chuyên nghiệp quán quân thế giới! Mao bụng lại to, căng như quả bóng lớn nên càng dễ nổi. Bơi được một tiếng đồng hồ, Lao Rui-qing (La Thụy Khanh) và Wang Dong-xinh (Uông Đông Hưng) đề nghị Mao nghỉ, Mao không nghe, còn bơi tiếp hơn một giờ nữa. Thế là Mao cùng tùy tùng được hơn 25 kilômét, theo dòng nước cuốn. Dương Thượng Côn nhận xét (tất nhiên là sau lưng Mao): "Thế này là bơi à! Chúng ta chỉ cố làm cho thân mình nổi, không cần tốn sức để bơi".

Thế là một bữa tiệc diễn ra trên tàu, bắt đầu là những chén rượu mạnh và sau đó là những lời chúc mừng, tặng bốc. Uông mỗ đầu: "Thưa Mao chủ tịch, chúng tôi theo chủ tịch đã bao nhiêu năm mà nay mới thấy chủ tịch là một người bơi giỏi, có ý chí lớn đến thế. Được bơi với chủ tịch thật là niềm hạnh phúc lớn".

La Thụy Khanh tiếp: "Chúng tôi là học trò của chủ tịch từ đã lâu, vậy mà vẫn chưa học được gì nhiều ở chủ tịch. Bài học hôm nay thật là sâu sắc!". Dương Thượng Côn, tuy không coi thành tích này của Mao ra gì cả, cũng thốt lên: "Ý chí của chủ tịch thật không có ai có thể sánh bằng. Không một nhà lãnh đạo nào khác của thế giới dám coi thường núi cao, sông dữ như chủ tịch...". Uông Đông Hưng nói thêm: "Nhân dân cả nước học được bài học từ cuộc bơi của chủ tịch hôm nay là: dám nghĩ đến những điều không ai nghĩ đến, làm được những điều từng coi như không thể làm nổi!".

Giang Thanh từng ngăn cản Mao bơi trên sông Dương Tử liền quay ngoắt sang tán tụng: "Các người ngăn cản chủ tịch bơi, tôi không đồng ý với thái độ ấy. Tôi ủng hộ việc bơi lội!". Thế là báo chí, đài phát thanh ở Bắc Kinh và khắp Trung Quốc đưa tin, in ảnh với sự kiện bơi này của Mao như một kỳ tích lịch sử: "Không quản sóng to, gió lớn, Mao chủ tịch bơi liền hai giờ, vượt hơn 25 kilômét, ý chí lâm liệt, lao mình vào thử thách! Khí phách của Mao, của Trung Quốc phải là dám làm nên những sự tích không ai dám làm, lập nên những kỳ công lịch sử!". Và thế là khắp nơi người ta nhảy xuống sông, bơi lội, già trẻ lớn bé, từ bờ biển đến sông hồ, chuẩn bị cuộc Đại nhảy vọt!

Hình ảnh Mao ở tuổi 63 giữa sóng gió sông Dương Tử với kỳ tích bơi suốt hơn 2 tiếng đồng hồ, vượt hơn 25 kilômét, sau đó vẫn tươi cười thư thái - vượt qua kỷ lục của các nhà thể thao quốc tế cường tráng - đã lôi cuốn mấy trăm triệu thanh niên nam nữ toàn Trung Quốc trở thành Hồng vệ binh của Mao để lao vào cuộc "đấu tranh long trời đổ đất". Thành tích bơi lội của Mao là một đỉnh cao của nghệ thuật "bịp".

Bác sĩ Li kể tiếp: mùa hè 1958, toàn Trung Quốc lao vào xây dựng các công trình thủy lợi lớn. Cách Bắc Kinh chừng 50 kilômét, nơi có lăng của 13 vua nhà Minh, một công trình dẫn nước lớn được xây dựng. Mao quyết định đến đó để tham gia lao

động chân tay. Trưa 25-5-1958, đoàn xe của Mao đến nơi, có tướng Yang Cheng-wu (Dương Thành Vũ) ra đón. Hàng chục nghìn công nhân, viên chức, binh sĩ... đào và xúc đất vào sọt, gồng gánh chuyển đi, không có một thứ máy móc nào. Mao cầm một cái xèng xúc cát sỏi. Trời nắng nóng, một lúc sau mặt và người Mao ướt đầm mồ hôi. Sau chừng nửa tiếng, tướng Dương mời Mao nghỉ tay, trở về bản doanh để uống nước.

Sáng hôm sau, tất cả các báo hàng ngày ở Bắc Kinh và trong cả nước đều đăng trên trang nhất hình ảnh Mao tay cầm xèng, bên cạnh là thị trưởng Bắc Kinh Peng Zhen (Bành Chân). Bức ảnh này trở nên phổ cập, ở khắp mọi nơi, nhằm nêu bật tinh thần gương mẫu coi trọng lao động chân tay của lãnh tụ, luôn gần gũi với nhân dân lao động, chia sẻ những mệt nhọc với toàn dân. Bác sĩ Li nhận xét: "Thật ra trong hơn 22 năm tôi làm việc với Mao, đây là lần duy nhất Mao làm một thứ lao động chân tay trong chưa đến một giờ đồng hồ! Chưa bao giờ một hành động lao động giản đơn ít ỏi như vậy đã tác động đến tinh thần của cả một dân tộc!".

Ngay sau đó, Mao đề xướng cuộc Đại nhảy vọt. Khắp nơi xây dựng Công Xã Nhân Dân với những đồng ruộng năng suất cao và những lò luyện thép ở khắp thành thị, nông thôn! Hàng loạt trí thức, người làm kế hoạch, cán bộ... tỏ ra nghi ngờ về cuộc đại nhảy vọt trong nông nghiệp và công nghiệp đều bị chụp mũ là "phần tử hữu khuynh", thuộc phái hữu, bị đưa đi cải tạo. Thế là không ai dám hé môi phản đối. Các báo cáo láo, thổi phồng một cách quá đáng các thành tích đua nhau xuất hiện. Liên Xô sẽ vượt Hoa Kỳ thì Trung Quốc sẽ vượt Anh về sản xuất công nghiệp, có gì là khó khăn đâu! Trên lửa dưới, dưới bực trên.

Bác sĩ Li kể rằng: "Đọc các tuyến xe lửa mà Mao đi qua, các địa phương bắt nông dân đánh những cây lúa từ nơi khác đến trồng ken dày, chuyển trâu bò, lợn gà vịt đến thả kín hai bên đường, tạo cảnh nông thôn khởi sắc! Trên các ga Mao đi qua, binh lính, công an giả làm nhân dân nô nức gồng gánh rau quả, bày la liệt trên sân ga; họ mặc áo quần nhiều màu sắc, tươi cười, ca hát chỉ để nhằm làm vui lòng lãnh tụ; và rồi địa phương được khen, các quan chức vùng ấy, huyện ấy, tỉnh ấy được thưởng công, được lên chức. Các nơi đua nhau xây lò cao luyện thép, nhật nhạn nôi chảo thùng, dao cùn, sắt thép rỉ... để đưa vào lò đốt bằng than củi. Lãng phí công sức, tiền của không sao kể hết, chỉ để sản xuất ra loại sắt kém phẩm chất, chẳng biết để làm gì! Tất cả để đạt con số 30 triệu tấn sắt thép ghi trong kế hoạch Đại nhảy vọt!. Kết quả Đại nhảy vọt là nông thôn làm than, nạn đói tràn lan, nhân dân cùng khổ không dám mở mồm rên xiết, trong khi cán bộ mọi cấp chỉ lo vợ vét, hưởng thụ. Mao cuối cùng nhận ra điều ấy thì đã quá muộn, kết thúc Đại nhảy vọt không kèn không trống, và không bao giờ nhận một chút sai lầm gì về mình cả. Đổ tội cho bọn "hữu khuynh", rồi trút lên đầu bọn "tả khuynh", thế là tiện nhất!".

Đốc-tờ Li nhận xét: "Triều đình không bao giờ sai, hoàng đế không bao giờ sai! Xưa hay nay đều thế! Trên lửa dưới, dưới bực trên, tội lỗi đổ lên đầu bọn "kẻ thù của chế độ", mang danh "tả" và "hữu", thế là xong chuyện".

Cái tội của Bành nguyên soái

Mao triệu tập Hội nghị Bộ Chính Trị mở rộng vào tháng 7-1959 ở Lư Sơn trong tỉnh Giang Tây. Tình hình mọi mặt của đất nước là bi đát, cuộc sống thật sự làm than. Dân không có vải, xà-phòng, đến diêm cũng thiếu. Thiếu gạo, dân phải ăn độn quanh

năm. Nhưng Mao vẫn khẳng định nhảy vọt lớn là đúng đắn, khó khăn là tạm thời! Ông ta ngăn chặn mọi ý kiến phê bình ngay thật. Mọi tiếng nói phản ánh sự thật bị bóp nghẹt.

Nhưng có một tiếng nói can đảm vang lên. Đó là tiếng nói của nguyên soái Bành Đức Hoài, nguyên là tổng tư lệnh Quân chí nguyện Trung Quốc ở Triều Tiên. Ngày 14-7-1959, Bành nộp cho Mao lá thư hơn một vạn chữ. Bành cho rằng dù có một số tiến bộ, nhìn chung cuộc Đại nhảy vọt đã đem lại những tổn thất lớn hơn là kết quả. Những con số thổi phồng lên kiểu dói trá là tai hại. Tâm lý tiểu tư sản tả khuynh lan tràn. Rõ ràng Bành nguyên soái tỏ ra cứng đầu trước sự thật, dám đương đầu với Mao. Quả nhiên Mao mất ngủ vì lá thư này. Ngày 16-7, Mao triệu tập thường vụ Bộ Chính Trị gồm có: Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Trần Vân. Đặng Tiểu Bình vắng mặt vì đang nằm bệnh viện. Lâm Bưu cũng không đến được vì lâm bệnh, sợ mưa, gió và lạnh. Mao công bố lá thư của Bành. Mọi người đều sợ uy thế của Mao, hòa theo Mao lên án Bành. Vậy mà vẫn có Huang Ke-cheng (Hoàng Khắc Thành), tổng tham mưu trưởng, vốn rất thân thiết với nguyên soái Bành và Zhang Wen-tian (Trương Văn Thiên), từng thuộc nhóm Vương Minh, lên tiếng ủng hộ Bành. Mao nổi cáu, phê phán Bành rằng trong lúc gay go nhiều cán bộ không vững vàng sinh ra ngã nghiêng, có lập trường của bọn phái hữu.

Bành ngồi ở cuối phòng đứng dậy đi tới trước mặt Mao chất vấn rằng sao Mao lại công bố một lá thư riêng, Mao trả lời rằng sao Bành không nói trước điều này.

Khi cuộc họp kết thúc, Mao nói với Bành: "Bành tư lệnh! Chúng ta sẽ nói chuyện thêm!". Bành đáp: "Không có gì để nói nữa!". Sau đó Mao triệu tập cuộc họp toàn Ban chấp hành trung ương. Lâm Bưu, Giang Thanh đều có mặt. Đây là hoạt động chính trị đầu tiên của Giang Thanh. Mở đầu cuộc họp, Mao lớn tiếng tố cáo rằng một số kẻ của phái hữu đang tiến công điên cuồng vào đường lối của đảng, vào sự nghiệp của nhân dân, vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cả hội nghị hòa theo gậy chỉ huy của Mao, kết tội Bành Đức Hoài là chống đảng, chống lãnh tụ, còn nâng lên một mức coi đây là một âm mưu phản loạn, lật đổ của một nhóm phản đảng. Cuộc họp thông qua nghị quyết lên án Bành Đức Hoài là phần tử chống đảng và khẳng định con đường Đại nhảy vọt.

Báo chí sau đó ca ngợi thành công của Hội nghị Lư Sơn, một mẫu mực mà "đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản", loại bỏ được một âm mưu chống đảng.

Còn ý kiến của bác sĩ Li? Bác sĩ cho biết: Qua quan sát cuộc họp này, ông ta kinh hoàng khiếp đảm: đảng cộng sản bị xâu xé bởi cuộc đấu tranh nội bộ bi đát, hình ảnh Mao tan vỡ, niềm hy vọng của ông ta về nước Trung Hoa tiêu biến, "tôi chỉ còn nghĩ đến việc thoát lấy thân mình!". Bệnh viêm dạ dày của ông tái phát, ông mất ngủ, thần kinh căng thẳng, phải trở về Bắc Kinh để vào bệnh viện điều trị.

Về sau, bác sĩ Li cho biết nguyên soái Bành Đức Hoài bị bỏ tù năm 1966 và chết thảm ở trong tù năm 1974, khi 76 tuổi.

Căn phòng 118 và anh chồng vui vẻ được cấm sử dụng

Mỗi lần Mao loại một "địch thù", ông ta lại lao vào các cuộc truy hoan. Mặc cho hàng chục triệu đồng bào của ông ta chết đói. Mao cho lập ngay ở Đại Lễ Đường Nhân Dân một phòng riêng sang trọng nhất - phòng Bắc Kinh - làm nơi nghỉ ngơi. Tại đó có

một giường lớn để Mao ngủ với các cô gái giữa những cuộc họp hay sau những tối nhảy. Càng về cuối đời, Mao càng không còn chút e ngại khi đặt gái về phòng riêng của mình, trước mặt mọi người.

Ông ta cũng sinh đốn, ve vãn, sờ soạng cả các chàng trai về sĩ tuổi 18, đôi mươi, nhất là các chàng trai đáng vẻ như con gái. Có lần ông ta còn bắt một anh vệ sĩ xoa ngực, xoa bụng rồi cả phía dưới bụng, làm anh này hoảng sợ bỏ chạy.

Mao chẳng những có hàng mấy chục cô gái riêng của mình, còn bảo các cô này kiếm thêm người trong chi em, bà con để tăng thêm hàng ngũ thể thiếp phục vụ cho nhu cầu sinh lý của mình.

Hãy đọc một đoạn kể của bác sĩ Li: "...Tháng chạp 1961, Mao vội đến ăn cơm với ông ta cô gái ông ta ưa thích, cô em gái của cô ta và người chồng vốn là một sĩ quan. Nơi ở của Mao đầy hoa thơm, cảnh đẹp. Mao không chút băn khoăn thấy cô em đã có chồng. Anh chồng chẳng những không mấy may cảm thấy bị xúc phạm khi Mao tỏ ý muốn làm tình với vợ anh ta. Ngược lại, anh chồng này còn coi đó là vinh dự! Ăn xong, Mao bảo anh chồng trở về nhà và suốt ba ngày đêm sau đó chơi bời với cả hai chị em, chỉ ngừng "giải trí để tiếp hai viên thị trưởng Thượng Hải và An Huy"

Uông Đông Hưng, trước cảnh ấy, đưa ra nhận xét: "Thằng chồng đã bán vợ; nếu mẹ của hai cô này có ở đây chắc Mao cũng chẳng tha!".

Mao tự coi mình có quyền đối với số phận cô gái từng chịu ngũ với mình. Được phép Mao, các cô mới được đi lấy chồng! Có cô đến xin phép Mao, xin được lấy chồng, Mao một mực không cho, các cô khóc lóc van xin, cũng có cô ức quá chửi bới om xòm, không còn ra thể thống gì nữa cả!

Các cô gái được Mao chiều chuộng phần lớn đều sinh hư hỏng, ăn diện, kiêu kỳ, ngạo mạn. Trong Cách mạng văn hóa, nhiều cô ý vào sự nuông chiều của Mao để tác quái, giành quyền lực và đặc ân.

Bi kịch của chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ

Tháng 1-1962, Mao triệu tập cuộc họp Trung Ương mở rộng. Tình hình đất nước càng thêm bi đát. Đây là cuộc họp có 7.000 cán bộ cấp cao tham dự. Lưu Thiếu Kỳ, chủ tịch nước, điều khiển và đọc lời khai mạc, chỉ rõ ảnh hưởng thiên tai chỉ là một phần, nguyên nhân nghèo khổ, lạc hậu là do "con người" gây nên, ngụ ý là do đường lối Đại nhảy vọt, do chủ quan, duy ý chí...

Rõ ràng Lưu ám chỉ trách nhiệm chính của Mao khi Mao đề ra đường lối Đại nhảy vọt, nhưng không dám chỉ trích Mao. Lâm Bưu liền đứng ra bảo vệ Mao: "Tư tưởng Mao chủ tịch luôn đúng đắn. Chúng ta gặp khó khăn là bởi chưa hiểu và làm đúng theo những chỉ giáo của người!".

Hoa Quốc Phong phát biểu theo một lập luận kỳ lạ: "Quả thật mấy năm 1958, 1959 và 1960, đồng bào ta gầy ốm hơn, súc vật cũng tong teo, đất đai cũng cùng kiệt... Để vượt qua khó khăn phải đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, không thể quay về sản xuất cá thể!".

Mao thâm thù Lưu Thiếu Kỳ từ khi nghe Lưu chỉ trích Đại nhảy vọt vào đầu năm 1962. Ít lâu sau, Lưu bị bệnh lao phổi. Mao liền ra lệnh cho bác sĩ Li không được tham gia chữa bệnh cho Lưu và cũng từ đó Mao không coi Lưu là người sẽ kế vị mình nữa. Mao còn rắp tâm thúc đẩy cái gọi là cải cách y tế, chấm dứt mọi đặc quyền trong chữa bệnh và cung cấp thuốc men, cũng là để đất

Lưu vào trong tình thế tuyệt vọng.

Khi cuộc Cách mạng văn hóa vô sản được khởi đầu, mục tiêu đấu tranh đầu tiên là Lưu Thiếu Kỳ. Mao lại nhảy xuống sông bơi ở sông Dương Tử ngày 16-7-1966, kêu gọi thanh niên và nhân dân cả nước lao vào cuộc đấu tranh và tạo phản. Mao luôn mồm cổ vũ: "Đại loạn là điều tốt!". Và đưa ra mệnh lệnh: "Nã pháo vào tổng hành dinh" ngày 1-8-1966, với mục tiêu là Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình mà Mao coi là "cầm đầu của phái hữu phản động!".

Sau một năm trời lên án, cô lập, làm nhục Lưu trong cuộc đấu tranh và trên báo chí, việc hạ bệ Lưu được thực hiện. Ngày 18-7-1967, ngay trước cơ quan Quốc Vụ Viện Trung Quốc ở giữa Bắc Kinh, cuộc đấu tranh được tổ chức. Hai vợ chồng Lưu Thiếu Kỳ và Vương Quang Mỹ bị đám đông vây chặt; áo sơ-mi của Lưu rách bươm. Lưu bị đá, bị tát, bị đẩy đi chúi đầu xuống đất, tay bị trói quặt sau lưng. Một ông già 70 tuổi, là chủ tịch nước mà bị như vậy đó! Chính Khang Sinh và Giang Thanh trong tiểu tổ Cách mạng văn hóa đầy thế lực đã tạo nên cuộc đấu khủng khiếp này. Đầu tháng 10-1968, Lưu bị bắt giam, bị tước đảng tịch rồi bị đày đi Khai Phong để chết tại đó vào tháng 11-1969. Đặng Tiểu Bình bị loại, may là không bị tống giam.

Suốt hai năm Cách mạng văn hóa, tám lần Mao xuất hiện ở Quảng trường Thiên An Môn, huy động từ một triệu rưỡi đến hai triệu Hồng Vệ Binh, tay cầm Mao Tuyên đồ chót, hò hét rầm trời, tạo phản, lật đổ kẻ đương quyền như điên như loạn, nhấn chìm Trung Quốc trong hỗn loạn đảo điên, chỉ riêng Mao là không ai được động đến! Điều nực cười là cả "phái tả" và "phái hữu" sống mái với nhau đều cầm sách Mao! Cái "tả" và cái xảo quyết của Mao chính là ở chỗ ấy.

Thế tử chết cháy

Từ tháng 6-1969, Lâm Bưu, bộ trưởng Quốc Phòng (thay Bành Đức Hoài), được Mao đưa lên làm "thế tử", kẻ sẽ nối ngôi mình, nhân vật số hai của chế độ. Lâm sinh năm 1907, quê ở Hà Bắc, là một trong mười nguyên soái. Khi Mao bị Lưu Thiếu Kỳ và Bành Đức Hoài "vuốt râu", nghĩa là phê phán một cách gián tiếp, Lâm đứng ra bênh vực Mao, xu nịnh hết lời. Mao thường công cho Lâm, phong làm Thế tử. Lâm rất gắn bó với Giang Thanh trong Cách mạng văn hóa.

Lâm rất ham quyền lực, có tham vọng lớn, gợi ý với Mao xin cải chức chủ tịch nước đang bị khuyết sau khi Lưu Thiếu Kỳ bị tống giam. Mao rất e ngại Lâm, sợ Lâm ngồi lên rồi sẽ đến lúc tiếm quyền của chính mình. Lâm có thế lực lớn trong quân đội. Vốn tính đa nghi, Mao liền tìm cách loại bỏ sớm một đối thủ đáng gờm. Mao ra lệnh phao tin Lâm đang có mưu đồ làm phản, đang chuẩn bị đảo chánh lật đổ Mao.

Con trai của Lâm Bưu là Lâm Lập Quân, phó tư lệnh Không Quân, có nhiều thế lực, có trong tay những máy bay chiến đấu và vận tải.

Ngày 12-9-1971, Chu Ân Lai được mật báo rằng Lâm Bưu cùng vợ và con đã bỏ chạy. Chu lo có một cuộc binh biến liền yêu cầu Mao di chuyển từ Thượng Hải ra Đại Lễ Đường Nhân Dân trước Thiên An Môn để việc bảo vệ được chu đáo. Mao chuyển đến phòng 118 cùng một tốp các cô gái thân cận. Tình hình càng căng bao nhiêu, Mao lại càng thích gần các cô gái trẻ.

Điện thoại báo về cho biết: 0 giờ 50 phút, ngày 13-9-1971, xe ô-tô bọc thép chở đồ của Lâm Bưu đã đi vào sân bay Sơn Hải Quan,

gần Bạch Đồi Hà, cạnh Vạn lý trường thành. Lệnh nã súng vào xe Lâm Bưu, nhưng mấy viên đạn trước cửa kính phía sau xe, không gây tổn thất gì. Khi một xe jeep có súng lao vào sân bay thì máy bay của Lâm đã cất cánh. Chu đề nghị dùng tên lửa hạ máy bay của Lâm, nhưng Mao không đồng ý và nói: "Ta không ngăn được trời mưa nữa, không cản được các bà góa lấy chồng; Lâm Bưu muốn bỏ trốn thì ta cho hắn chạy đi... Không cần bắn!".

Sau đó được biết máy bay của Lâm Bưu được chuẩn bị tốt, chỉ có một tấn nhiên liệu, không thể bay xa. Khi cất cánh vội, máy bay va phải xe chở nhiên liệu, càng hạ cánh bị hỏng ở phía sau. Đã vậy, tổ lái thiếu lái phụ và thiếu nhân viên truyền tin.

Các ra-đa theo dõi chặt chẽ máy bay của Lâm và báo cáo về liên tục cho Chu Ân Lai. Máy bay theo hướng Tây-Bắc, về phía Liên Xô. Lúc hai giờ sáng, máy bay của Lâm Bưu vượt biên giới Trung Quốc vào không phận Mông Cổ, sau đó ra-đa không theo được nữa.

Một lát sau điện báo của đại sứ Trung Quốc ở Mông Cổ cho biết: "Một máy bay Trung Quốc có chín người - tám nam và một nữ - đã rơi xuống vùng Undur Khan, tất cả đều chết. Ba hôm sau lại có điện xác định xác một người chết đúng là Lâm Bưu, do quan sát hàm răng. Chu cười nhẹ nhõm: "Kết thúc thế là tốt!".

Một ủy ban điều tra về sự kiện 13-9-1971 được thành lập và kết luận sau đó rằng: Lâm Bưu có âm mưu làm phản, ám sát Mao, làm đảo chính giành quyền tối cao; Lâm đã dự định cho máy bay ném bom vào đoàn tàu đặc biệt chở Mao đi địa phương; còn định ném bom làm cháy bể chứa xăng dầu ở sân bay Thượng Hải khi đoàn tàu của Mao đậu gần đó; Lâm còn cho đặt bom ở dưới cầu xe lửa gần Tô Châu để cho nổ khi đoàn tàu Mao đi qua...

Bác sĩ Li nhận xét: "Riêng tôi, tôi không tin gì về kết luận nói trên. Chẳng qua chỉ là để kết tội Lâm Bưu. Lâm Bưu chỉ là nạn nhân của Mao. Khi cảm thấy sắp bị bắt, ông ta cố trốn chạy. Chỉ có thế thôi".

Cuộc gặp Mao - Nixon

Richard Nixon đến Bắc Kinh ngày 21-2-1972. Cuộc gặp giữa hai kẻ thù đối địch nhau được thai nghén từ cuộc đấu bóng bàn Trung - Mỹ. Chu Ân Lai từng nhận xét: "Quả bóng nhỏ (bóng ping pong) đã làm chấn động quả bóng lớn (địa cầu)".

Mao vừa qua một cơn ốm rất nặng, cố lấy lại sức để tiếp khách. Mao phát phì, các bắp thịt đều nhão và gàn như tê liệt do nằm lâu, ít cử động. Mỗi ngày, ông được diu đứng dậy đi quanh phòng. Sau cuộc đi bí mật tháng 7-1971, Kissinger đã gửi sang tặng Mao một máy thở đường khí.

Trong phòng Mao chỉ có Mao, Chu Ân Lai và người phiên dịch Nancy Tang; phía Mỹ có Nixon và Kissinger. Bộ trưởng ngoại giao Rogers và Winston Lord (sau là đại sứ Mỹ ở Bắc Kinh) ngồi ở phòng bên với thứ trưởng ngoại giao Cơ Bằng Phi. Cuộc gặp Mao - Nixon dự định là 15 phút, kéo dài đến 65 phút. Quan hệ Trung - Mỹ, vấn đề Đài Loan đã được bàn nhiều nhất. Mao cho rằng Nhật Bản đã làm một việc có lợi cho đảng cộng sản là tiến công Trung Quốc hồi thế chiến thứ hai, tạo nên sự hợp tác giữa Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng Sản, làm cho đảng cộng sản mở rộng thanh thế để về sau giành thắng lợi lớn. Mao rất khoái khi nghe Nixon nói rằng Mỹ muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc là trước hết do quyền lợi của Mỹ. Mao cho rằng do sự uy hiếp của con gấu Bắc cực (Liên Xô) mà hai nước Trung - Mỹ xích

lại gần nhau.

Tiếp sau đó, tháng 9-1972, Mao tiếp thủ tướng Nhật Bản Kakuei Tanaka, qua đó thiết lập ngoại giao chính thức giữa hai nước. Khi Tanaka tỏ lời xin lỗi về cuộc xâm lược của Nhật Bản, Mao liền đáp lại là chính nhờ vào cuộc tiến công ấy mà đảng cộng sản Trung Quốc giành được thắng lợi để bây giờ có cuộc gặp gỡ lịch sử này.

Cả Nixon và Tanaka về sau đều bị bắt buộc phải từ chức. Còn quan hệ Trung - Mỹ đến tận năm 1979, sau khi Mao chết được ba năm, mới được nối lại chính thức, dưới thời Jimmy Carter.

Cuộc đại loạn khi Mao hấp hối

Từ tháng 2-1974, Mao ốm nặng. Các tế bào thần kinh trong tủy sống chết dần, dẫn đến liệt từng phần ở lưỡi, hàm và chân tay. Bệnh không có cách chữa, và may mắn người bệnh chỉ có thể sống thêm được hai năm. Tình hình đấu tranh giữa các phe phái thêm hỗn loạn.

Ngày 8-1-1976, Chu Ân Lai chết do lâm bệnh ung thư ở phổi, ở bong đá và cả ở ruột già. Mặc dầu các bác sĩ yêu cầu mổ cho Chu từ khi bệnh còn nhẹ hồi 1973, nhưng Mao một mực không cho phép. Đã thành lệ, các cán bộ chủ chốt muốn lên bàn mổ, phải được phép của Mao! Mao rất thành kiến với y học Tây phương, rất ghét các bác sĩ và luôn cho rằng ung thư là bất khả trị, có mổ thì chỉ tổ mau chết hơn!

Giang Thanh ngày càng trở nên quá quắt. Giang tự cho mình là địch thủ của Chu Ân Lai, luôn tiến công vào Chu và không giấu giếm nỗi mừng trước cái chết của Chu. Giang và phe cánh (Khang Sinh, Vương Hồng Văn, Diêu Văn Nguyên, Trương Xuân Kiêu) làm le vị trí của Chu (tổng lý Quốc vụ Viện, tức là thủ tướng chính phủ), Giang còn nuôi ảo vọng Mao sẽ chỉ định bản thân mình làm thế tử trước khi Mao chết. Bà ta nghĩ sẽ đến lúc được làm chủ tịch đảng, theo di chúc Mao sẽ để lại.

Mao bất ngờ chỉ định Hoa Quốc Phong thay Chu. Hoa không thuộc các lão công thần Vạn Lý Trường Chinh, cũng không thuộc cánh chưa già mới phát lên, ông ta đứng giữa. Giang rất căm, cố ngăn cản nhân dân bày tỏ cảm tình với Chu, còn nói xấu, hạ uy tín của Chu và làm cho lễ tang của Chu thật tẻ nhạt. Hai tháng sau, vào tiết Thanh Minh, trước ảnh Chu, nhân dân kéo đến mặc niệm, ở ngay cạnh Thiên An Môn. Những vòng hoa chất đống cao ngất. Thế lực của Giang Thanh kéo ra ngăn chặn. Thế là ẩu đá đã xảy ra. Xung đột ngày càng lớn. "Phái hữu" và "phái tả" chửi bới, đánh đấm rồi nã súng vào nhau trong cảnh đại náo. "Phái hữu" ca tụng Chu, đòi phải giao quyền cho Đặng Tiểu Bình, lên án Giang Thanh quyết liệt. Giang Thanh dựa vào thế Mao, ra lệnh cho bộ đội và dân quân đàn áp cuộc biểu tình. Thế là một vạn dân quân, ba nghìn công an, năm tiểu đoàn quân đội vào cuộc. Hàng nghìn người bị bắt, bị chụp mũ là phản cách mạng. Đến đêm 5-4, tình hình mới tạm yên. Hôm sau phái của Giang Thanh huy động ba vạn dân quân và chín tiểu đoàn quân lính đi tuần tiễu đe dọa quần chúng. Mao nằm bẹp, nghe Giang Thanh báo cáo, gật đầu ủng hộ đàn áp, lên án cuộc "phản cách mạng". Mao còn ra lệnh cho Hoa Quốc Phong mọi quyền lực của chính phủ và phó chủ tịch thứ nhất của đảng, còn Đặng bị loại khỏi chức vụ phó thủ tướng.

Sức khỏe của Mao suy sụp nhanh. Ngày 11-5-1976, ông ta bị một cơn đau tim nặng và từ đó không gượng dậy được, cho đến khi tắt thở lúc 12 giờ 10 phút đêm 9-9-1976.

Lũ bốn tên bước vào cửa tử

Sau khi Mao chết, thế chính trị của Giang Thanh bị suy sụp tức thời. Khác hẳn trước, khi bà ta xuất hiện, mọi người tỉnh bơ, coi như không có gì xảy ra, thậm chí chẳng ai buồn đứng dậy nhường chỗ cho bà lớn.

Giang Thanh cảm thấy lâm nguy. Giang cùng phe cánh chuẩn bị ráo riết hành động. Dân quân Thượng Hải được phát thêm súng đạn. Trường đại học Thanh Hoa ở Bắc Kinh, vốn chịu ảnh hưởng của Giang, cũng chuẩn bị vũ trang. Mao Viên Tân, cháu ruột của Mao, chuẩn bị cử một sư đoàn xe tăng và xe bọc thép đến Bắc Kinh theo kế hoạch của Giang Thanh. Ông Đông Hưng đề nghị Hoa Quốc Phong và nguyên soái Diệp Kiếm Anh hành động gấp. Ông đảm nhận việc bắt lũ bốn tên: Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu, Diêu Văn Nguyên và Vương Hồng Văn. Ngày 4-10-1976, Ông Đông Hưng, ủy viên Bộ Chính Trị đặc trách hệ thống bảo vệ cơ quan trung ương đảng, triệu tập các bác sĩ và y tá từng phục vụ Mao để chụp ảnh kỷ niệm với Bộ Chính Trị. Hoa Quốc Phong mời Giang Thanh đến dự chụp ảnh và báo tin sẽ có cuộc họp Bộ Chính Trị vào 22 giờ ngày 6-10. Ngày 5-10, Hoa Quốc Phong đột nhiên triệu tập các bác sĩ đến trụ sở Quốc Vụ Viện để báo cáo tiếp cho Bộ Chính Trị nghe về trường hợp ốm và chết của chủ tịch Mao. Đây chỉ là cái cớ! Giang Thanh được mời đến. Khi bác sĩ Li đang báo cáo thì Giang Thanh đứng dậy cáo ốm. Bà ta cảm thấy có điều gì không bình thường. Cuộc họp vẫn tiếp tục. Tối 6-10, Hoa Quốc Phong triệu tập Bộ Chính Trị để bàn việc xuất bản tập V tác phẩm của Mao. Hoa Quốc Phong và Diệp Kiếm Anh đến sớm. Ông Đông Hưng cùng một số sĩ quan nấp ở phòng bên cạnh. Trương Xuân Kiêu đến trước tiên. Bí thư và cận vệ của Trương được lệnh đứng ngoài. Khi Trương bước vào phòng, Hoa liền báo tin: "Anh đã bị bắt!". Trương không dám kháng cự. Trương được giải đi.

Lát sau, Vương Hồng Văn đến. Khi Hoa báo tin ông ta bị bắt, Vương kháng cự. Người của Ông Đông Hưng quật ngã Vương rồi giải đi. Đến 22 giờ, Diêu Văn Nguyên vẫn không đến, Ông ra lệnh cho một toán vệ sĩ đến tại nhà Diêu để bắt giải đi. Giang Thanh không đến. Một toán vệ sĩ được cử đến biệt thự Diêu Ngự Đài để bắt Giang. Khi nghe đọc lệnh bắt giữ, Giang thản nhiên nói: "Ta chờ việc này từ lâu!".

Mao Viên Tân cũng bị bắt cùng với chủ nhiệm ủy ban cách mạng của trường đại học Thanh Hoa và một số bộ hạ của Giang Thanh.

Việc bắt lũ bốn tên được cuộc họp Bộ Chính Trị nhất trí phê chuẩn ngay đêm hôm ấy.

Tháng 12-1978, Đặng Tiểu Bình trở lại nắm chính quyền. Ông Đông Hưng bị Đặng thả hời vì cái tội đã không bênh vực và bảo vệ Đặng trong cuộc Cách mạng văn hóa.

Bác sĩ Li buồn chán trước sự hỗn loạn tranh quyền của thời kỳ sau Mao. Giữa năm 1988, ông may mắn được phép ra nước ngoài, đưa theo vợ bị ốm nặng do bệnh viêm thận sang Chicago (Hoa Kỳ) để điều trị. Hai con trai ông cùng vợ họ đều ở Mỹ. Điều đau khổ lớn là vợ ông mất vào hồi tháng 1-1989 vì bệnh quá nặng. Năm 1992, nhà ông ở Bắc Kinh bị tịch thu. Thế là đáp lại tất cả công sức phục vụ chế độ và phục vụ lãnh tụ tối cao của Trung Quốc, ông trở nên kẻ vô gia cư, vô tổ quốc, không được hoan nghênh trên đất nước mình.

Ông kết luận cuốn sách: "Tôi tặng cuốn sách này cho Lilian,

vợ tôi, và tặng tất cả mọi người yêu quý tự do. Tôi muốn rằng cuốn sách sẽ giúp cho bạn đọc không thể quên những hậu quả khủng khiếp của ách độc đoán của Mao và hiểu rằng có biết bao người có tài và có lương tâm đã buộc phải phản bội lương tâm và hy sinh lý tưởng của mình để được sống sót!".

Vài lời của người giới thiệu

Tôi đã đọc say mê một mạch cuốn sách dày hơn 600 trang của bác sĩ Li, và để mười ngày liền trích dịch, giới thiệu với bạn đọc Việt Nam. Tôi mong bạn đọc Việt Nam biết và được đọc cả cuốn sách này, các bạn trong nước cũng như ở nước ngoài. Trung Quốc khác Việt Nam, đảng cộng sản Trung Quốc khác đảng cộng sản Việt Nam, ông Mao khác ông Hồ, thế nhưng có rất nhiều điểm tương đồng làm ta phải suy nghĩ.

Cái giống nhau là: đều là một chế độ độc đoán, một đảng; đều theo học thuyết Mác-Lênin, chủ trương đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản; đều sùng bái tư tưởng Mao Trạch Đông (cả một thời kỳ dài điều lệ cộng sản Việt Nam ghi rõ lấy tư tưởng Mao làm nền tảng chính trị và tư tưởng); đều coi thường trí thức và trí tuệ; đều dùng mỹ từ, ngoa từ (cái gì cũng nhân dân, cùng quần chúng) để che dấu thói quan liêu, khinh dân, chà đạp tự do của công dân; cổ súy sự đốt nát, không nhìn ra thế giới xung quanh, chủ quan, huênh hoang, tự lừa mình và bịp nhân dân, đạo đức giả... Giống nhau vì cùng từ một lò mà ra!

Các vị lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam rất cần đọc kỹ cuốn sách này rồi sờ lên gáy mình. Triều đình Bắc Kinh và triều đình Hà Nội khác nhau mà lại rất giống nhau. Hà Nội có kém đôi chút Bắc Kinh, nhưng lại "vượt Bắc Kinh" ở chỗ có đến hai triệu người phải bỏ nước ra đi; có mấy trăm trại tù mang danh "trại cải tạo"; có cuộc chiếm đóng Cam-bốt mười năm tròn; và chậm chân trong "đổi mới" nửa vời đến gần chục năm, mức sống nghèo khổ còn ở mức bằng chừng một nửa của Trung Quốc...

Điều giống y hệt nhau giữa những người lãnh đạo hai đảng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam là mặc dù thất bại đã rõ ràng mười mươi vẫn một mực không công nhận sai lầm (hay chỉ nói sai lầm qua loa), sợ mất uy tín, do đó không hề sửa chữa sai lầm, lại còn phạm những sai lầm nặng nề hơn và tự làm mất hết uy tín trước nhân dân. Đã vậy họ còn từng phạt những người ngay thẳng và can đảm, chụp mũ những người này là phản động. Bi kịch của họ là ở đó!

Tác phẩm sống động từ đầu đến cuối của bác sĩ Li Zhi-sui rất cần được người Việt Nam ta nghiền ngẫm để thấy một chế độ mang danh "cách mạng", mang danh "chủ nghĩa xã hội", "vùng hồng đỏ chói" đã tha hóa một đất nước ra sao. đã nghiền nát cuộc sống mỗi gia đình, mỗi địa phương đến mức nào, để giúp ta nung nấu ý chí, loại bỏ không thương tiếc, không chút lưu luyến một chế độ độc đoán bất nhân như vậy, nhằm góp sức xây dựng nên một chế độ dân chủ hoàn toàn mới mẻ.

Xin cảm ơn tác giả, cảm ơn bác sĩ Li đã phơi bày bộ mặt thật của Mao, bộ mặt thật của cả một chế độ từng che dấu và nguy trang kỹ, qua hơn 600 trang viết công phu đầy tâm huyết và trách nhiệm:

Bùi Tín

Tháng 11-1994

Tia sáng cuối đường hầm ?

Đến nhà một người bạn, tình cờ tôi đọc cuốn tuyển tập thơ Tố Hữu thấy có mấy câu:

Có những phút làm nên lịch sử

Có những cái chết hóa thành bất tử

Có những lời hơn mọi bài ca

Có những người như chân lý sinh ra.

Đó là bài thơ ca ngợi Nguyễn Văn Trỗi người thợ điện đã đặt mình cầu Công Lý toan ám sát đại sứ Mỹ theo chỉ thị của Hà Nội. Trước khi bị tử hình, anh hô khẩu hiệu "Hồ Chí Minh muôn năm" nên được Tố Hữu và báo chí Đảng biến thành liệt sĩ anh hùng dân tộc.

Đọc "Có những lời hơn mọi bài ca", tôi liên tưởng đến lời tuyên bố đăng trên báo Tuổi Trẻ nhân kỷ họp quốc hội vừa qua của Võ văn Kiệt và Lê Đức Anh, họ chưa được hân hạnh là liệt sĩ, chỉ đóng vai trò khiêm tốn là người hùng của Đảng và nhà nước hiện nay, còn vợ con muốn làm gì thì làm.

Võ văn Kiệt: *"Phải đoàn kết mọi người, hòa hợp dân tộc, biến ý chí dân tộc thành ý chí của mọi người Việt Nam. Kể cả những người khác ý kiến với chính phủ? Có ý kiến khác là tốt, là điều đáng mừng, là biểu hiện của một xã hội phát triển. Miễn là sự khác nhau đó không trái với điểm tương đồng chung của dân tộc, của quốc gia là dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nếu vì mục tiêu đó mà có ý kiến khác với chính phủ, chính phủ cũng hoan nghênh".*

Lê Đức Anh: *"Chúng ta phải giải quyết tốt vấn đề xã hội... Đoàn kết tốt và hợp tác tốt. Đoàn kết trong nước, đoàn kết với người Việt nước ngoài. Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay là toàn dân đồng lòng cùng chung tay góp sức xây dựng no ấm cho nhân dân. Trên cơ sở đó, vì mục tiêu đó mà mọi người phải xóa bỏ hận thù, quá khứ cho qua đi, cùng nhau nhìn vào tương lai".*

"Phút làm nên lịch sử" đã lóe lên cuối đường hầm chẳng? Dù không tin lắm tôi cũng cố vịn vào để có chút hy vọng, cái hy vọng của người chơi lô tô giữa hai lần xổ số. Biết đâu chẳng là "những người như chân lý sinh ra"?

Tại sao lại cứ nghi vấn? Di xem bói cùng phải tin trước đã. Huống hồ... Vâng, tin từ trong nước đưa qua: Giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế, cận thị nặng, bị tịch thu mắt kính nên bị tai nạn trong khi đi chuyến. Những người này vì lý tưởng dân giàu, nước mạnh, dám nói những ý kiến khác với Đảng đang bị giam cầm, hành hạ thể xác trong các trại tù và có thể chết bất cứ lúc nào. Nên tin hay nên nghi ngờ nhỉ?

Ông Nguyễn Hộ, 79 tuổi đời, 58 tuổi Đảng, chỉ nói lên ý nghĩ của mình khác với Đảng thì bị qui tội "định lập chiến khu chống Đảng" và đưa đi biệt tích. Đồng chí của ông, Tạ Bá Tòng, vẫn ngồi tù. Họ đều là những người kỳ cựu của Đảng. Họ báo động khi lý tưởng "dân giàu nước mạnh" đang trở thành "Đảng giàu, Đảng mạnh". Không thiếu những người kỳ cựu trong Đảng đau lòng trước sự phản bội lý tưởng cách mạng mà họ đã hiến dâng cả cuộc đời. Một lần tôi về Hà Nội gặp một cụ già trên 80 tuổi, cụ là một trong vài người được chỉ thị của Đảng sáng lập Công đoàn Việt Nam trong thời đánh Pháp, đã buồn thảm nói với tôi: *"Trời bắt tôi sống để chứng kiến đến hồi thở cuối cùng sự phản bội một lý tưởng vì dân vì nước của Đảng mà tôi suốt đời phục vụ".* Hiện nay nếu cụ còn sống chắc sẽ kinh hoàng hơn khi hồi lộ, tham nhũng, gian lận đang dựa vào Đảng hoành hành trên tài sản quốc gia. Vào thời kỳ đổi mới từ năm 85, không biết bao nhiêu người tin vào đổi mới để nói những điều mình nghĩ. Nay tuyệt đại đa số đều bị cô lập, đày đoạ, bỏ tù, mất tích. Hôm nay chỉ còn số nhỏ còn được dùng làm

cây kiềng.

Mặt nổi của dân tộc hiện nay là những con người giọng lưỡi lật lẻo, nói và làm trái ngược không một chút ngưng ngập. Tiền bạc trên hết, tình người lép vế đằng xa. Nếu tiếp tục như thế thì tương lai của Việt Nam sẽ là: Nghèo đói + bất công + mafia, thêm vào đó tình người và lòng tin đổ vỡ: đất lành cho một xã hội hỗn loạn, bất ổn định chưa từng có trong lịch sử.

Nên tin hay nên ngờ nhỉ? Hời như vậy nhưng tôi vẫn cố tin. Phải chăng những phút làm nên lịch sử là đây?

Có những thời điểm có thể làm nên lịch sử đã bị bỏ qua một cách bi đát. Tôi nghĩ đến bài học năm 75, khi chiến tranh chấm dứt. Thời điểm đó, không biết bao nhiêu người đã chọn ở lại vì tin tưởng vào chính sách hòa giải hòa hợp dân tộc. Nếu chính sách này được thực hiện thì hôm nay, 20 năm sau, Việt Nam đã ra khỏi hận thù, ra khỏi nghèo đói, thế hệ trẻ 20 tuổi hôm nay đã đình đặc bước vào thế kỷ 21 với tầm vóc xứng đáng của nó, chứ không phải chạy ăn, chạy mặc, chạy học phí trong một xã hội mất hết niềm tin, đạo đức tan tác nay.

Đảng với chủ trương tranh đấu giai cấp, đã đập hòa giải hòa hợp dân tộc xuống bùn mà hậu quả là chúng ta sẽ vào thế kỷ 21 bằng cái của dành cho những nước chậm tiến nhất thế giới. Điều này đã chắc như đinh đóng cột. Thương thay!

Tôi vẫn nghi ngờ nhưng vẫn cố dám ăn xối để còn chút hy vọng. Phải chi...

Biết đâu hai vị đại ký sắc lệnh trả tự do các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế và bè bạn đã cùng các ông áp ủ lý tưởng nước giàu dân mạnh, tự do hạnh phúc. Ông Nguyễn Hộ được trở về mái nhà xưa. Bà Kim Hạnh trở về làm chủ nhiệm báo Tuổi Trẻ cho tờ báo hết già non, các ông Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, nhà thơ Bùi Minh Quốc hết bị cô lập lại còn được mời vào chủ tịch đoàn Mặt Trận Tổ Quốc... Biết đâu các sắc lệnh đã ký nhưng vì đường xa xôi nên...

Nếu quả thật vậy, cục diện đã thay đổi, mọi người có thể nói chuyện với nhau để cùng xóa bỏ hận thù, chung sức suy nghĩ xây dựng đất nước. Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại... để vào thế kỷ 21. Thôi "quá khứ cho qua đi" như lời ông Lê Đức Anh.

Nếu nghi ngờ của tôi là đúng thì thật đáng buồn nhưng không có gì là lạ: chúng nào tạt ấy, trước sau như một. Tuyên truyền, chỉ **muốn cho** người khác chức vụ cây kiềng, từ lâu đã là nghề tay trái của Đảng.

Tôi vẫn mơ một ngày, ngày đó con người mất hết tính chất phức tạp của nó và trở thành con người thật giản dị có phản ứng khi "lời nói" đi ngược lại "việc làm" và cho đó là điều quan trọng, đạo đức tối thiểu của con người, nhất là những người lãnh đạo quốc gia. Có giản dị mới hiểu một điều thật giản dị của cuộc đấu tranh cho dân chủ và cũng là vì dân giàu nước mạnh: nếu về nước có gặp một vài người bị Đảng trừ đập, cô lập được xem là "làm chính trị" thì ngược lại cũng nên thận trọng. Hiện nay, Ủy ban Việt kiều Trung ương, với kèn trống rình rang của báo chí do họ kiểm soát, tìm mọi cách gập gờ trí thức hải ngoại với mục đích duy nhất: tô vẽ thêm cho Đảng lớp son Đoàn kết, Hòa hợp, Diên hồng... để che đậy bản chất độc tài, đấu tranh giai cấp quyết liệt mà họ chưa từ bỏ.

Phải thận trọng nếu không sẽ bị Đảng dùng làm cây kiềng. Một hình thức làm chính trị ngoài ý muốn.

Trở lại bài thơ trên của Tố Hữu, nó kết thúc bằng câu "sống hay chết anh hùng vĩ đại". Các cụ lãnh đạo cộng sản đều đã đến tuổi gần đất xa trời. Sau khi đã đưa đất nước xuống hàng tận cùng của thế giới, các cụ có ra đi cùng chỉ mang theo tội lỗi.

Dám lấy những quyết định cơ bản, đặt nền tảng cho hòa giải hòa hợp dân tộc, tiền đề để mọi người chung sức xây dựng cho đất nước hồ hởi, thì lúc chết người đời mới có thể ngậm ngùi: "anh hùng vĩ đại".

Mai Chi
Paris 6-1-1995

Vai trò của trí thức trong cuộc tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam

Diệp Tường Bảo

Gần đây, một số bài viết về trách nhiệm của trí thức trong xã hội Việt Nam đã được đăng trên nhiều báo, như bài "Kẻ sĩ" của Nguyễn Gia Kiểng (Ngày Nay) hoặc bài "Đảng và phương pháp 'cây kiểng'" của Mai Chí (Thông Luận, 12-94). Thân phận của trí thức còn được đặt lại một cách gián tiếp qua những thảo luận giữa luật sư Trần Thanh Hiệp và giáo sư Vũ Quốc Thúc về "Nhà nước pháp quyền", hay qua những quan điểm khác nhau về một lời tuyên bố của Hoàng Phủ Ngọc Tường về vụ thám sát tại Huế vào tết Mậu Thân năm 1968 hoặc về vai trò của Phan Đình Diệu trong Mặt Trận Tổ Quốc hiện nay.

Với mục đích là để góp phần vào việc đào sâu vấn đề quan trọng này, bài viết dưới đây sẽ bắt đầu bằng cách thủ định nghĩa trí thức là gì và sau đó đề nghị một chiến lược nhằm hữu hiệu hóa tác động của tầng lớp trí thức trong cuộc tranh đấu cho dân chủ.

Định nghĩa "trí thức"

Từ ngữ "trí thức" gồm hai khái niệm không đồng nhất. Ngôn ngữ phổ thông dùng danh từ này để chỉ những kẻ có một trình độ học vấn nào đó (cử nhân, kỹ sư, tiến sĩ, v.v...) hoặc làm một số nghề "không dùng tay chân" như bác sĩ, giáo sư, luật sư, v.v... Về phương diện chính trị, danh từ trí thức có nghĩa hẹp hơn nhiều bởi vì nó dành để chỉ những nhân vật có một tiếng nói được xã hội kính nể. Nguyên do của sự quý nể đó có thể một phần nào do trình độ kiến thức cao của những người ấy nhưng đó không phải là chính. Điều quan trọng hơn là họ là những người đã chứng tỏ sự can đảm của mình bằng cách dám nói những gì mình nghĩ và làm những gì mình nói, mặc dù thường phải đi ngược lại dư luận hay phải chịu những hậu quả đốn đau. Xin đơn cử một vài thí dụ. Nhà vật lý học Sakharov được coi là một nhà trí thức về vang không vì chức vị viện sĩ Hàn Lâm Viện Khoa Học Liên Xô của ông nhưng bởi vì khác với những đồng nghiệp, ông đã chấp nhận hy sinh chỗ đứng, đặc quyền cũng như tự do của mình để nói lên tiếng nói của lương tâm. Lịch sử thế giới sẽ ghi chép Mandela là người trí thức anh hùng đã chấp nhận hơn 20 năm tù đầy nhưng vẫn bao dung với kẻ đối địch để đưa dân tộc Nam Phi tới giải phóng, hòa hợp hòa giải. Có ai sẽ nhớ tới ông như một luật sư? (1). Như Phù Du đã nhận xét (Thông Luận, 12-94), Việt Nam không thiếu những vị khoa bảng nhưng về mặt "trí thức", chúng ta chỉ có thể hành diện khi nghĩ đến những người như Bác sĩ Nguyễn Đan Quế chẳng hạn vì ông sẵn sàng chịu tất cả khổ hình để tranh đấu cho nhân quyền. Nếu dựa trên những tiêu chuẩn nêu trên thì tôi không thất vọng nhiều về thái độ của ông Phan Đình Diệu. Có những người đầu tư vào chính sách "đổi mới" của đảng cộng sản cũng như có những nhà kinh doanh đầu tư vào nước ta. Đó là chuyện thường tình, thiết tưởng không có vấn đề "trí thức" theo đúng nghĩa của danh từ về những thái độ đó.

Trí thức và nho sĩ

Căn cứ trên định nghĩa miêu tả hay định nghĩa quy chuẩn, chúng ta vẫn nhận thấy trí thức là một quan niệm của những xã hội hiện đại. Khác với từ ngữ "nho sĩ", nó không gắn liền với một nghiệp giới (nho sĩ được đào tạo nhằm mục đích giúp vua cai trị nước, nghĩa là công chức cao cấp) hoặc một ngành học (học trình

nho sĩ tuyệt đối hướng về khoa học nhân văn). Vì thế, từ ngữ "trí thức" chỉ có thể sử dụng một cách đúng đắn khi sự phân chia công việc trong xã hội đã đi đến một mức độ phức tạp nào đó (nhiều nghề khác nhau) và tình trạng phát triển đủ mức tinh vi (nhiều giáo khoa khác nhau). Đây là lý do thứ nhất tại sao, theo tôi, chúng ta không nên so sánh hoặc đồng hóa hai quan niệm trí thức và nho sĩ.

Mặt khác, nếu chúng ta quan niệm trí thức đồng nghĩa với thái độ dũng cảm, tôn trọng sự thật và những giá trị nhân bản của những kẻ có kiến thức, chúng ta càng thấy một quan niệm như thế đòi hỏi những điều kiện xã hội rất đặc biệt. Xin lấy một thí dụ. Lịch sử đã chứng minh rằng quyền tự do phát biểu đã bắt nguồn từ sự hình thành của nền khoa học hiện đại rồi mới trở thành một giá trị chung của loài người. Lý do dễ hiểu là khoa học đã lộ bịch hóa những thái độ "phải đạo", những biện pháp kiểm duyệt. Ngày xưa, Đức Giáo Hoàng có khả năng kết án và xử tử nhà thiên văn Copernic khi ông ta tuyên bố mặt đất quay chung quanh mặt trời (ngược với những gì Thánh kinh dạy), kết cục Tòa Thánh Vatican cũng đành chịu công nhận những thành quả rút được từ lý thuyết mới. Lý thuyết tiến hóa (tương phản với nhân sinh quan của đạo Công Giáo) cũng đã mang lại cho nhà khoa học Darwin nhiều khó khăn, phiền phức nhưng lý thuyết đó từ từ cũng được công nhận là đúng bởi vì nó được chứng minh bởi quá nhiều sự kiện. Khi những thành quả khoa học bắt đầu được giảng dạy một cách phổ thông, đại chúng thì tinh thần khước từ những tập quán hủ lậu, truyền thống không tốt cũng trở thành phổ cập trong các xã hội văn minh. Môi trường văn hóa mới của phương Tây vào thế kỷ 18 đã ảnh hưởng đến những nhà triết học và đồng thời cũng tạo cho họ những điều kiện thuận lợi để truyền bá những tư tưởng mới, nâng cao tinh thần đa nguyên (Voltaire), thái độ nghi vấn (Descartes), những lý tưởng dân chủ, xã hội (Rousseau), v.v...

Trong cả dòng lịch sử, số phận nho sĩ Việt Nam khác hẳn. Trở ngại mà họ gặp trước nhất trong vai trò hiện đại của trí thức, chính là những gì họ đã được học. Những quyển sách như *Hiếu Kinh*, *Trung Kinh* mà mỗi học sinh phải nhớ thuộc lòng, nói rõ tinh thần phục tòng mà hệ thống giáo dục xưa muốn ghi khắc trong trí não của những kẻ sĩ tương lai. Nội các của vua, chúa đều có một bộ dành riêng cho việc lễ nghi. Theo nhà xã hội học Trịnh Văn Thảo, "lý tưởng Khổng giáo là thực hiện một xã hội rất giai cấp với những guồng máy chạy đều và tự động tuân theo trật tự mà đại thuận đã xác định" (2). Vì thế, trong hệ thống ấy khả năng mà kẻ sĩ có để sửa đổi những quyết định của vua rất giới hạn (can gián, từ chức, xin về hưu). Trên nguyên tắc, khái niệm "thiên mệnh" giới hạn quyền hành của vua nhưng Khổng Tử đã không xác định những tiêu chuẩn để nhận ra khi nào vua không còn hậu thuẫn của trời trong việc cai trị nước nữa. Phải chăng là phải chờ đến khi nhân dân khởi nghĩa hoặc có thiên tai, lúc đó nho sĩ mới có quyền phê phán vua? Điều chắc chắn là nho sĩ đã được huấn luyện theo một khuôn mẫu không cho phép họ biến thành những kẻ bất tuân, viết báo phản đối hay thành lập tập hợp đối lập! Khi nhà trí thức Nguyễn An Ninh viết "áp chế đến từ Pháp quốc nhưng giải phóng cũng thế", ông muốn ám chỉ tư tưởng Khổng giáo là trở ngại để Việt nam thoát khỏi nô lệ. Vì thế tôi nghĩ thật là một

điều bất công nếu chúng ta nhìn lịch sử với cặp mắt của thế kỷ 20, rồi chỉ trích thái độ thụ động của Nguyễn Trãi khi cụ cam chịu bị tử hình cùng với cả gia đình.

Nhưng trước ngưỡng cửa thế kỷ 21, nhân quyền đã trở thành những giá trị của nhân loại. Sự kiện đó đã được thể hiện qua những quy ước quốc tế mà Việt Nam cũng đã ký. Dân chủ được thực thi trên đại đa số quốc gia. Tại Việt Nam mặc dù bộ máy đàn áp (bộ máy duy nhất của nhà nước còn chạy hữu hiệu) làm việc không ngừng, chính quyền cộng sản vẫn không hạ thấp được "làn gió mới" hợp bởi những tiếng nói, thái độ của những Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Thích Quảng Độ, Ta-Đê-Ô Nguyễn Văn Lý, v.v... Tuy nhiên, chúng ta phải công nhận rằng đến bây giờ, những hy sinh và cố gắng của người trí thức dân chủ trong và ngoài nước chưa mang tới những thành quả xứng đáng. Nguyên do có phải chăng là họ chưa gặp được đồng minh trong cuộc tranh đấu?

Đồng minh của trí thức

Nếu tạm ví xã hội như một cơ thể và những tầng lớp xã hội như những bộ phận của cơ thể đó, chúng ta có thể nhận xét được hai điều. Thứ nhất là ngược với những gì chủ nghĩa cộng sản chủ trương, tiêu diệt một giai cấp không đem chút lợi gì cho những giai cấp khác: có ai nghĩ rằng muốn bỏ thận phải mổ phổi không? Mặc khác, nếu muốn đạt một mục đích nhất định nào đó, chúng ta phải tập trung những cố gắng vào việc phát triển những bộ phận có quan hệ trực tiếp với mục tiêu ấy (mặc dù biết rằng tất cả bộ phận có liên hệ với nhau). Thế thì chúng ta phải tìm xem tầng lớp nào trong xã hội Việt Nam hiện tại có triển vọng đóng vai trò tiên phong trong việc dân chủ hóa đất nước? Muốn trả lời câu hỏi đó chúng ta phải chấp nhận phương pháp phân tích duy vật (3): trên phương diện vĩ mô, con người chỉ muốn thay đổi sự việc nếu cá nhân không còn được thỏa mãn bởi tình trạng đang có.

[Nói như thế tôi không phủ nhận tinh thần không vụ lợi của con người. Sự thật là có (ít nhất) hai cách để nhìn những biến cố của lịch sử: tình cảm hay phân tích. Mặc dù là phật tử, tôi không lên án những lý thuyết cho rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chủ trương khước từ đẳng cấp vì ông xuất phát từ đẳng cấp hạng hai trong thứ tự An giáo (đẳng cấp vô sĩ đứng sau đẳng cấp tu sĩ); và lại nếu có như thế, điều đó cũng không giảm sự cảm phục của tôi có đối với giáo lý ngài để lại.]

Trở lại vấn đề Việt Nam, chúng ta phải công nhận chính sách "đổi mới" đã thành công trong việc thỏa mãn một số người: đó là những người có quyền thế, chức vụ cao, hành nghề tự do, có khả năng kinh doanh, có phương tiện hưởng thụ. Còn lại là những công nhân lao động bị chủ bóc lột nếu không nói là nhiều khi còn bị làm nhục. Còn lại là những nhà tiểu công nghệ mà tài năng, sự nghiệp của mình bị phá sản vì hàng nhập lậu. Còn lại là thành phần nông dân thấy sự khác biệt giá cả giữa sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp mỗi ngày một tăng. Còn lại những kẻ thất nghiệp mà tỷ lệ là trên 30%; những phật tử, giáo dân thấy không có quyền tự do tín ngưỡng... Trong một xã hội ọ ạt, với những giá trị đạo đức băng hoại, ai còn nghĩ đến những trẻ em mồ côi, những thương phế binh, những phụ nữ phải đành bán thân để mưu sinh? Sự kết hợp của những thành phần này với giới trí thức sẽ tạo ra một lực lượng có đủ sức mạnh để đẩy Việt Nam trên con đường dân chủ.

Cách nào để trí thức có hậu thuẫn của quần chúng?

Muốn kết hợp với những kẻ mà chính sách "đổi mới" đã bỏ quên, trí thức phải tranh thủ được sự đồng tình của những người này bằng cách chứng tỏ rằng trí thức thật tình quan tâm đến số phận của họ. Trí thức phải tìm cách gần gũi hơn với những công nhân trong những cuộc tranh đấu đòi quyền thiết lập những công đoàn độc lập, đòi quyền đình công được tôn trọng v.v... Trí thức phải sẵn sàng đảm nhiệm những công việc chánh quyền cộng sản đã bỏ rơi: xã hội, giáo dục, y tế v.v... Trí thức phải làm tròn nhiệm vụ của mình nghĩa là phản kháng các bất công và đề xuất những biện pháp để giải quyết những tệ đoan xã hội: cách gì để ngăn cản sự bành trướng của bệnh Sida, chương trình gì để tái thiết hệ thống giáo dục, biện pháp nào để giải quyết nạn thanh thiếu niên phạm tội?

Để thành lập những dự án vừa cụ thể vừa hợp lý, trí thức cần kết hợp chặt chẽ với nhau hơn. Giữa trí thức trong nước và trí thức ngoài nước, tinh thần tương trợ phải dần dần đi đến tinh thần cộng tác. Trong mọi hoàn cảnh, trí thức phải dành ưu tiên cho những việc làm dẫn đến kết hợp. Khi có sự bất đồng không những không cấm nói, mà còn nghe, rồi còn giúp đỡ người không đồng ý phát biểu ý kiến trong tinh thần phục thiện và tôn trọng quyền lợi chung. Mặt khác, trí thức phải chứng tỏ vai trò tiên phong của mình bằng cách không ngần ngại xuất hiện ra như những kẻ "phá vui" để chỉ rõ ra những nguy cơ mà xã hội, số đông có thể chưa thấy. Trí thức xây dựng ý niệm trên sự hiểu biết và những thí nghiệm của mình, không vì tôn sùng truyền thống, hoặc dư luận của tập thể. Quan tâm trí thức là quyền lợi chung và nó không là sự tổng cộng của những quyền lợi riêng. Trí thức làm gương, không khuất phục trước bạo lực: hơn những bài thuyết trình, thái độ ung dung, dí dỏm của Đoàn Viết Hoạt trước tòa án (Thông Luận, 7-93) đã làm sáng tỏ sự khác biệt giữa lý tưởng hòa giải hòa hợp với thái độ đồng lõa với độc tài. Một khác biệt mà quá nhiều người không muốn hiểu!

Trong những xã hội hiện đại, chỗ đứng của những kẻ "làm việc với trí óc" không còn đặc biệt nữa. Trên mọi khía cạnh - tiền bạc, danh vọng, ảnh hưởng trong xã hội - họ bị cạnh tranh bởi những nghề thuộc vào những lãnh vực khác, như thể thao, nghệ thuật, thương mại, v.v... Kiến thức được coi như một hình thức đầu tư không hơn những hình thức khác, "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh". Thông minh không có định nghĩa độc đoán như xưa. Và lại nhận thức con người vừa rộng rãi vừa tiến bộ nhanh chóng, kết quả là một chuyên gia không những có thể trở thành một người dốt khi đổi địa hạt, mà còn có khả năng bị sa thải trong lãnh vực của mình nếu không theo kịp tình hình phát triển. Xã hội Việt Nam cũng sẽ nhanh chóng đi đến tình trạng đó. Điều này không có gì đáng tiếc vì nó đánh dấu một xã hội trong đó những mối giao tế giữa con người bình đẳng hơn. Vì vậy, nếu những người tự cho mình có học thức, hiểu biết, muốn tiếp tục được xã hội quý nể, dành cho một chỗ đứng xứng đáng, thì ngay bây giờ họ phải kết hợp được kiến thức với những giá trị đạo đức, dũng cảm và hiệu lực. Đó là điều cần thiết để trí thức còn là niềm hạnh diện của đất nước. Đó cũng là điều kiện cần thiết trong việc phục hưng Việt Nam. Vì việc cải tiến một đất nước thường khởi đầu bằng việc cải tiến thành phần trí thức.

Diệp Tường Bào

(1) Nelson Mandela, 1994 "Long walk to freedom".

(2) Trịnh Văn Thảo, 1990 "Du confucianisme au communisme", L'Harmattan ; trang 132-133.

(3) Xin đừng đồng hóa với "duy vật lịch sử"

Đối Thoại về vấn đề tôn giáo

Phạm Trọng Chánh

LTS. Như chúng tôi dự đoán, bài " Dân tộc Việt Nam đứng trước vấn đề tôn giáo" của giáo sư Nguyễn Huy Bảo, đăng trên Thông Luận số 76 tháng 11 năm 1994, đã gây "tiếng vọng". Ông Phạm Trọng Chánh, tiến sĩ giáo dục đại học Paris V-Sorbonne, chủ bút báo Bông Sen Âu Châu, đã gửi đến chúng tôi một bài tham luận dài 17 trang viết tay. Vì khuôn khổ tờ báo có hạn, chúng tôi xin trích đăng sau đây những đoạn mà chúng tôi nghĩ, trả lời trực tiếp các khẳng định hoặc lý luận của giáo sư Nguyễn Huy Bảo với mục đích, như ông Chánh đã viết, là để đối thoại, tìm sự thật trước một vấn đề quan trọng của đất nước. Để độc giả dễ theo dõi chúng tôi cũng trích lại các đoạn trong bài viết của giáo sư Bảo mà ông Chánh không đồng ý hay muốn góp thêm ý kiến.

Để trả lời giáo sư Bảo cho rằng " Không giáo hay Phật giáo chỉ là những vũ trụ quan hay nhân sinh quan, cả hai đều ở trong phạm vi triết lý", ông Chánh góp ý như sau:

" Có ba tôn giáo xuất phát từ Trung Đông là Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo là độc thần tin vào một đấng Thiên Chúa (Yavé, Dieu, Allah) khai sáng vũ trụ. Hy Lạp, Ấn Độ tin theo đa thần giáo, có một hệ thống thần linh rất gần với con người. Nếu lấy Thiên Chúa giáo làm quan điểm, mẫu mực thì Phật, Khổng, Lão đều là vô thần và không phải là tôn giáo. Gọi chỉ là triết lý như Platon, Aristote cũng không đúng vì tam giáo Đông Phương bao gồm cả nhân sinh quan, vũ trụ quan, hình nhi thượng, hình nhi hạ, chính trị quan, cách xử thế, hành động. Những nguyên lý nhân quả, bát chánh đạo, tứ diệu đế, vô thường, vô ngã, tin vào luân hồi tiền kiếp (Ấn Độ giáo, Phật giáo) không thể giới hạn trong phạm vi triết lý.

Các nhà tâm lý học, phân tâm học gọi Phật là nhà tâm lý học đầu tiên của nhân loại. Các nhà môi sinh học, bảo vệ rừng, súc vật nhìn nhận Phật, Lão là những nhà môi sinh học đầu tiên của nhân loại. Người ưa huyền bí tìm thấy những khám phá trong Mật Tông Phật Giáo Tây Tạng. Người thích thể dục tinh thần tìm thấy Thiên một phương pháp thể dục tâm trí, tinh tâm hiệu nghiệm.

Tóm lại đạo Phật là một khu rừng người cần cù tìm củi, người cần thuốc tìm ra cây trị bệnh, người thi sĩ tìm ra nơi tĩnh lặng để làm thơ. Tam tạng kinh điển ghi chép lời giảng dạy Đức Phật suốt 49 năm là cả một kho tàng phong phú trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Tại Tây phương, Thần học là cha đẻ các khoa học. Các viện đại học đầu tiên thành lập bởi giáo hội. Các ngành khoa học chỉ mới xuất hiện trong vòng vài thế kỷ nay. Đạo của Đông phương ngày xưa cũng bao trùm mọi vấn đề con người."

Khi giáo sư Bảo trích dẫn lời cựu thủ tướng Nguyễn Văn Hương cho rằng: "Dân thường ai cũng có thể cạo đầu, mặc áo cà sa, tự cho mình là một chân tu, không ai kiểm soát được", ông Chánh đã trả lời:

"Phật giáo truyền đạo không theo một trung ương tập quyền như Giáo Hội La Mã gửi phái đoàn truyền giáo đi khắp nơi. Những Tăng Già (Giáo đoàn đạo Phật) đã có từ đời Phật và Phật dạy phương pháp Lục Hòa Tăng (sáu điều để sống chung với nhau). Mùa nắng tăng già đi giảng đạo phát thí, mùa mưa trở về một ngôi chùa an cư kiết hạ học tập với nhau. Trong kinh Trường A Hàm đã có đoạn Phật làm lễ cưới và nhắc nhở đạo làm vợ đối với chồng và chồng đối với vợ. Tại Việt Nam ngày xưa sư không tham dự lễ cưới, nhưng việc ma chay cầu siêu, cầu an đều có sư lo liệu, phải chăng đó là sự phân công giữa Khổng và Lão, Phật giáo. Sống thì "xuất giá tòng phu, xuất gia tòng phụ", chết thì về cõi cực lạc niết bàn, lúc già thì hưởng nhàn theo Lão Trang.

Ngày xưa các chú tiểu tìm sư học đạo, vừa làm ruộng rẫy vừa

tu, 10, 15 năm việc học tinh tấn tiến bộ, vị thầy truyền giới sa di tỳ kheo tại các giới đàn hàng năm với sự chứng minh của nhiều vị cao tăng. Khi đệ tử đủ căn bản vị thầy cho phép xuống núi hành đạo. Sự tin tưởng của quần chúng đối với một vị sư là do đức độ mỗi vị, sư đạo đức nhân dân kính trọng, sư biếng nhác, phạm giới nhân dân làng xã đuổi về hoàn tục. Do phương tiện truyền thông ngày xưa yếu kém nên mọi tổ chức xã hội Đông phương đều theo khuynh hướng tự trị.

Trong xã hội Việt Nam xưa có câu "phép vua, chùa làng, phong cảnh bụt", chùa thuộc sự quản trị của làng xã. Vua sắc phong cho các vị cao tăng danh tiếng các ngôi chùa, nhưng việc rước sư về trụ trì là thuộc thẩm quyền của làng, làng xã kiểm soát phẩm hạnh các vị sư, sư có đạo đức phẩm hạnh cả làng trọng vọng, sư phá giới, vô hạnh làng đuổi đi. Bụt chỉ có quyền ở "phong cảnh", nhiệm vụ của sư là tạo nên "phong cảnh" để mỗi người đến chùa thấy lòng trần "hỉ nộ ái ố" lắng xuống, an vui, và giữ nền tảng đạo lý, thiện ác, nhân quả của xã hội.

Đạo Phật truyền tại Việt Nam theo những dòng Thiên Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Thảo Đường, Trúc Lâm, Lâm Tế, Táo Động, Liễu Quán, Cổ Sơn Môn, Bửu Sơn Kỳ Hương... Mỗi dòng có một bài kệ, mỗi đời lấy một chữ làm tên đầu để mọi người nhận ra vai vế của sư đệ.

Mỗi năm ở các địa phương, các vị cao tăng thường mở giới đàn truyền giới xuất gia và mời các vị cao tăng khác chứng minh làm Yết Na, Dầu Đà.

Các tổ đình đều có giới luật nghiêm minh không phải ai cũng có thể cạo đầu mặc áo cà sa, tự xưng là chân tu được. Chiếc áo cà sa, áo nâu sòng, áo lam không quan trọng mà quan trọng ở chân tu, đạo đức, phẩm cách ở từng người. Phật giáo chia làm 4 giới, hai giới xuất gia Nam Nữ, và hai giới cư sĩ Nam Nữ. Giới xuất gia truyền giới: 10 giới cho tu sĩ và 5 giới cho cư sĩ. Giới cư sĩ không có quyền truyền giới. Đức Phật dạy mỗi người tự thấp đức lên mà đi để đạt đến giác ngộ, và giới luật chỉ là chiếc bè qua sông, nên trong đạo Phật không có việc xử án hỏa thiêu, uống thuốc độc hay dút phép thông công. Đạo Phật rất tự do phóng khoáng, phá chấp, nhưng bảo trọng đạo Phật không ai kiểm soát được ai thì thật là buồn cười vì mỗi người tu cho mình, thoát kiếp luân hồi chứ không phải tu để có chức tước, để làm quan, có quyền thế. Sư đạo đức tín đồ theo đông đảo, sư vô hạnh mọi người xa lánh. Sư chẳng có quyền lợi gì ngoài việc ăn chay, áo nâu sòng.

Phương pháp truyền đạo "tự lập" của Phật giáo đã thành công tại Trung Quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á trái với phương pháp truyền đạo bên các dòng thừa sai tập quyền đã thất bại, đó là điều các linh-mục dòng Tên ngày nay phải công nhận.

Trong thời Pháp thuộc Phật giáo ở trong tình trạng suy thoái, nguyên nhân nội tại thiếu những cao tăng, nguyên nhân ngoại tại

hàng ngàn tăng đồ bị giết trong vụ khởi nghĩa của Võ Trí Vương Quốc Chính, một số chùa chiền bị san bằng tại kinh đô Huế, sau vụ loạn Hồng Bảo tăng đồ bị ly tán, nhưng nguyên nhân sự bãi bỏ Hán học, chữ Nôm đã khiến cho hàng vạn tăng ni bỗng trở thành "mù chữ" Pháp và chữ quốc ngữ. Một nền văn hóa xây dựng gần 2000 năm tại Việt Nam trên chữ Hán, chữ Nôm bị chìm vào quên lãng mà chùa chiền là nơi gìn giữ các bản khắc ván, chuông đồng, bia đá của một nền văn minh dân tộc."

Khi giáo sư Bảo trích dẫn Phạm Quỳnh đã kích Nho học và cho rằng ông Phạm Quỳnh là "một nhà thâm nho", ông Chánh đã dẫn chứng lý lịch của Phạm Quỳnh để chứng tỏ rằng ông Phạm Quỳnh không thể là một nhà thâm nho được:

"Ông Phạm Quỳnh tốt nghiệp trường Thông ngôn Hậu bổ là một người có công lớn trong việc phát triển chữ quốc ngữ. Buổi nhân tài giỏi chữ Pháp và chữ quốc ngữ đếm trên đầu ngón tay, thì ông là người uyên bác sách chữ Pháp. Nhưng về Nho học thì kỳ thi tốt nghiệp trường Hậu bổ, môn Hán văn ông bỏ trống chỉ viết được tên Phạm Quỳnh. Nhưng vì môn Pháp văn và quốc ngữ quá xuất sắc nên quan Khâm sứ phải xin cho ông được nửa điểm để khỏi bị loại. Cho nên không thể gọi ông Phạm Quỳnh là bậc thâm nho được."

Khi giáo sư Bảo viết: "Ta có thể cho Khổng giáo là một quốc giáo phạm trần (une Eglise nationale laïque d'état)", ông Chánh trả lời: " Lễ nghi có trước khi Khổng Tử ra đời, Khổng Tử chỉ là người san định lại kinh lễ. Hầu hết các tôn giáo, lễ nghi khởi đầu rất sơ sài, trải qua quá trình phát triển, dung hợp vào từng địa phương, tùy theo nhu cầu quần chúng mà phát triển thêm bớt. Trong đạo Ki Tô, 12 thánh tông đồ đầu tiên hành nghề đánh cá và có vợ con, lễ nghi đơn giản. Tế lễ khởi đầu là buổi tiệc biệt ly. Đạo Ki Tô sang Phi Châu các linh mục, các sơ, đánh trống nhảy múa trong lúc làm lễ. "Phú quý sinh lễ nghĩa", đời sống càng cao thì nghi lễ càng được tiêu chuẩn hóa. Nghi lễ khởi đầu là những phong cách đối xử giữa người và người, giữa người với các đấng siêu nhiên. Con người luôn luôn cần đến tôn giáo, không thờ Chúa Trời, Phật, Khổng, thì con người sẽ thờ con bò vàng, thờ đó la, thờ bạo lực, thờ ma túy, thờ các giáo phái, thờ khoa học làm tôn giáo, thờ các lãnh tụ. Đình làng có từ trên trống đồng Ngọc Lũ, là nơi thờ Thần Hoàng, nơi dừng chân phu trạm. Khổng Tử thờ ở Văn Miếu. Đạo Khổng tạo ra người chính nhân quân tử. Các nhà khoa bảng là hệ thống hành chánh cai trị, trực thuộc triều đình, không phải là giáo phẩm.

Trong lịch sử nhân loại, con người cần đến tôn giáo, giới vua chúa quý tộc cũng cần đến tôn giáo để bảo vệ quyền lợi của mình. Trong gia đình quý tộc thường có một người đi tu. Tổng thống Ngô Đình Diệm có Đức Cha Ngô Đình Thục và luôn luôn hỏi ý kiến Đức Cha trong mọi quyết định đất nước. Các vua chúa ngày xưa ở phương đông thường xưng là thiên tử nghĩa là con trời.

...Tôn giáo cũng cần đến vua chúa để truyền đạo. Khi vua theo thì cả nước được cải đạo nhanh chóng. Giám mục Bá Đa Lộc dạy dỗ hoàng tử Cảnh, việc cưới Nam Phương Hoàng hậu cháu Huyện Sĩ cho Bảo Đại, rửa tội hoàng tử Bảo Long, Bảo Thăng cho thấy tôn giáo và chính trị luôn luôn có qua có lại. Tại Âu châu, Hồng y Richelieu tham chính nắm quyền hành nước Pháp làm lắm điều bạo ngược chuyên quyền. Tại Việt Nam khi đất nước cần đến, các vị sư đến triều đình giúp vua an định rồi lại trở về tu hành, không bám vào danh lợi. Sự phân chia giữa giáo hội và chính trị mới bắt đầu từ sau Cách mạng 1789 tại Pháp sau này mới trở thành mấu chốt của các nền dân chủ nhưng vẫn còn những ngoại lệ như giữa Anh giáo và Nữ hoàng Anh."

Về phong trào chấn hưng Phật giáo dưới thời Pháp thuộc mà giáo sư Bảo cho là lệnh của Pháp và dẫn chứng lời một người "bạn Phật giáo cũng có chân trong hội Tam điểm (Franc-Maçonnerie) nói với tôi: "người Pháp muốn dùng chùa để phá nhà thờ", ông Chánh đã đi một đường về lịch sử của phong trào chấn hưng Phật giáo:

"Công cuộc chấn hưng Phật giáo tại Nam Kỳ từ những năm 1920 khởi xướng bởi hòa thượng Khánh Hòa, học trò cụ Đồ Chiểu và là một nhà sư có nhiều quan hệ với phong trào Duy Tân. Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ ra đời trước tiên vào năm 1932, Trung Kỳ do bác sĩ Lê Đình Thám năm 1933, tại Bắc Kỳ năm 1935 với hai hội Chấn Hưng Phật giáo Bắc Kỳ (chùa Quán Sứ) và hội Cổ Sơn Môn (chùa Bà Đá). Tại Bắc Kỳ hội Chấn hưng Phật giáo được sự hỗ trợ của các tổng đốc Hoàng Trọng Phu, Vi Văn Định, Nguyễn Năng Quốc, nhưng người hoạt động thực sự là các hòa thượng Tố Liên, Trí Hải, Tuệ Tạng, Thanh Thanh, cư sĩ Thiều Chủ Nguyễn Hữu Kha. Các vị tổng đốc chỉ đóng vai trò khách mời trong các buổi lễ quan trọng. Thời Pháp thuộc khó có một hội nào có thể ra đời nếu không có sự hỗ trợ của một số nhân vật có vai vế trong xã hội. Tuy nhiên hội Chấn Hưng Phật giáo các kỳ chỉ là những hiệp hội ngang hàng với hội đá bóng, hội thiện, hội cổ ngoạn, chỉ có Ki Tô giáo là có quy chế giáo hội "đặc biệt". Quy chế này tồn tại đến năm 1963.

Công trình nghiên cứu của Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim không phải là những công trình xuất sắc. Cụ Trần Trọng Kim giỏi về Nho học. Quyển Nho giáo của cụ là một công trình nghiêm túc, giá trị, nhưng về Phật giáo thì chẳng mấy ai nhắc đến. Tầm hiểu biết của Phạm Quỳnh về Phật giáo thì nhiều vấn đề còn phải đặt lại. Những nghiên cứu đáng kể về Phật học đầu thế kỷ là công trình hòa thượng Phước Huệ, sư Thiện Chiếu, hòa thượng Khánh Hòa, hòa thượng Trí Độ, bác sĩ Lê Đình Thám, học giả Thiều Chủ Nguyễn Hữu Kha, Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Đoàn Trung Côn, thượng tọa Mật Thể, hòa thượng Tố Liên, Trần Văn Giáp...

Tân Đà cũng có viết nhiều về Phật giáo trên tạp chí Tiếng Chuông Sớm (chùa Bà Đá). Công trình cần được sưu tập đánh giá lại. Nghiên cứu của Phan Văn Hùm về Phật học cũng rất đáng lưu ý.

Công việc phục hưng Phật giáo không phải là việc của một vài người hay do mệnh lệnh của thực dân Pháp, mà là một trào lưu tự phát "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", cho nên nó lan rộng và phát triển mạnh mẽ từ những năm 1930. Số người tham gia đủ mọi thành phần xã hội từ nhiều vị trí khác nhau, không thể lấy việc vài vị như Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim có viết bài đăng trên báo Đuốc Tuệ, Nam Phong, mà bảo rằng chấn hưng Phật giáo do hội Tam Điểm (Franc-Maçon) cũng như không thể lấy việc hòa thượng Khánh Hòa là học trò cụ Đồ Chiểu mà bảo đó là do các sư phụ Nho giáo lãnh đạo, hay Phan Văn Hùm viết về Phật giáo mà bảo đó là của Trót kít.

Các hội Chấn Hưng Phật giáo và các tạp chí nghiên cứu Phật học xuất hiện đồng loạt tại nhiều nơi, Sài Gòn, Trà Vinh, Sa Đéc, Bình Định, Huế, Hà Nội... phần lớn do các tăng ni, trí thức Phật tử trẻ tuổi thông thạo Hán học lẫn Pháp văn, chữ quốc ngữ. Mối ưu tư đầu tiên của họ là:

- dịch kinh điển chữ Nho ra chữ quốc ngữ
- đào tạo một thế hệ tăng ni mới, thông thạo Hán văn, Pháp văn và chữ quốc ngữ có trình độ giáo lý sâu rộng
- trả lời các cuộc tấn công vào Phật giáo
- họ mơ ước hiện đại hóa Phật giáo để đáp ứng nhu cầu hiện đại

của xã hội

- họ đề nghị thống nhất các tông phái để xây dựng một Giáo hội.

Phong trào Chấn Hưng Phật giáo tại Việt Nam có nhiều ảnh hưởng của phong trào Chấn Hưng của thiền sư Thái Hư tại Trung Quốc từ năm 1920, và cũng nằm trong trào lưu nghiên cứu Phật giáo trên thế giới.

So với việc cai trị của Anh Quốc thì nước Anh không đập phá vào các tôn giáo cổ truyền của dân bản xứ. Tại Tích Lan, "Tam Tạng kinh điển" đồ sộ của Phật giáo đã được nhanh chóng dịch ra tiếng Anh, tạo nên một phong trào nghiên cứu Phật học khắp thế giới từ đầu thế kỷ, thì việc đập phá vào Phật giáo và Nho giáo tại Việt Nam để xây dựng nền văn minh Thiên Chúa giáo tại châu Á không có gì đáng hành diện cho một số thực dân Pháp trước các di sản nhân loại. Tuy nhiên không thể kết án tất cả người Pháp đều là thực dân. Nước Pháp là nơi phát sinh ra những tư tưởng dân chủ, người Pháp không thể không so sánh cách cai trị của mình với người Anh. Việc cho phép các giáo hội Chấn Hưng Phật giáo hoạt động phải chăng là việc làm hối hận của các vị Toàn quyền, Khâm sứ có ý thức sau hơn 60 năm đập phá?

Việc ra đời các hội Chấn Hưng Phật giáo và sự có mặt của các quan Tổng đốc tại Bắc Kỳ cũng làm cho Phật giáo mắc phải hàm oan. Trường Chinh trong lễ Dề Cương Văn Hóa năm 1943 đã đặt ngang hàng việc chấn hưng Phật giáo với việc mở các hiệu bán thuốc phiện.

Sau năm 1945 hội Chấn Hưng Phật giáo Bắc Kỳ không được chính phủ Việt Minh công nhận.

Hồ Chí Minh và cụ Huỳnh Thúc Kháng tiếp xúc với Cố Sơn Môn môn phái Linh Quang (chùa Bà Đá) lập hội Phật giáo Cứu Quốc sau năm 1954. **Tổng Hội Phật giáo Việt Nam tại Bắc Kỳ** bị giải tán, để thành lập **Hội Phật giáo Việt Nam** với thành phần Phật tử tham gia kháng chiến.

Một phong trào, một giáo hội, Phật giáo còn tồn tại được đến ngày nay là do nhiều thế hệ, nhiều đời **gìn giữ bảo vệ** nó vì những giá trị của nó còn **đáp ứng được đời sống tinh thần** nhân dân. Cùng thời với Phật giáo, Khổng giáo cũng được hô hào bảo vệ, cũng có các hội nhưng đến nay đã tàn lụi tại Việt Nam.

Lý luận người Pháp cho phép chấn hưng Phật giáo để phá nhà thờ, chia để trị là một lý luận buồn cười. Khi các giáo sĩ phá chùa để xây nhà thờ thì đó là việc tự nhiên và khi Phật giáo tự chấn hưng mình thì xem đó là việc phá nhà thờ. Trong suốt lịch sử truyền đạo, Phật giáo không hề có thánh chiến như cuộc chiến giữa Công giáo và Tin lành tại Pháp, như cuộc Thập Tự chinh. Phật giáo đầy bao dung và độ lượng và dung hợp với mọi tín ngưỡng khác. Khi đến Việt Nam thế kỷ thứ 2, Phật giáo không phá việc thờ thần mây, thần mưa, thần sấm... mà biến thành chùa Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Điện. Dung hợp với việc thờ thần hoàng, thờ cúng ông bà rất hồn nhiên trong đạo Phật, không ngần ngại mượn cách cai trị của Khổng giáo để biến thành Tam giáo Đồng nguyên, sống hài hòa. Các cụ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du... là nho sĩ nhưng rất thông suốt về Phật pháp. Gần đây Phật giáo cũng không ngần ngại học cái hay trong Thiên Chúa giáo cách tổ chức các cơ sở từ thiện, hoạt động xã hội, giáo dục."

Giáo sư Bảo giác tiếp cho rằng Mỹ đã dùng Phật giáo để lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm, ông Chánh trả lời như sau:

"Việc Mỹ dùng Phật giáo để lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm thì thật là oan cho Phật giáo vì ngày đảo chánh 1/11/1963 thì hầu hết các tăng ni Phật tử tích cực đều bị ở tù, hàng ngày đài phát thanh Sài Gòn ra rả tố cáo các nhà lãnh đạo Phật giáo đều là cộng sản cả nên đều có hy vọng chết rục trong tù hay sẽ bị xử như Nhất

Linh Nguyễn Tường Tam, hay bị thủ tiêu như Nguyễn Bảo Toàn. Chế độ ông Diệm sau khi tiêu diệt Cao Đài, Hòa Hảo tiến đến tiêu diệt Phật giáo để xây dựng một quốc giáo Thiên Chúa giáo tại Việt Nam, bất chấp thực tế xã hội, đã tự cô lập mình. Ông Diệm nhìn đâu cũng thấy cộng sản cả, nhưng người ngồi kế bên làm cố vấn cho ông là Vũ Ngọc Nhạ thì ông không biết là trung tá tình báo của đảng cộng sản, và ông Nhạ lại tiếp tục cố vấn cho tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Việc Mỹ bàn thảo việc lật đổ ông Diệm với các tướng lãnh hay đưa ông Diệm về lật đổ Bảo Đại, nhân dân Việt Nam cũng như Phật giáo nào có được bàn bạc hỏi ý kiến. Bà Cabot Lodge ngày trước đến chùa Xá Lợi hay Toyota Nhật ngày nay cúng chùa Hương, của chùa luôn luôn mở rộng cho thập phương tín đồ, cho người Việt Nam lẫn du khách ngoại quốc, ai muốn viếng thì viếng nào cấm cản ai."

Những lập luận cho rằng "Khổng giáo là một triết lý cho những dân nô lệ" và những lý luận đả kích Nho giáo của Phạm Quỳnh, ông Chánh cho là quan niệm của thực dân và quá đáng:

"Lời phê phán của Phạm Quỳnh đối với Nho giáo, phủ nhận 600 năm nhân tài, mấy dây bia tiến sĩ Văn Miếu thật là quá đáng. Cho đến thế kỷ 17,18 giữa Đông phương và Tây phương ngang hàng, người Tây phương học hỏi người Đông phương về chế giấy, đồ sứ, tơ lụa, thuốc nổ, địa bàn, nghề in, đồ gia vị. Nhưng từ cuộc cách mạng kỹ nghệ Anh và Pháp đã vượt xa Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hòa Lan, trở thành những cường quốc hàng đầu phân chia chiếm cứ thế giới nhờ sự phát triển về hàng hải.

Văn Miếu, Quốc Tử Giám lập trước Sorbonne, Louvain, Cambridge, Oxford, lý do vì đâu Việt Nam không có giai cấp công thương mạnh mẽ như ở Trung Quốc, Nhật Bản, phải Pháp Trị cũng không được phổ biến? Phố Hiến, Đông Kinh Việt Nam chỉ là những kinh thành nhỏ không có mức độ tập trung như Trường An thời nhà Đường (1 triệu dân), đó là việc ngày nay còn cần phải phân tích nghiên cứu.

Thái độ ngạo mạn của cụ Phạm Quỳnh đã gây một phản kháng mạnh mẽ trong giới sĩ phu nho học. Cụ Nghè Huỳnh Thúc Kháng, cụ Nghè Ngô Đức Kế đã không ngừng bút chiến với Phạm Quỳnh trên báo Tiếng Dân. Cụ trở thành một biểu tượng văn hóa, điều này đã dẫn đến cái chết bi thảm của cụ.

Đọc Diderot với Lê Quý Đôn (Văn Đài loại ngữ), kiến thức hai vị không chênh lệch nhau mấy.

Bộ máy cai trị xã hội Việt Nam xưa theo "phép vua thua lệ làng", các làng là một đơn vị tự trị có thể nói là dân chủ so với các lãnh địa của các lãnh chúa phương Tây. Nhà vua chỉ cần tuyển chọn một vị tiến sĩ tài cao đức trọng cai trị cấp huyện là giải quyết được mọi vấn đề hành chánh. Vai trò các vị đồ nho, các vị quan về hưu rất quan trọng trong xã hội, Lý trưởng, trưởng tuần cai trị làng nhưng luôn luôn hỏi ý kiến các bậc tài cao đức trọng. Bảo phương Đông không có "cai trị một nước" (administration) thì không đúng vì có những thời đại đồng thời, phương Đông thanh bình, thịnh trị và phát triển hơn Tây phương. So với Tây phương chỉ có giới quý tộc mới ra làm quan, thì hệ thống thi cử ở Đông phương công bằng và tiến bộ hơn, vì ai cũng có thể học để thi cả (trừ giới xuống ca).

- Bảo lý tưởng dân tộc ta là "nhàn" thì không đúng vì các cụ xưa quan niệm "xuất xử", xuất là ra làm quan, chánh tâm thành ý (tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ), và xử là lui về dưỡng lão, là từ quan khi bất đồng ý kiến với hôn quân hay nịnh thần. Nhàn nằm trong thái độ kẻ sĩ khi đã xong bổn phận với dân tộc về với Phật, Lão.

- Gọi "Khổng giáo là một triết lý cho những dân nô lệ" quả là

quan niệm thực dân của Toàn quyền Paul Doumer. Ngày nay các vị lãnh đạo các nước Tân Gia Ba, Đài Loan... lại cho rằng nhờ có tư tưởng Khổng giáo mà nước họ tiến bộ. Trung Quốc tìm trở lại Khổng giáo để xây dựng lại hệ tư tưởng sau mấy mươi năm đập phá.

- "Khi người Pháp sang Việt Nam thì người Việt Nam đã sẵn sàng chịu đô hộ". Điều này đúng với vài trăm người được các giáo sĩ Pháp chiêu dụ tại các làng Ki tô giáo, nhưng không đúng với Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Nguyễn Thông, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực...những phong trào Văn Thân, Cần Vương, Đông Du, Duy Tân, Việt Nam Quốc Dân Đảng... và bao nhiêu xương máu người Việt Nam đã đổ ra trong suốt một thế kỷ qua. Trong các cuộc vận động Đông du, Kháng chiến có sự tham gia của nhiều tín đồ, linh mục Ki tô giáo không thể phê phán một cách đơn giản được."

Phải chăng tại vì Khổng giáo mà chúng ta mất nước vào tay người Pháp như giáo sư Bảo đã nói, ông Chánh không đồng ý như vậy:

"Ngày xưa khi các nước phương Đông mất nước yếu kém, tất cả đều đổ lỗi vào Khổng giáo, ngày nay các nước phương Đông Hán hóa (Đài Loan, Hồng Kông, Tân Gia Ba, Nam Hàn, Nhật Bản, Trung Quốc...) đang lên thì một số nhà lãnh đạo và các nhà nghiên cứu lại cho rằng nhờ tư tưởng Khổng Mạnh, suy thịnh, thành bại tùy thuộc vào người áp dụng nền tảng tư tưởng vào cuộc sống và biết sáng suốt vận dụng tư tưởng đó.

Ông Nguyễn Xiển, Nguyễn Lân bảo từ bỏ đảng trị về với đức trị có lẽ là điều ông nhận thức từ xã hội mọi nền tảng đạo đức đều suy đồi, xuống dốc thảm hại. Việc ông bảo phải bỏ đảng trị không hoàn toàn đúng, vì giữa một đảng độc tôn và 300 đảng non yếu gây hỗn loạn xã hội, còn có con đường xây dựng lưỡng đảng, hay các liên minh nhiều đảng tập hợp tả hữu. Việc nước là việc lớn, sức một người không làm nổi, cần phải có một tập hợp chính trị có đường lối sáng suốt lâu dài. Không nên bỏ đảng trị, mà nên lập ra nhiều đảng hay lưỡng đảng có thực lực quần chúng, có đường lối, có cán bộ, có lãnh đạo vững vàng và chấp nhận nguyên tắc dân chủ nghị trường. Việc tập trung các đảng non yếu thành chính đảng mạnh không khó, chỉ cần những đạo luật nhà nước, xí nghiệp yểm trợ tài chánh các chính đảng hay bồi hoàn chi phí tranh cử cho các ứng cử viên có trên 5% số phiếu.

Việc đức trị ngày xưa tập trung ở một vị vua thông minh, sáng suốt, đạo đức. Ngày nay dân chúng bầu một người có đức và tài để nắm giềng mối cai trị đất nước bằng cuộc phổ thông đầu phiếu trực tiếp, giới hạn mỗi nhiệm kỳ 4 hay 7 năm. Tổng thống lấy đức trị và đảng có đa số cử ra thủ tướng, hai điều này không mâu thuẫn với nhau.

Đức trị có khắp nơi trên thế giới chứ không riêng gì đạo Khổng. Các phái pháp trị của Hàn Phi Tử vẫn cần đến có vị vua đức trị. Khổng Tử ca tụng dân lật đổ các vị vua tàn ác bất tài, kém đức như Kiệt Trụ để đưa vua Vô vua Thang lên ngôi. Mạnh Tử còn đi xa hơn, "Dân như nước, chèo thuyền là dân lật thuyền cũng là dân", "dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" (dân là quý, đất nước thứ yếu, vua xem khinh). So với đương thời tại Pháp, dân Celte, dân Gaulois, dân La Mã, thì dân chủ phương Đông đã đi trước."

Và cuối cùng ông Chánh kết luận bài trả lời giáo sư Bảo như sau:

"1) Dân tộc Việt Nam rất phóng khoáng hồn nhiên, chẳng bận tâm đến việc phân biệt luân lý với tôn giáo, cái gì hay dân theo,

cái gì dở dân bỏ. Dân Việt Nam không đặt nhiều câu hỏi siêu hình ta từ đâu ta về đâu? Chẳng bận tâm đến việc chết sẽ lên cõi Niết Bàn, hay được sống lại như Chúa, hay về cõi người hiền có Mác Lê, Stalin, Mao, họ Hồ.

Nhân dân có quy y đạo Phật giữ 5 giới, không sát sanh, không trộm cướp, không nói dối, không tà hạnh, không rượu chè say sưa, hay giữ 10 điều răn Đức Chúa Trời, sống đúng với Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín đạo Khổng, hay Cần Kiệm Liêm Chính của ông Hồ đều tốt cả. Nếu ai cũng thực hiện đúng các luân lý sơ đẳng của tôn giáo thì xã hội sẽ thanh bình thịnh trị. Các nhà chính trị chẳng nhọc tâm để xây cất nhà tù, các quan tòa sẽ thất nghiệp. Các nhà chính trị phải nhận thức vai trò "phòng bệnh" của tôn giáo, điều đó chính trị không làm nổi. Pháp luật chỉ trừng trị giam cầm, xử án kẻ giết người, nhưng trường học và luật pháp không có hiệu quả bằng tôn giáo trong việc răn đe các tư tưởng giết người, phạm pháp từ trong ý thức. Luật nhân quả nhà Phật, vạc dầu sôi địa ngục có hiệu quả hơn nhà tù và pháp luật.

2) Vấn đề trong xã hội là xác định vai trò và chức năng của một nhà chính trị và một nhà tôn giáo trong xã hội hiện đại. Tòa thánh Vatican cũng như giới luật nhà Phật đều cấm linh mục, tăng sĩ đảm nhận các chức vụ chính trị, nhưng không ngăn cấm việc khi có vấn đề quan trọng liên hệ, các lãnh đạo chính trị mời các nhà lãnh đạo tôn giáo tham khảo ý kiến. Vì thế người thế tục lập ra các đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo tại Tây phương cũng như các đảng Dân chủ Phật giáo tại Nhật Bản và các nước Đông Nam Á.

3) Phật giáo không có tham vọng làm quốc giáo, không có tham vọng quyền bính, và cũng không vì danh lợi bám thủ lấy quyền hành chính trị. Lịch sử dân tộc Việt Nam đã chứng minh điều này qua thời đại đa nguyên tư tưởng, thời Lý Trần. Phật tử không tranh đấu cho danh lợi một vị sư nào hay một Phật tử nào.

Trước sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản Mác Lê, chủ nghĩa nhân vị Thiên Chúa giáo của ông Ngô Đình Nhu cũng đã thất bại trong việc xây dựng nền văn minh Thiên Chúa giáo. Đạo Khổng, đạo Lão đã tàn phai, các tư tưởng dân chủ chỉ có ở thành phần trung lưu tại các thành phần thành thị miền Nam, thì Phật giáo còn lại như một hiện diện tư tưởng có khả năng tập hợp dân tộc, giải quyết những mâu thuẫn dân tộc để nhanh chóng đưa đất nước đến phát triển, hội nhập với thế giới, với sự phát triển của Đông Nam Á và vùng Châu Á Thái Bình Dương. Trong lịch sử Phật giáo không hề có thánh chiến, cũng không hề có chiến tranh tôn giáo. Tinh thần bao dung, từ bi, phá chấp của Phật giáo không xa với tinh thần đối thoại của Công Đồng Vatican II của Đức Giáo Hoàng hiện nay. Điều đó cho phép người Việt Nam ước mơ và thực hiện ước mơ đó là một xã hội dân chủ đa nguyên tư tưởng, điều đó tôi hoàn toàn đồng ý với các anh chị nguyệt san Thông Luận.

Đọc bài viết của cụ Nguyễn Huy Bảo, tôi càng thấy rằng giữa người Việt và người Việt còn cần rất nhiều đối thoại, đối thoại giữa người Phật tử và người Công giáo, người Phật tử với Cộng sản, Công giáo với Cộng sản... vì người Việt Nam sống bên nhau mà không hiểu biết gì về nhau, hoặc có khi mình tưởng hiểu, nhưng cái hiểu hoàn toàn sai lầm lệch lạc. Điều nhà Phật gọi là "sở tri chương", là cái hiểu biết có sẵn nó đầy tư tưởng không cho phép mình hiểu biết thêm điều gì mới. Ví như tách trà nguội đã đầy rót bao nhiêu cùng tràn ra ngoài, muốn uống trà mới phải uống hết tách trà cũ đi.

Phạm Trọng Chánh

Sơ lược về sáng tác văn học năm 1994

Thụy Khuê

Nhìn qua thì năm 1994 là năm mà sinh hoạt văn học không có những yếu tố nổi bật, không có những hiện tượng văn học gây xôn xao trong dư luận như một vài năm trước. Nhưng trong chiều sâu, năm 1994 xuất hiện một vài tác phẩm có tầm vóc lớn, mang tính chất khai phóng, của những cây bút hàng đầu trong văn học Việt Nam hiện nay.

Về kịch, tác phẩm *Xuân Hồng* của Nguyễn Huy Thiệp, do Tân Thư xuất bản tại Hoa Kỳ - tháng 8 năm 1994, khai phá tác phong kịch hiện đại trong văn chương Việt Nam, đưa ra sự giằng co giữa những phân diện của con người và đánh mốc một chặng đường văn học.

Tuyển tập *Xuân Hồng* gồm năm kịch bản, ghép lại thành một hệ thống kín trong đó các yếu tố tư thông với nhau, cấu kết và hàm hại nhau, yêu thương và căm thù nhau, tạo thành một vũ trụ con người đốn đau, nghiệt ngã, bạo tàn và nhân ái, hiện đại mà muôn thuở. Đi từ cá nhân, phần tử nòng cốt, Nguyễn Huy Thiệp phát huy và mổ xẻ bản mặt và thực chất của xã hội: Khi những yếu tố nòng cốt đã mang tư chất điểm, thì quả nhiên cái xã hội, cái thiên đường do những cá nhân ấy hình thành hoặc mơ tưởng, không tránh khỏi hơi hướm thanh lâu. Ngược lại, chính những thiên đường điểm sản sinh những tâm hồn thanh lâu, tú bà, bởi vì cá nhân vừa là duyên do vừa là hậu quả của môi trường và tập thể. "*Kịch bản văn học của Nguyễn Huy Thiệp đào sâu ý thức về kịch muôn thuở, tức là thoát bộ để nhận diện mình một cách khách quan hơn, đồng thời mở đường cho một phong cách kịch hiện đại chưa thực sự xuất hiện trong truyền thống văn học nghệ thuật của chúng ta: Đặt vấn đề với con người về con người qua ngôn ngữ trong cái mâu thuẫn sâu xa cực độ và cực điểm của chính mình, phát sinh từ một môi trường tạo tác*".

*

Về thơ, tác phẩm *Ô Mai*, xuất hiện sau *Bến Lạ* (1991), của thi sĩ quá cố Đặng Đình Hưng, bắc cầu giữa văn và thơ, đánh dấu một ngõ quặt trong thi ca hiện đại. *Ô Mai* và *Bến Lạ* của Đặng Đình Hưng có một chỗ đứng cao biệt, không chỉ vì tác phẩm của Đặng Đình Hưng, lọc đau, đái sạn một đời người, mà còn mang niềm đau chung của con người sống trong tù túng - vừa tù vừa tung.

Thơ ca Việt Nam vẫn có những cái mốc như thế: Thế Lữ tiên phong trong thơ mới. Văn Cao, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Xuân Sanh, Đoàn Phú Tứ... mở đường cho thơ tự do. Thanh Tâm Tuyền mang lại cho thơ tự do nội dung tư tưởng: Dem thơ lên trên địa hạt cảm xúc lãng mạn để đi sâu vào địa hạt nhận thức trí tuệ và tâm linh. Ở Thanh Tâm Tuyền có nỗi hoang mang về sự cô độc của con người trong thời đại kỹ nghệ và công nghiệp.

Đặng Đình Hưng mở cửa cho thơ bước vào thực chất của con người trong thời đại xã hội chủ nghĩa với sự bó căng của chữ đi và cái ám ảnh của chữ them. Từ đó phát xuất hai cái tựa Bến Lạ và Ô Mai (thèm như thèm ô mai, ô mai em...). Them và đi, hai quãng mắt, hai giọt linh hồn, của cái chân và cái dạ dày, những yếu tố xương thịt cấu tạo nên sự sống.

Thơ Đặng Đình Hưng vừa mang khía cạnh nhận thức tâm linh vừa hoạt họa bộ mặt xã hội, bằng những cấu trúc hình ảnh, ngôn ngữ vô cùng mới, chưa mấy ai khai thác trong tiếng Việt.

Vẫn trong đường hướng nhận thức về niềm đau hôm nay, thi phẩm "*Người đi tìm mặt*" của Hoàng Hưng có một đóng góp

không nhỏ trong việc đổi mới ngôn từ và hình tượng thơ ca.

Thơ Hoàng Hưng nhức nhối nỗi hoang lạnh của con người trong thành phố đông người, u hoài niềm đau phân chia đất nước, phần nợ trước sự tàn phá tâm hồn của con người sau một lần cải tạo.

*

Tác phẩm *Thơ Phạm Tăng* của họa sĩ Phạm Tăng (sống ở Paris), in trong nước là một món quà quý cho độc giả yêu thơ và yêu giao lưu văn hóa. *Thơ Phạm Tăng* hình thức cổ điển nhưng nội dung sâu sắc, giao thoa giữa hội họa và thi ca. *Thơ Phạm Tăng* phản ánh quan niệm hội họa vũ trụ và triết lý sống của Phạm Tăng - về đất nước và con người.

Ngoài ra, chúng tôi có nghe nói đến tập thơ *Bóng Chử* của Lê Đạt, nhưng rất tiếc không có trong tay... chỉ được đọc mấy dòng Lê Đạt chuyển điệu hát "qua cầu gió bay" sang thơ hôm nay:

Tóc trắng tâm xuân xanh qua cầu với gió

Dù bài ngô non

ngo ngó sông đầy

Cây gạo già lơ lửng lên hiệu đỏ

La lá cành

cởi thắm

để hoa bay.

Thì quả là một phong cách điệu nghệ, làm mới ngôn ngữ dân ca, đưa ra những hình ảnh tân kỳ và say đắm.

*

Vẫn trong địa hạt thi ca, ở hải ngoại, Du Tử Lê là người sáng tác mạnh nhất, anh cho in liên tiếp nhiều tập thơ trong năm nay. *Thơ Du Tử Lê* có nhiều bài thật hay, tiếc rằng anh đã không cất công chọn lọc thành một tuyển tập, mà in vội vàng, chú ý về lượng, nên đã để vàng thau lẫn lộn. Năm 94 ở hải ngoại, xuất hiện *Tạp Chí Thơ*, do nhà thơ Khế Iêm chủ trương, đã ra được hai số: mùa Thu và mùa Đông. Đây là một cố gắng đáng kể của nhóm chủ trương gồm có Chân Phương, Đỗ Khiêm, Phan Tấn Hải... và các bạn khác, bỏ tiền túi ra in thơ... để tặng các bạn yêu thơ. (Sách đã khó bán, thơ ai mua? Tội thơ, và tội cho văn học). Nói thế nhưng *Tạp chí Thơ*, nội dung có phẩm chất, in những sáng tác và tiểu luận về thơ khá chọn lọc của các tác giả trong và ngoài nước. Mời các bạn!

*

Về tiểu thuyết, năm nay chúng tôi không có trong tay tập tiểu thuyết nào thật sự giá trị, như *Chuyện làng Cuội* của Lê Lựu năm 1993, và ở hải ngoại cũng không có sáng tác nào vượt trội.

Về truyện ngắn, nhà văn Phạm Thị Hoài, trong thời gian sống ở Đức, giới thiệu với độc giả hai truyện ngắn đặc sắc, *Tiệm May Sài Gòn* và *Thực Đơn Chủ Nhật*, trên tạp san Hợp Lưu, xuất bản tại Hoa Kỳ. Qua bối cảnh một tiệm may và gia cảnh hai bà cháu, Phạm Thị Hoài tận dụng ngòi bút sắc bén và tinh tế của mình để đào bới, khảo sát sự sống và cách sống, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, một cách lạnh lùng và tàn nhẫn. Tóm gọn cả bối cảnh, tâm cảm lẫn nghịch cảnh của đời sống thị thành Hà Nội trong nền kinh tế thị trường. *Thực Đơn Chủ Nhật* nhắm vào thực tế đã man và vô luân của vấn đề bỏ đói con người vì cho ăn no thực đơn bánh vẽ.

Vẫn trong địa hạt truyện ngắn, Võ Thị Hảo tiếp tục hành trình

của chị với lối viết giao hưởng giữa cũ và mới. Tác phẩm *Chuông Vọng Cuối Chiều* (94) tiếp nối *Biển Cửu Rối* (93) xác định một tác phong nghệ thuật nhiều bản lĩnh, với tầm nhìn rộng và đặt câu hỏi về những giá trị mà từ trước đến nay quần chúng chưa được thư thả vấn tra, nghi ngờ: Về điều kiện sống của người phụ nữ, quyền phê phán lịch sử, quyền xét lại chiến tranh, quyền chỉ trích xã hội hiện hành. Vô Thị Hào xứng lên quyền sống của thế hệ trẻ, bằng ngôn ngữ văn chương nghệ thuật.

Tuyển tập *40 truyện thật ngắn*, nổi tiếng vì bị từ đập một cách oan uổng. Thật ra, *Truyện Đường Tăng* của Trương Quốc Dũng không có gì là phạm thượng nếu so sánh với những phạm thượng "vĩ đại" mà Ngô Thừa Ân đã du nhập trong Tây Du Ký từ những năm Gia Tĩnh triều Minh:

Thế kỷ 16, Ngô Thừa Ân đã phó cho Tôn Ngộ Không cái quyền "tối thượng" và "tối kỵ" là đòi bình đẳng giữa người và người. Trước mặt Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngộ Không nghênh ngang vênh vác: Lão Tôn đây!

Với Phật Tổ Như Lai, Ngộ Không đồng dặc hạch quyền: Luân phiên cai trị (principe de l'alternance): "*Thượng đế tu luyện lâu năm, nhưng cũng không nên ngồi mãi ngôi ấy. Thường có câu: "Làm vua phải luân phiên, sang năm đến lượt ta". Nên bảo hần đứ đi, nhường lại thiên cung cho ta, thì ta thôi. Nếu không, ta còn quấy phá, không bao giờ yên ổn được*".

Để dẹp ý đồ phản kháng thường trực của Ngộ Không, Như Lai không có chức nào hay hơn là dụ khị và lừa bịp. Dưới mắt Ngô Thừa Ân. Ngọc Hoàng và Như Lai cùng chung một song: Độc tôn, độc tài, cướp giật chiến thắng bằng mưu mô và gian dối.

Ngộ Không ngay thẳng, bộc trực, là sự phản kháng mãn kiếp của con người trước mọi áp đặt của thế quyền. Cái vòng kim cô tượng trưng cho giáo lý nhà Phật, xiết trên đầu Ngộ Không chỉ là sự phong tỏa và kiềm chế của một thứ đạo đức giả tạo mà cường quyền bày đặt ra để triệt hạ con người.

Qua bốn thế kỷ, hình như Tây Du chưa hề bị kiểm duyệt. Đường Tăng của Trương Quốc Dũng không có tham vọng đội đá vá trời như Ngộ Không của Ngô Thừa Ân. Trương Quốc Dũng lấy lại tích xưa, viết về một nguyện vọng rất nhỏ nhoi, tầm thường của Đường Tăng (một đồ đệ của Như Lai), đó là Đường Tăng chỉ muốn làm người chứ không muốn bước lên đài của chư vị lãnh tổ. Với nguyện ý nhỏ bé như thế mà tác phẩm còn bị từ đập, thì quả thật hậu sinh hẹp hòi và thiếu cận hơn người trước bội lần.

Kỳ dư, tuyển tập *40 truyện thật ngắn* không phải là một thành công trong cuộc thử nghiệm. Sự ấn định trường quy, với số chữ giới hạn cho một cuộc thi văn học nghệ thuật, mang tính cách gò bó, trái với bản chất tự do của sáng tác. Và lại, thể loại viết thật ngắn không phù hợp với tất cả mọi người: Chúng ta có Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài... viết ngắn. Nhưng cũng có những Bảo Ninh, Lê Lợi... viết không ngắn mà vẫn hay...

Nếu cuộc thi truyện ngắn của Tác Phẩm Mới không bị giới hạn **thật ngắn**, thì chắc chắn ngoài "Hoa muộn" của Phan Thị Vàng Anh, người đọc còn được thưởng thức nhiều truyện ngắn hay của các tác giả khác mà niêm luật trường quy đã chỉ cho phép họ trình bày những đoạn văn hay, chưa thực sự là những truyện ngắn với cấu trúc toàn bích.

Tuy nhiên, cung cách thúc đẩy và nâng đỡ sáng tác văn nghệ của những nhà phê bình và trách nhiệm văn học ở trong nước, với những khó khăn hiện nay, khiến cho chúng ta khâm phục và hy vọng.

Thụy Khuê (Paris, 12/94)

Độc giả viết...Độc giả viết...Độc giả viết

Góp ý về dụng ngữ:

... Trên số báo 73, bạn Phạm Ngọc Trường đã góp ý về cái chữ "Đảng" viết hoa ám chỉ đảng cộng sản Việt nam. Ý kiến của ông Trường rất sâu sắc và chí lý. Chỉ giữa những người đồng chí với nhau trong một đảng phái chính trị, khi bàn luận về đảng vụ, mới dùng chữ "Đảng" trống không và viết hoa để ám chỉ đảng mình. Có sao chúng ta, khi muốn ám chỉ đảng cộng sản Việt Nam, lại cùng đi dùng chữ "Đảng" trống không và viết hoa?!

Theo số báo 78, tháng Giêng này, chỉ nội trong một bài "thư đầu năm" mà tôi đếm được năm chữ "Đảng" đứng giữa câu mà viết hoa để chỉ đảng cộng sản Việt Nam! Chúng ta có thể sơ xuất đến như vậy được sao?! Nếu vẫn muốn dùng chữ "Đảng" viết hoa để chỉ đảng cộng sản, tôi đề nghị nên để chữ "đảng" viết hoa đó ở trong ngoặc kép để phân minh rằng ấy là dụng ngữ của người cộng sản, chứ không phải của chúng ta.

Trong phần "tin tức...thời sự", tôi nhận thấy ta quá thường dùng những từ ngữ người cộng sản họ diễn chế như "tham quan", "xuất khẩu", "triển khai", "chất lượng", "tập đoàn", "căn hộ", "hải quan"...

Thông thường ta chỉ diễn chế một từ ngữ nào trong tiếng Việt chưa có, hoặc đã có mà chữ đó không lột tả hay biểu thị tinh xác một sự vật hay khái niệm nào đó. Chữ "tham quan" làm sao hay bằng, tinh xác bằng chữ "thăm viếng" vốn có từ trước? Chữ "xuất khẩu" không chính xác bằng chữ "xuất cảng"; chữ "triển khai" đã không rõ nghĩa hơn chữ "khai triển" mà đọc nghe còn nghịch nhĩ. Dùng các loại từ ngữ như "chất lượng" thay cho "phẩm chất", "tập đoàn" thay cho "tổ hợp" hoặc "liên đại đại công ty", và "căn hộ" thay cho "gia cư" hoặc "căn nhà", "hải quan" thay cho "quan thuế"... là điều tôi đề nghị chúng ta nên tránh tối đa.

Nhất là tinh từ "tốt"! Rất thỉnh thoảng tôi vẫn thấy trên báo chúng ta có tác giả dùng chữ này như người cộng sản. Người Tây Phương họ nói "good" cho mọi việc, nhưng người Việt chúng ta thì khác. Học thì ta nói "giỏi", "khá", "chăm", "xuất sắc" chứ không ai đi nói học "tốt". Lao động thì ta nói "chuyên cần", "siêng năng", "chăm chỉ", hay "biếng nhác" chứ không nói làm "tốt". Phục vụ thì nói phục vụ "ân cần", "chủ đạo" chứ không nói phục vụ "tốt"...

Cả những chữ như "sic", "logic", "lô-gích", tôi cũng đề nghị nên thay vào đó bằng những từ ngữ thật Việt ngữ như "nguyên văn", "hợp lẽ", "thuận lý"...

Phần "tin tức...thời sự" trên báo chúng ta, đọc qua tôi nhận thấy tin tức, nhất là các tin về Việt Nam, hình như là trích đăng chứ không phải ta đọc rồi sàng lọc và viết lại. Căn cứ vào những từ ngữ người cộng sản họ vẫn thường dùng và câu văn, tôi nhận xét thế. Nếu nhận xét của tôi đúng, thì tại sao chúng ta không để phần tin trong ngoặc kép hàm ý trích đăng, và chỉ ở phần kết mới là lời bình luận của ta? Làm như thế ta vừa minh bạch đầu là phần "tin" đâu là phần "bình", vừa tránh được sự hiểu lầm ta dùng từ ngữ cộng sản.

Nguyễn Hữu Đức (Hòa Lan)

LTS: Thông Luận xin cảm tạ những góp ý xây dựng của bạn Nguyễn Hữu Đức. Tiếc rằng Việt Nam chưa có Hàn Lâm Viện để chuẩn hóa tiếng Việt nên cho đến nay, chúng tôi chỉ có cách là **tôn trọng** cách dùng chữ của các tác giả nhưng ban biên tập sẽ bàn về những đề nghị của Anh.

THỜI SỰ... TON TỨC... THỜI SỰ...

Campuchia và nạn phá rừng

Cuối tháng 12-1994, chính phủ Campuchia đã loan báo cấm đốn cây trong rừng trên khắp lãnh thổ Khmer. Lệnh này sẽ gây khó khăn cho nhiều công ty nước ngoài đặc biệt là Thái Lan. Vì áp lực của Ngân Hàng Thế Giới nên đã có lệnh này: diện tích những vùng có cây đã sút giảm một phần ba trong hai mươi lăm năm vừa qua. Lợi tức thu được do cây đốn đã được dùng để đài thọ cho chi tiêu khi thì chợ Khmer đổ khi thì của chính phủ.

Trong năm 1993, cả hai đồng thủ tướng chính phủ đã cho phép Bộ Quốc Phòng ký kết với một công ty Mã Lai một hợp đồng cho phép công ty này đốn cây rừng trong vòng 30 năm và cho phép xuất cảng những cây đã đốn nhằm đài thọ cho ngân sách quân đội. Bộ trưởng Tài Chánh Campuchia đã nhận định rằng "chính sách vô trách nhiệm này sẽ có hậu quả là đưa đất nước vào một chu kỳ thiếu lương thực".

Hạn hán và ngập lụt liên tiếp hoành hành ở Campuchia nên cuối năm 1993 chính phủ Campuchia đã phải yêu cầu cộng đồng quốc tế viện trợ cho 300.000 tấn gạo trong khi đói mùa gặt tới.

Tỉnh Prey Veng, một trong những vựa thóc của Campuchia, đã bị nạn lụt làm hư tới ba phần diện tích trồng cấy. Những tỉnh khác như Takeo, Kompong Cham, Kompong Speu cũng bị lâm nạn. Đã có những triệu chứng của nạn đói, nạn dịch tả. Nông dân tìm cách chạy về thủ đô Phnom Penh với hy vọng là sẽ được cứu trợ.

Gạo có thể được tiếp tế bằng đường thủy trên sông Cửu Long nhưng lại gặp cảnh sách nhiễu của quân đội và cảnh sát có trách nhiệm trên sông Cửu Long!

A7

Sáu nước và một lãnh địa nghèo nhất thế giới: Việt Nam, Ouganda, Mozambic, Guyana, El Salvador, Zambie và tập thể các nước vùng Caraiibes sẽ họp tại Copenhagen, từ ngày 3 đến ngày 12-3-1995 để đưa ra những đòi hỏi đối với các nước giàu nhất thế giới G7.

Đòi hỏi gì? Trước hết là giữa các quốc gia này, đặt ra những câu hỏi cho chính mình. Tại sao họ lại nghèo khổ? Tất cả những quốc gia này là những chế độ độc tài và tất cả các quốc gia giàu có mà họ hạch sách đều là những quốc gia dân chủ.

Điều mà họ cần nghĩ lại trước hết chính là lập trường phải độc tài, phải "ổn định chính trị" mới có thể phát triển kinh tế.

Các nước tham dự hội nghị A7 này đều là những nước có lợi tức bình quân trên mỗi đầu người chừng 200 USD một năm.

Thực ra có nhiều nước khác còn nghèo khổ hơn: Ethiopia, Burundi, Rwanda, Somalia. Nhưng những quốc gia này đã tan vỡ. Câu lạc bộ A7 là câu lạc bộ những quốc gia đứng trước sự tan vỡ. Hy vọng đó không phải là trường hợp của Việt Nam.

Tuổi trẻ Việt Nam mất phương hướng

Cuộc thăm dò ý kiến học sinh và sinh viên Sài Gòn do Thành đoàn Thanh niên cộng sản Sài Gòn thực hiện hồi tháng 6-1994 và được phổ biến trên báo Tuổi Trẻ ngày 12-1-1995 cho thấy thanh niên Việt Nam, ít ra là thanh niên Sài Gòn, đang bị dao động về tâm lý. Không một giá trị căn bản của con người và xã hội nào được chấp nhận. Lòng nhân ái được 47% sinh viên - học sinh đề cao, kiến thức được 45%, trí tuệ 33%, tinh thần trách nhiệm được 38%. Đây là họ mới được hỏi "đề cao những giá trị

nào?". Từ đề cao đến thực hiện còn là một khoảng cách khác.

Vậy sinh viên - học sinh Việt Nam muốn gì? Chỉ có 24% cho rằng cần học hỏi cách làm giàu. Họ cũng mong muốn trước hết là được đi làm lãnh lương khá. Đối với 40% sinh viên, cần đòi hỏi cho bằng được một vị trí xã hội và một mức thu nhập cao. Sinh viên Sài Gòn cũng không năng động vì hơn 44% quyết định "ở lại Sài Gòn bằng mọi giá".

Một thống kê khác cho hay 85% sinh viên đại học sư phạm ban Anh vẫn bỏ nghề sau khi tốt nghiệp. Có lẽ là để đi làm cho các hãng ngoại quốc.

Một cuộc hội thảo tổ chức nhân "Ngày truyền thống sinh viên - học sinh" (9-1) cho thấy các sinh viên còn chưa khai thông về trí tuệ. Họ phát biểu một cách ước lệ, giả nua, hoàn toàn không ăn nhập với thời đại. Chẳng hạn như sinh viên Huỳnh Phước Tiến, đại diện cho sinh viên Kinh Tế, nói rằng học kinh tế không phải là để làm giàu cho bản thân mà "để tìm ra các biện pháp khả thi để làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội" và tài nguyên của xã hội Việt Nam là cái bánh, mọi người Việt Nam phải cố làm cho cái bánh đó to ra, v.v... Bài tham luận này được coi là đặc sắc.

Mâu thuẫn lớn giữa Sài Gòn và Trung Ương

Lần đầu tiên một địa phương đã công khai phản đối chính quyền trung ương với những lời lẽ rất mạnh.

Hội đồng nhân dân thành phố Sài Gòn đã ra nghị quyết "kiến nghị" thủ tướng Võ Văn Kiệt xét lại ngân sách thành phố. Nghị quyết viết: "Số thu ngân sách được thủ tướng trao quá cao, không phù hợp với thực tế, do đó không có khả năng thực hiện; số chi ngân sách cũng không hợp lý và không đáp ứng được nhu cầu".

Quyết nghị này hầu như là một sự nổi loạn, nó chứng tỏ chính quyền cộng sản đã rạn nứt vì những mâu thuẫn nội bộ.

Theo thể lệ hiện hành, các hội đồng nhân dân do dân chúng bầu ra, sau đó hội đồng nhân dân bầu ra ủy ban nhân dân. Trên thực tế thì các hội đồng nhân dân chỉ là bù nhìn, các ủy ban nhân dân - tức cơ quan chính quyền địa phương - do chỉ bộ đảng cộng sản chỉ định. Chủ tịch ủy ban nhân dân thường là phó bí thư.

Các hội đồng nhân dân vừa được bầu ra cũng hoàn toàn do đảng cộng sản chỉ phối. Mọi ứng cử viên đều phải được Mặt Trận Tổ Quốc chấp nhận. Kết quả là cả thành phố Sài Gòn chỉ có một ứng cử viên tự ý đứng ra ứng cử. Hà Nội có ba. Tất cả những ứng cử viên khác đều do chỉ bộ đảng, chỉ bộ đoàn, công sở, ngành nghề, xí nghiệp do đảng cộng sản giới thiệu. Kết quả là 82% các ủy viên các hội đồng nhân dân mới được bầu là đảng viên cộng sản, 18% còn lại thuộc các tổ chức ngoại vi do đảng cộng sản khống chế. Tuy nhiên những mâu thuẫn nội bộ đảng cộng sản đã khiến các hội đồng nhân dân trở thành những nơi tranh chấp. Trong số 53 tỉnh và thành phố có 46 chủ tịch hội đồng nhân dân bị thay thế. Trong số 53 chủ tịch ủy ban nhân dân cũng có 30 người bị thay thế.

Sự chống đối gay gắt của hội đồng nhân dân thành phố Sài Gòn với chính quyền trung ương đã có một hậu quả đầu tiên là vài ngày sau ông Phạm Chánh Trực trở thành chủ tịch Ủy ban nhân dân Sài Gòn thay thế ông Trương Tấn Sang. Ông Trực được coi là con người cởi mở và hiểu biết hơn ông Sang.

Chiến dịch diệt pháo ở trong nước

Sau khi có pháp lệnh cấm sản xuất, buôn bán, đốt pháo nổ nhà

THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

cầm quyền cộng sản đã huy động mạnh mẽ các cơ quan đoàn thể thi hành lệnh cấm này. Chẳng những Tết không có pháo đốt mà ngay cả những đám cưới cũng không được đốt pháo.

Để cho việc thi hành lệnh cấm ấy không bị coi thường trách nhiệm kiểm soát và xử lý đã được trao cho công an.

Theo phó giám đốc công an thành phố Sài Gòn, trong nửa tháng đầu tháng Giêng 1995, đã có 51 vụ vi phạm lệnh cấm. Tuy nhiên cũng nhiều trường hợp dân chúng tự nguyện giao nộp pháo và dụng cụ sản xuất pháo, tự nguyện ký cam kết không đốt pháo... Tại Hà Nội cũng không có những vận động thực hiện nghiêm túc lệnh cấm pháo.

Điều mới lạ là trong các lễ tiệc cưới xin, người ta đã dùng "sâm-banh" thay cho pháo và rắc hoa để thế xác pháo!

Cũng nên biết rằng lệnh cấm pháo này cũng đã đặt ra cho nhà cầm quyền cộng sản nhiều vấn đề khá rắc rối.

Ở vùng sản xuất pháo (Thanh Oai - Hà Tây, Ô Môn, Đà Nẵng) số pháo tồn đọng sau ngày 31-12-1994 rất lớn, chỉ có một số lượng không đáng kể được tự động phá hủy. Nói chung các nhà sản xuất pháo, buôn pháo đang nghe ngóng. Theo đánh giá phỏng định số pháo hiện tồn đọng tại Hà Tây lên tới 2,756 tỷ đồng, ở Đà Nẵng khoảng 2 tỷ đồng, ở Cần Thơ hơn 2 tỷ đồng, trong các doanh nghiệp nhà nước 8 tỷ đồng.

Để giải quyết tình trạng này nhà cầm quyền ở Sài Gòn đã cho khai vào tiền lỗ số tiền pháo bị tồn đọng (đã kiểm kê và tiêu hủy) còn ở Hà Nội thì đang có vận động kiến nghị chính phủ hỗ trợ một phần những tổn thất của các nhà sản xuất pháo. Chưa có phát giác nào về hiện tượng tham nhũng trong vụ cấm pháo.

Vật giá tăng vọt

Trong khi nhà nước đặt chỉ tiêu kiềm chế lạm phát ở mức 10% (xem TL 77, số tháng 12/94, Vấn đề trong tháng) thì Ủy ban vật giá nhà nước, giá cả lương thực, thực phẩm trên cả nước đã tăng 39% nội trong 4 tháng cuối năm 1994 (Tuổi Trẻ 19-1-1995).

Giá gạo tăng một cách không đều, có loại (như gạo nàng thơm) tăng 20%, trong khi có loại (như gạo tài nguyên) tăng hơn 30%. Nói chung không đến nỗi quá đột ngột, nhưng tại Hà Nội, giá gạo tăng vọt, có khi quá 50%.

Hai lý do được viện dẫn để giải thích cho việc tăng giá đột ngột của lương thực, thực phẩm: bão lụt tại vùng đồng bằng sông Cửu Long và việc tăng giá xăng dầu.

Tuy các cơ quan nhà nước cho biết không hề có việc thiếu lương thực, thực phẩm. Việc vật giá gia tăng như vậy chỉ là một biến cố nhất thời và sẽ không thể hy vọng giá cả sẽ giảm xuống. Riêng về gạo, Sở Thương Mại Sài Gòn dự đoán giá gạo sẽ còn tiếp tục tăng lên. Trong cơ cấu chỉ tiêu của quần chúng Việt Nam, thực phẩm chiếm trên 60%.

Trong tháng 12-1994, đồng đô-la Mỹ đã tăng lên 10% đạt mức 11.070 đồng ăn một USD.

Phùng Quán không còn nữa

Nhà thơ, nhà văn Phùng Quán sinh năm 1932 tại Hương Thủy, Thừa Thiên, vừa mất tại Hà Nội vào ngày chủ nhật 15 tháng 1-1995, sau một thời gian bị ung thư gan, hưởng thọ 65 tuổi.

Tác phẩm đầu tay của Phùng Quán là tập hồi ký "Vượt Côn Đảo", tiểu thuyết "Tuổi Thơ Dữ Dội" là tác phẩm cuối cùng.

Tên tuổi Phùng Quán còn gắn liền với nhóm Nhân Văn - Giai

Phẩm: Chính Phùng Quán đã nói về giai đoạn này trong một bài đăng trên báo Nông Dân Việt Nam số Tết Quý Dậu 1993 như sau: "Tôi tham gia nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm với các bài thơ 'Chống tham ô lãng phí' và 'Lời Mẹ dặn'. Bị kết tội chống Đảng, chống chế độ, đưa ra khỏi quân đội, khai trừ khỏi Hội nhà văn, đi lao động cải tạo gần mười lăm năm và tước quyền in sách trong 30 năm".

Nhà thơ Bùi Minh Quốc cho biết: "Phùng Quán bị đày đọa suốt 30 năm, tác phẩm không được in, phải viết dưới những tên khác, bạn bè gọi là viết văn chui. Nhiều năm khốn quẫn quá, anh buộc lòng phải đi câu cá trộm ở Hồ Tây, không có tiền phải uống rượu chịu dài dài của một bà bán quán nghèo tốt bụng. 'Cá trộm - Rượu chịu - Văn Chui', đó là sáu tiếng tóm tắt dồn nén đoạn đời 30 năm đặng đặng bị lưu đày ngay trên đất nước mình của Phùng Quán". (Đêm chong đèn ngồi nghĩ, chưa xuất bản).

Phùng Quán được phục tịch Hội nhà văn năm 1988. Độc giả hải ngoại gần đây lại được đọc vài bài viết của Phùng Quán, trong đó có bài rất cảm động nói về Nguyễn Hữu Đang, nhân vật chủ chốt trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm (xem Thông Luận số 68, tháng 2-1994).

Tinh thần khảng khái của Phùng Quán thể hiện qua mấy câu thơ trích trong "Lời Mẹ dặn":

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.*

Thêm chi tiết về ông Bùi Giang Tô

Theo nguồn tin từ Hà Nội, ông Bùi Giang Tô, người mới đây đã bị không tặc Hồi giáo giết tại phi trường Alger là tham tán thương mại (conseiller commercial) làm việc tại sứ quán Việt Nam ở Algeria, sinh năm 1946, quê ở Nam Hà, cựu quân nhân trước khi chuyển sang ngành ngoại thương. Ông Tô có vợ và ba con.

Trước lễ Giáng sinh 1994, ông Tô báo cho gia đình ở Việt Nam là ngày 22-12-94 ông sẽ từ Alger qua Paris để cùng bạn bè dự lễ Noel và ngày 25-12-94 ông sẽ về Hà Nội. Chuyến về nước này là để báo cáo công tác, bốc mộ cho mẹ và đón vợ sang Algeria. Lúc bốn không tặc giả nhân viên hàng không hỏi hộ chiếu các hành khách thì một nhân viên an ninh (mặc thường phục) của chính phủ Algeria bị phát hiện và bị bắn chết ngay tại chỗ. Ông Tô lên tiếng phản đối, một trong bốn không tặc nói với ông Tô: "Ông được tự do!". Tuồng mình cũng được thả như một số hành khách khác, ông Tô bình tĩnh xách hành lý đi ra. Nhưng vừa đi khỏi khoang hành khách thì ông liền bị bắn và xác bị vất xuống sân bay.

Theo lời của nhân viên hãng Air France có mặt trên chiếc Airbus 340 bị cướp thì ông Tô bị giết vì bị không tặc coi ông là người nước ngoài, theo đạo Phật v.v...

Thi hài ông Tô đã được đưa về nước và chôn ở nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội. Bà quả phụ Bùi Giang Tô cho biết thêm là chồng bà sang nhận công tác ở Algeria đã được ba năm. Rất lo ngại về nạn khủng bố Hồi giáo, bà muốn ông về nước nhưng Bộ Thương Mại chưa tìm được người thay nên ông Tô còn phải ở lại Algeria thêm một thời gian nữa, dù đã hết nhiệm kỳ. Có ai ngờ...

Tạp ghi

1

Gọi điện thoại để xin lỗi Trịnh Cung vì đã không đến được cuộc triển lãm tranh của anh và chào anh trước khi anh về nước. Anh nói "Tôi chưa bao giờ xúc động đến thế, trong đời tôi chưa có ngày nào mãn nguyện hơn. Tranh của tôi được người Việt Nam, và người quen, mua. Người nghệ sĩ như chúng tôi có nhu cầu bán tranh để sống nhưng không phải chỉ có thế. Mỗi bức tranh tôi vẽ ra là một đứa con tinh thần, tôi nhớ chúng. Tôi nhớ tên của mỗi bức tranh. Tôi muốn những lúc ngồi một mình nghĩ đến chúng, biết bức này đang ở nhà anh này, bức kia đang do chị kia gìn giữ, và vẫn ở trong tài sản nghệ thuật của đất nước Việt Nam. Thật là đau lòng khi bán tranh cho người ngoại quốc mà mình không quen biết, không biết chúng giờ này ra sao, người ta còn gìn giữ hay không. Và đau lòng vì chúng ra khỏi tài sản văn hóa của đất nước".

Gác điện thoại xuống, không hiểu sao tôi có cảm tưởng là mình hơi hiểu hội họa. Tôi chưa bao giờ được ngắm một bức tranh của Trịnh Cung, nhưng tôi chắc chắn tranh của anh rất đẹp

2

Động đất tại Kobe. Hơn năm ngàn người chết. Thiệt hại trên 40 tỷ USD trong vòng hai mươi giây. Một bài học khiếm tốn cho cả loài người trước thiên nhiên. Rất nhiều hình ảnh kinh dị, nhưng một tấm ảnh rất bình thường lại khiến tôi chú ý nhất. Một đoàn người xếp hàng hai lối nước. Không phải vì sự xếp hàng trật tự và tề chỉnh nói lên một mức độ công dân giáo dục cao của họ. Mà là nét mặt của họ. Nét mặt của những người vừa sống sót sau một ác mộng và đã mất mát rất nhiều, nếu không mất tất cả. Nét mặt họ đau buồn, nhưng thư thái. Rất dễ phân biệt một người Nhật, hay Triều Tiên, hay Đài Loan với một người Việt Nam. Ở nét mặt của người Việt Nam hình như lúc nào cũng dăm chiêu, lo lắng, bối rối, đề phòng một cái gì. Nhiều mặc cảm. Nét mặt phản ánh cả một lịch sử đầy thảm kịch. Chúng ta là một dân tộc đau khổ ngay cả khi chúng ta không ý thức được. Các bạn tôi về thăm nhà đều nói mình ăn mặc thế nào "họ" vẫn nhận ra mình là người từ nước ngoài về, dù mình cố làm như họ, dù nhiều khi mình còn đen hơn họ. Cũng thế, tới các buổi họp mặt tôi nhận ra ngay ai mới ở trong nước ra. Trên nét mặt họ có một sự khắc khoải và trần trụi lớn hơn.

Cuộc đấu tranh của chúng ta, sau cùng, có thể chỉ là để tìm lại cho Việt Nam một dáng điệu thung dung và một nét mặt thư thái.

3

Tuệ Dung. Người con gái lớn lên như nhiều người con gái may mắn khác, học Văn Khoa. Nếu cuộc đời tiếp tục một cách bình thường, êm ả, có lẽ Tuệ Dung cũng đi du học và lấy chồng. Nhưng ngày 30-4-1975 đã ập tới giữa tuổi đôi mươi, cùng với chế độ cộng sản, những đổ vỡ và bi đát. Tuệ Dung chọn lựa ở lại đất nước, đi tu và thành ni cô. Nhưng ni cô Tuệ Dung đi tu không phải để xa lánh trần thế, mà để tận tụy với đời. Tuệ Dung nhặt những đứa trẻ bị bỏ rơi và những trẻ em nghèo khổ nhất để nuôi dạy, tìm những cô gái nghèo khổ mới lớn để dạy nghề, giúp họ một phương tiện sinh sống xứng đáng. Niềm vui của Tuệ Dung là một bé trai sáu tuổi sinh ra như một quái thai, thiếu cả hai tay. Tuệ

Dung đã kiên nhẫn dạy cho nó biết viết bằng chân: Tuệ Dung không có chồng mà vẫn có con, và nhiều con.

Cuộc sống thanh đạm và thánh thiện như vậy thì có đụng chạm đến ai? Mà sao Tuệ Dung vẫn sợ. Trong một lá thư gửi cho một bạn gái ở Paris, Tuệ Dung viết "Mày giúp tao, tao mừng lắm, nhưng chỉ sợ các ông nói là tao liên hệ với nước ngoài, có âm mưu chính trị, rồi đóng cửa trường của tao thì khổ cho các cháu quá". Sao "các ông" đáng sợ đến thế. Đáng lẽ không nên viết về Tuệ Dung, chỉ có hại cho bà. Lương lự. Nhưng phải viết. Để tôn vinh một bà mẹ Việt Nam. Và cũng vì, thêm một lần được cảm thấy hành điện làm người Việt.

4

Hòa thượng Thích Quảng Độ bị bắt và sẽ bị giải tòa. Tội danh: âm mưu tổ chức cứu trợ nạn nhân bão lụt, phá rối trật tự trị an. Sự thô bạo của chính quyền cộng sản làm người ta nhớ lại những phản ứng hung bạo của chế độ Ngô Đình Diệm trong những ngày cuối. Lời tuyên bố của phát ngôn viên nhà nước theo đó Hòa thượng Huyền Quang bị chuyển đi quản thúc tại một ngôi chùa khác "theo lời yêu cầu của các tầng ni và đồng bào địa phương vì ông thường xuyên quấy rầy họ", cũng xác xược như lời bà Trần Lệ Xuân gọi các nhà sư tự thiêu năm 1963 là "thịt nướng". Các chế độ độc tài bạo ngược thường kết thúc một cách lố mắng như nhau.

Cuộc đấu tranh vì tự do dân chủ đã đi vào một giai đoạn quyết liệt, đòi hỏi những thái độ rõ rệt. Người ta không thể tự nhận là người dân chủ trong khi không dám nói một lời bênh vực các tù nhân chính trị như Quảng Độ. Cuộc vận động dân chủ cũng đã lên cao, sau nhiều phấn đấu và hy sinh của nhiều người. Giờ này nó có quyền đòi hỏi nhiều hơn trước đây. Những lời kêu gọi "Diên Hồng" vớ vẩn trong Mặt Trận Tổ Quốc đã trở thành tro trên. Trước đây Mặt Trận Tổ Quốc là một cây bôn-sai vô hại, ngày nay nó đã được pháp chế hóa và được tận dụng như một công cụ cấm cản ứng cử tự do. Những người có tư cách, chưa nói những người tự nhận là dân chủ, không thể tham gia vào trò hề thô bỉ này.

5

Gần đây dòn dập xuất hiện những bài đả kích sự tham nhũng tại Việt Nam trên những tờ báo có tầm vóc quốc tế. Một quan chức Pháp có mặt trong một phái đoàn chính thức mới đây trở về phân nộ nói với tôi rằng ở quốc gia thiếu mở mang nào cũng có tham nhũng, nhưng ở Việt Nam người ta tham nhũng quá lố và tham nhũng một cách bất lịch sự. Ông ta nói các doanh nhân có một trăm lý do để đầu tư tại Thái Lan, Trung Quốc, Mã Lai hơn là ở Việt Nam.

Nhà nước cộng sản cũng đã thấy rất rõ tai hại của tham nhũng. Nhiều chiến dịch, biện pháp chống tham nhũng đã được tung ra nhưng tham nhũng vẫn tiếp tục gia tăng. Điều đó chẳng có gì là khó hiểu. Tham nhũng là hậu quả tất nhiên của một xã hội phân hóa vì mất đồng thuận và mất các giá trị đạo đức. Nhưng làm sao có thể có đồng thuận dân tộc khi những khát vọng thiết thân nhất bị vắn chà đạp thô bạo và những con người đứng đắn nhất vẫn bị bỏ tù? Làm sao có thể nói tới đạo đức quốc gia khi những con người đã phạm những tội ác đẫm máu, đã làm kiệt quệ quốc gia vẫn tiếp tục tự cho mình độc quyền lãnh đạo đất nước? Còn tham nhũng thì kế hoạch nào cũng thất bại. Nhưng không phải ai cũng chống được tham nhũng. Phải thay đổi chế độ và phải thay đổi người lãnh đạo.

Nguyễn Gia Kiểng

Chòi ngắm sóng

Phùng Quán vừa mới mất. Tôi viết vội ít dòng này gọi là để vĩnh biệt anh, vì như vậy tôi sẽ không bao giờ được gặp anh nữa. Cuộc đời vốn đầy dẫy những cuộc chia ly, sao có những lần chia ly lại để trong lòng người nhiều tiếc nuối hơn những lần khác! Và đây là một. Tôi không có nhiều dữ liệu đầy đủ và chính xác về cuộc đời anh để nói. Tưởng nhớ anh, tôi chỉ biết thành thật nhắc lại đây một vài điều còn đọng lại trong lòng sau đôi lần được uống rượu với anh.

Trước khi gặp anh, tôi vốn rất sợ cái Huế tính nói chung, nhất là sau những lần gặp một Thanh Tịnh, nghe một Tố Hữu, nhưng đối với anh hoàn toàn không ngờ lại khác. Nhà anh nằm gần Hồ Tây, nhưng không nằm sát hồ, để nhìn được hồ, anh nghĩ ra một kế: Anh dựng lên một cái chòi trông cũng bệ rạc đúng như một cái chòi trên các nương rẫy, nhưng từ trên cái chòi đó anh có thể nhìn thấy được mặt hồ. Anh gọi nó là "cái chòi ngắm sóng". Sau này tuy anh sửa sang lại rộng rãi hơn theo dáng dấp một cái nhà sàn, nhưng chúng tôi vẫn gọi nó là "chòi ngắm sóng". Trên chòi ngắm sóng này, anh tiếp mọi người - từ các cháu thiếu nhi thích làm thơ, có cả các em người dân tộc tôi gặp dạo nào, bạn bè ở khắp nơi tới, từ nước ngoài về, bạn bè anh gọi là "đi vắng" vừa trở lại như anh Nguyễn Hữu Đang, anh Phùng Cung... - uống rượu, ngâm thơ, luận về cuộc đời mà anh gọi là một cuộc chơi. Trong cuộc chơi ấy, có cái trò Đảng Cộng Sản Việt Nam "chơi" Nhân Văn Giai Phẩm. Ở đây anh dùng chữ chơi với nghĩa *đem ra làm trò chơi*. Theo nghĩa ấy, anh vừa nói vừa cười, vừa diễn dịch: Ví dụ cũng có thể nói Hồ Chí Minh "chơi" dân tộc Việt Nam. Giọng anh lúc nào cũng nhu hòa, nhỏ nhẹ, nụ cười đậm thắm, hiền lành. Rồi anh đọc thơ anh cho chúng tôi nghe, thường bắt đầu bằng cái bài:

*Có nơi nào trên trái đất này
Mật độ nhà thơ như ở đây...*

Rồi anh bắt chúng tôi cùng đọc thơ của chúng tôi. Cho đến lúc tàn canh, có người lặn quay xuống sàn nhà mà ngủ.

Anh là một người, như anh nói, trẻ nhất trong đám Nhân Văn, nhưng cũng đã đóng góp một phần không nhỏ của cuộc đời cho các trại cải tạo để trả món nợ Nhân Văn ấy. Từ lúc được trả về cuộc sống như "một chiếc bóng bên lề xã hội", như các anh nói, anh gần như thường xuyên say.

Thường xuyên say, nhưng không kém hăng say trong hoạt động, đi lại, hiện diện không ngừng trong những cuộc họp mặt có tính cách văn hóa, văn nghệ. (Một lần tôi về không gặp được anh vì anh đi làm lễ kỷ niệm bà Đoàn Thị Điểm).

Gần đây anh lại viết nhiều để bênh vực, tranh đấu cho bạn bè, điển hình là trường hợp anh Nguyễn Hữu Đang. Anh vẫn dùng "cả hai tay" như chị Bội Trâm, vợ anh nói, nghĩa là làm thơ và viết văn. Và anh lúc nào cũng cổ động những người khác viết. Anh bảo: "Mục đích của cường quyền là vô hiệu hóa những người họ nghĩ chống lại họ. Người làm văn hóa chỉ có lời nói của mình. Nếu không nói được tức là bị vô hiệu hóa. Nếu không đăng được ở đây thì ta cứ có cách gửi ra nước ngoài, thời buổi này đã đến lúc không ai bịt miệng được ai cả!".

Chỉ gặp nhau có mấy lần, nhưng tình nghĩa anh cho tôi thật sâu nặng. Dạo ấy tôi nói với anh tôi đến tìm gặp anh vì nợ anh ba câu thơ tôi trích vào tác phẩm của mình:

*Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.*

Nhưng bây giờ thì tôi biết tôi còn nợ anh nhiều hơn thế nữa, cái phần đời, cái cuộc đời của anh, anh đem đánh đổi cho một cuộc chơi mà trong đó chúng ta vẫn còn được tiếp tục để không bị "vô hiệu hóa" kia. Anh là người trẻ nhất trong nhóm Nhân Văn. Thế là hết. Có thể nào vụ án Nhân Văn được xem là kết thúc? Có lẽ nào cái chết của anh lại có thể đem lại những niềm vui cho một số người nào đó?

Lần cuối nhìn anh râu tóc bạc phơ, ngồi xỏm lúi húi bên bếp lò làm món chả cá đái chúng tôi. Tôi chợt nhớ một hình tượng trong hai câu thơ anh:

*Những lúc yếu lòng
Tôi lại vịn vào câu thơ mà đứng dậy.*

Bây giờ anh đã đứng dậy và đã ra đi rồi. Xin vĩnh biệt anh.

Nguyễn Hồi Thủ
Paris, 30 Tết Ất Hợi (1995)

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

**hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chính
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó**